

Số 129

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

Vipassana
và tôi
Tr. 23

Sự hiện đại của
tình thương
Tr. 8

*Bầy đóa
sen vàng*
Tr. 7





TÔN HOA SEN



Mái ấm gia đình Việt

Số 9 Đại lộ Thống Nhất - KCN Sóng Thần 2 - Dĩ An, Bình Dương

Tel: 0650.3791.791 - Fax: 0650.3791.792

VPĐD: 215-217 Lý Tự Trọng, Q.1, Tp.HCM

Tel: 08.3910.6910 - Fax: 08.3910.6913

www.hoasengroup.vn

QUÁN CHAY

pháp uyển

Nơi thưởng thức ẩm thực chay
tốt sức khỏe, nhẹ tinh thần

17/4 Nguyễn Huy Tưởng, Phường 6, Bình Thạnh, TP.HCM
website: www.phapuyen.com, email: lienhe@phapuyen.com
QUÁN CHAY PHÁP UYÊN - ĐT. 35 035 579

Ẩm Thực Chay
THIÊN DUYÊN

Phước Đức Vạn Đầy Tâm An Lạc

- ☐ Nhận đặt tiệc chay, liên hoan, đám cưới, tiệc
- ☐ Giá 1.000.000vnd/bàn/10 người
(gồm 6 món ăn + tráng miệng)

Địa chỉ:
141 Nguyễn Thị Thập
P. Tân Phú, Quận 7, TP. HCM

Đã phát hành

Văn Hóa Phật Giáo

đóng bộ **Tập 2** năm 2010



Bạn đọc có nhu cầu xin liên hệ tại

Tòa soạn: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP. HCM

ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576

☐ Quý độc giả có nhu cầu **QUẢNG CÁO**

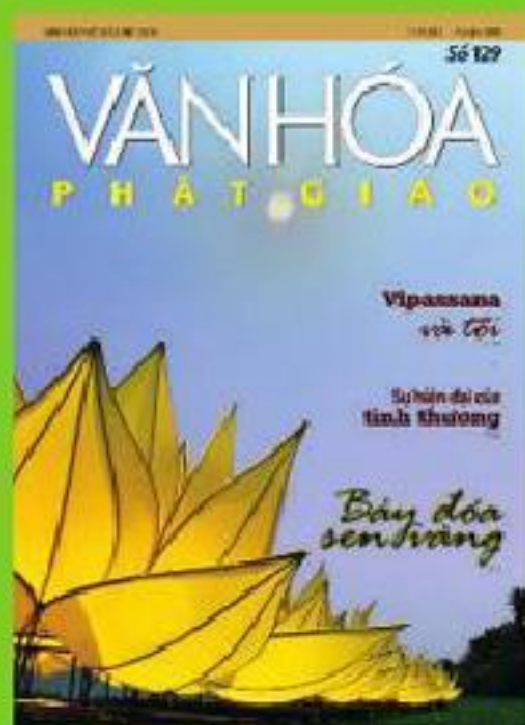
☐ Xin vui lòng liên hệ: **Cô Thu Sương**

☐ ĐTDD: **0918 032 040**

☐ Email: thusuong69@gmail.com

VĂN HÓA
PHẬT GIÁO

Tạp chí của tất cả những ai chấp nhận tư tưởng Phật giáo, quyết tâm xây dựng một xã hội lành mạnh, hiền hòa và bảo vệ, phát huy văn hóa truyền thống của dân tộc.



Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập
THÍCH CHƠN THIỀN

Phó Tổng Biên tập Thường trực
kiêm Thư ký Tòa soạn
TRẦN TUẤN MÂN

Phó Tổng Biên tập
THÍCH TRUNG HẬU
THÍCH MINH HIỀN

Trình bày
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành
Trụ sở Tòa soạn VHPG
ĐT: (84-8) 3 8484 335
Cô Hồ Thị Phương Châu, DD: 0907 164 066
0914 063 669

Quảng cáo
Cô Thu Suong, DD: 0918 032 040

Tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-8) 38484 335 - 38484 576
Fax: (84-8) 35265 569
Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn
Số tài khoản: 1487000000B
Ngân hàng VPBank, Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Văn hóa - Thông tin
số 96/GP-BVHTT và 66/GP-SĐBS
Ghi bản & in tại Nhà in Trần Phú
Q.1 TP. Hồ Chí Minh

Nói vậy mà không phải vậy! (Nguyễn Cẩn)	3
Sương mai	6
Bảy đóa sen vàng (Nguyễn Đình Niêm)	7
Sự hiện đại của tình thương (Nguyễn Thế Đăng)	8
Tìm nghĩa đích thực cho Đại lễ Phật đản (Trần Văn Chánh)	10
Lắng nghe lời Phật, thoát mọi phiền hà (Diệu Thanh)	12
Đem đèn sáng vào trong bóng tối (Thảo Vy)	14
Tuổi trẻ ăn chay (Thị Giới)	17
Thiền quán niệm và sự nghiện ngập (Ronald Alexander, Đỗ Hoàng Tùng dịch)	20
Vipassana và tôi (Diệu Liên Lý Thu Linh)	23
Chữ Nhẫn của người nay (Hoàng Tá Thích)	26
Bảo vệ mình và người (Tấn Nghĩa)	28
Chùa Bà Tuấn Phạm và tôi (Chân An Hoa, Nguyễn Phước Thị Liên)	30
Làm sao cho cái ác không nảy mầm trong tâm hồn trẻ? (Nguyễn Hữu Đức)	32
Phút lâm chung của mẹ (Hải Trình)	34
Tôi làm "thầy cò" (Tường Linh)	35
Mơ hoa (Hoàng Xuân Vinh)	38
Hoa cỏ dại khờ (Hồ Đăng Thanh Ngọc)	40
Văng cảnh Linh Phong tự (Nguyễn Thị Quyên)	43
Thông điệp từ chim bồ câu (Cao Huy Hóa)	46
Thăng Nhi làng Xuân Hòa (Hoàng Quy)	49
Thơ	52
Người đứng sau (truyện ngắn của Nguyễn Trọng Hoat)	54
Hãy một lần vào viếng lăng Ông (Phó Đạo)	57
Lời cảm ơn cuộc sống	61
Món chay: Canh hoa thiên lý nấu măng vùi (Hoàng Anh - Phú Xuân)	62

Bìa 1: Bảy đóa sen vàng. Ảnh: Đình Nguyên

Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Ngày Phật đản Phật lịch 2555 đã đến. Trong niềm hân hoan đón mừng lễ kỷ niệm ngày Đản sinh Đức Bổn sư lần thứ 2.635, chúng ta khẳng định niềm tin vào một xã hội hiền thiện chắc chắn sẽ được xây dựng thành công từ những lời dạy của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, giáo pháp chứa đựng tinh thần bình đẳng, từ bi, và trí tuệ đã tỏa sáng từ 2.600 năm trước.

Niềm tin đó dựa trên thực tế là giáo pháp của Đức Phật đang ngày càng giành được sự trân quý của loài người trên khắp thế giới trước những bế tắc của một xã hội toàn cầu hóa thiên về tiêu thụ. Là một dân tộc đã tiếp thu giáo pháp của Đức Phật suốt hai ngàn năm qua, người Việt chúng ta cần nhìn lại quá trình sống đạo của dân tộc để xác định một ý nghĩa đích thực của ngày Phật đản, rằng đó là ngày để nhắc nhở chúng ta nỗ lực thực hành đúng những lời dạy của đấng Từ phụ, mở rộng tâm thức để chấp nhận và dung hòa mọi khác biệt, tránh tinh thần cực đoan đi đến chỗ bài xích tất cả những gì khác với mình, để cùng nhân loại xây dựng một cõi tịnh độ trong nhân gian.

Đức Phật vẫn dạy rằng có được thân người là rất khó; làm người mà được biết đến Phật pháp lại càng khó hơn. Chính vì thế, những người đã học Phật càng cần phải gieo rắc ánh đạo vàng đến khắp mọi nơi bằng mọi phương tiện thiện xảo, mà phương tiện thiện xảo nhất chính là tình thương. Có lẽ người Phật tử cần hiểu rõ ý nghĩa của tình thương trong thời hiện đại. Văn Hóa Phật Giáo số 129 tiếp tục khẳng định lại con đường đã vạch, chuyển tải tất cả những ý nghĩ hiền thiện của mọi người để góp phần xây dựng một xã hội hiền thiện dựa vào giáo pháp từ bi và trí tuệ của Đức Phật. Việc mở rộng những bài viết ngày càng thể hiện rõ nét hơn mọi sinh hoạt của con người, trong đó nhấn mạnh đến những nét đúng, nét lành, và nét đẹp là một trong những cải cách về phương diện nội dung mà VHPG đã tiến hành trong những năm qua. Chúng tôi tin tưởng rằng những thể hiện thực tiễn ấy ngày càng đáp ứng đúng nhu cầu của một nền văn hóa đọc mà hiện nay xã hội ta đang thiếu.

Với những cảm xúc dâng trào khi nhìn lá cờ năm màu của Phật giáo thế giới và cũng là lá cờ của Phật giáo Việt Nam tung bay trên nền trời Tổ quốc, VHPG xin kính cẩn dâng lời nguyện cầu lên Tam bảo, nguyện cho Tổ quốc Việt Nam thịnh vượng, thế giới hòa bình, chúng sanh an lạc. Chân thành chúc quý độc giả được tràn đầy pháp lạc nhân ngày Phật đản Phật lịch 2555.

Văn Hóa Phật Giáo





Nói vậy

mà không phải vậy!

NGUYỄN CÁN

Đó là cách nói của người miền Nam trước đây khi muốn phê phán những kẻ nói một đằng mà nghĩ một nẻo, những kẻ nói không đúng sự thật, hoặc những kẻ cố tình chỉ trình bày một phần sự thật, nói chung là khiến người khác hiểu không đúng sự thật để thủ lợi. Mới đây, Tủ sách Doanh trí của Nhà xuất bản Trẻ có đưa ra thị trường chữ nghĩa một tập sách mang tựa đề *Nói vậy mà không phải vậy*. Đây là bản dịch một tuyển tập các bài xã luận về kinh tế do nhà Random House xuất bản năm 2001, tập hợp những bài viết của Robert Jacob Samuelson, một tác giả chuyên viết xã luận về kinh tế và thương mại trên hai tờ báo nổi tiếng của Mỹ là *Newsweek* và *Washington Post*, dưới tựa đề “Untruth: Why the Conventional Wisdom is (almost always) Wrong?” (Tạm dịch, *Sự dối trá: Tại sao sự hiểu biết theo tập quán hầu như luôn sai lạc?*).

Theo lời giới thiệu của giới truyền thông Hoa Kỳ thì trong tuyển tập những bài viết dưới tựa đề Untruth này, Samuelson đã giải thích vì sao những cuộc tranh luận về chính trị, kinh tế, và văn hóa trong xã hội Hoa Kỳ thường loan truyền sai lạc như những thói rởm đời

của giới bình dân, đến mức, giống như những thiên thạch bay qua bầu trời, các vấn đề tranh luận cứ bùng lên trong tâm thức của công chúng một cách thoáng qua rồi nhanh chóng mờ nhạt.

Theo giải thích của Samuelson, chính những nhóm ủng hộ một vấn đề nào đó, và các chính trị gia cùng những đồng minh của họ trong giới truyền thông, đã cố tình tạo ra hàng loạt những vấn đề khiến xã hội phải bối rối và phải tìm cách giải quyết. Các vấn đề đó thường bị phóng đại và được trình bày một cách quá giản lược, kết quả là công luận bị xò mũi, không biết một cách đúng đắn rằng sự sai lầm nằm ở chỗ nào và sai lầm đó có thể được điều chỉnh một cách giản dị đến mức nào. Nói khác đi, những bài xã luận của Samuelson đã vạch trần sự dối trá của các nhóm áp lực, của các chính trị gia, và của các tổ chức truyền thông ăn theo. Các dịch giả của Tủ sách Doanh trí cũng thật hóm hỉnh khi lấy câu “Nói vậy mà không phải vậy” để diễn tả ý nghĩa của từ “Untruth”.

Người ta ai cũng thấy, chỉ cần thông tin bị cắt xén, che giấu một phần (chứ chưa kể tới bị xuyên tạc, thổi phồng hay nói giảm, nói tránh) thì hậu quả đã dẫn đến định hướng tư duy sai lầm và có những quan điểm sai lầm.



Từ chuyện giá xăng đến 1.001 chuyện khác

Bộ Tài chính vừa đính chính sẽ không có chuyện tăng giá xăng lên 24.000 đồng một lít như tin đồn râm ran mấy ngày gần đây. Tuy nhiên, trong những câu chuyện vỉa hè, người ta vẫn hoài nghi về tính khẳng định của lời đính chính ấy. Trong lịch sử, đã có quá nhiều tin đồn về chuyện xăng tăng giá hoặc thiếu nguồn cung; đến mức, chính Bộ Công thương có lần còn phải tiến hành điều tra nguồn gốc phát tán tin đồn tăng giá xăng. *"Thế nhưng, trên thực tế mỗi lần có tin đồn, cơ quan chức năng lại tuyên bố với báo giới là chưa có chính sách điều chỉnh, rồi chỉ ít ngày sau đó, phương án tăng giá được đưa ra. Do vậy, giới chuyên gia nhìn nhận những tuyên bố về việc giá tăng hay giảm chỉ có tính chất thời điểm và có hiệu lực trong ngày. Bởi xăng dầu là mặt hàng nhạy cảm, liên quan đến đầu cơ nên người tiêu dùng luôn phải chuẩn bị tâm lý rằng giá có thể tăng trong hôm nay hoặc ngày mai"* (Nguồn: VNE, 27/4).

Còn nhớ, vào năm 2008, Bộ trưởng Bộ Tài chính cho biết, Bộ đã đề xuất thành lập quỹ bình ổn giá xăng dầu ở các doanh nghiệp. Lúc đó, ông nói *"Thường thì các nước có lộ trình; ví dụ mỗi quý điều chỉnh một lần, nếu không thì sáu tháng một lần; ổn định hơn thì một năm một lần. Nếu làm như thế, chúng ta sẽ không phải tăng giá xăng ngay lập tức theo giá dầu thế giới, mà theo lộ trình"*. Nhưng rồi xăng vẫn cứ tăng mà chẳng có lộ trình nào. Người ta còn lập luận rằng xăng tăng là theo giá thị trường thế giới; hơn thế nữa, vẫn khẳng định giá xăng Việt Nam còn thấp hơn nhiều nước!

Cứ như thế, người ta tin vào tin đồn, tin hành lang nhiều hơn là những thông báo chính thức.

Từ lời nói đến việc làm

Khoảng cách ấy có khi bằng từ mặt đất lên sao Hỏa. Thế nhưng có nơi người ta đánh giá quan chức, công bộc của dân, bằng những hành động cụ thể. Đã có những nhà lãnh đạo phải trả giá cho sự nghiệp chính trị của mình vì không thực hiện lời nói hay lời hứa của họ. Người ta còn nhớ chuyện Thủ tướng Nhật. Khi ra ứng cử, ông này đã hứa với nhân dân Nhật sẽ dời bằng được căn cứ của Mỹ ra khỏi Okinawa. Sau tám tháng lên làm Thủ tướng, thấy không có cách gì thực hiện được lời hứa đó vì lý do khách quan là tàu hải quân Trung Quốc tăng cường đe dọa an ninh vùng biển Nhật Bản, ông liền tuyên bố với nhân dân, Quốc hội, và Nhật hoàng kiên quyết xin từ chức. Và ông từ chức thật!

Trông người lại ngắm đến ta. Còn bao nhiêu ước mơ trao gửi trong suốt 12 kỳ Quốc hội mà những chất vấn, bức xúc vẫn cứ ngổn ngang như trong... thời chiến? Từ chuyện bảo hiểm y tế, chuyện bệnh viện 3, 4 người một giường, chuyện giáo dục nhồi nhét, hành hạ từ học sinh đến phụ huynh phải lao tâm khổ tứ vì học phí, vì đưa đón con cái, vì học thêm ngoài giờ, đến chuyện nhà cho người thu nhập thấp, chuyện ngập nước đô thị, hố tử thần, cầu đường xuống cấp... Tóm lại nhìn đâu cũng thấy... vấn đề!

Chúng ta không có ý để nghị ai đó phải từ chức, một phần vì thói quen ấy đã đánh mất từ lâu; mà phần khác

cũng còn vì chúng ta thật tâm muốn những người có trách nhiệm phải đi sâu vào thực tế, nhìn ra cốt lõi của vấn đề. Những nhà lãnh đạo không chỉ nghe “báo cáo” mà phải đánh giá cấp dưới qua thành quả đạt được cụ thể, bằng các hành động có hiệu quả. Đừng chỉ nghe nói trống được năm triệu hecta rừng mà vội mừng khi không nhìn ra bao nhiêu triệu hecta đã bị đốn, bị đốt, bị xâm hại, bao nhiêu hecta rừng (theo số liệu thống kê thì khoảng 100.000) đã cho Trung Quốc, Đài Loan thuê?

Phát triển điện lực thì vui nhưng bao nhiêu rừng đầu nguồn đã bị phá? Phát triển kinh tế quốc doanh, duy trì tập đoàn kinh tế nhà nước làm xương sống của nền kinh tế cũng được, nhưng phải tính xem hiệu quả thực tế là thế nào khi chỉ số ICOR cho thấy phải có 8 USD đầu tư cho kinh tế quốc doanh mới tạo ra 1 USD sản phẩm; trong khi ở khu vực tư nhân, với doanh số đó, người ta chỉ cần đầu tư 3-4 USD.

Lưỡi không xương

Không chỉ trong phạm vi quốc gia mà cả trên bình diện quốc tế, người ta cũng quen “nói vậy mà không phải vậy”. Trong Hội thảo quốc tế về biển Đông, phía Trung Quốc đã tỏ ra lúng túng và tự mâu thuẫn khi một mặt, kêu gọi các quốc gia Asean hợp tác an ninh quốc phòng, tuân thủ ứng xử trên biển Đông, mặt khác, để cho Cục Đo đạc bản đồ quốc gia Trung Quốc chính thức cung cấp dịch vụ bản đồ trực tuyến “Map World”, trong đó vẫn tiếp tục thể hiện đường yêu sách 9 đoạn (đường lưỡi bò) trên biển Đông. Chẳng những thế, nào là hạm đội Nam Hải của Hải quân Trung Quốc tiếp tục diễn tập phòng ngự đảo tại quần đảo Hoàng Sa của Việt Nam mà Trung Quốc chiếm giữ bất hợp pháp; nào là các biên đội tàu hộ vệ của Hải quân Trung Quốc ngang nhiên diễn tập chống cướp biển ở khu vực quần đảo Trường Sa cũng thuộc chủ quyền Việt Nam.

Ài cũng thấy việc Trung Quốc nêu đường yêu sách 9 đoạn trên biển Đông là hoàn toàn trái với các quy định của Công ước Liên Hiệp Quốc về Luật Biển năm 1982. Chính vì thế, yêu sách ấy không được Ủy ban Ranh giới thềm lục địa của Liên Hiệp Quốc (UNCLCS) công nhận; UNCLCS đã cho rằng yêu sách của Trung Quốc là không có giá trị vì nó không có cơ sở pháp lý, lịch sử, và

thực tiễn. Theo báo *Thanh Niên* ngày 27-4-2011, đã có nhà nghiên cứu phát biểu rằng với “đường Lưỡi Bò” ấy thì ngay cả TP.HCM của Việt Nam và thủ đô Manila của Philippines cũng thuộc Trung Quốc. Rõ ràng những hành động của Trung Quốc hoàn toàn trái ngược với những lời tuyên bố của họ.

Ngày xưa Khổng Tử dạy con cháu mình phải lấy “*Chính giả, chính dã*” làm châm ngôn xử thế; nghĩa là muốn có được chính danh thì lời nói và hành động phải tương hợp. Muốn làm bậc chính nhân quân tử thì lời nói và hành động phải cùng đúng đắn. Chỉ nói suông e không được! Lời nói và việc làm có đi đôi với nhau thì người mới theo về. Điều đáng buồn là ngày nay con cháu của ngài nói một đằng, hành động một nẻo.

Thực hành Chính ngữ

Trong giáo lý nhà Phật, “Không nói dối mà luôn luôn nói lời chân thật là đức hạnh đầu tiên của Chính ngữ”. Làm người, chúng ta phải tránh “ăn không nói có”, nói điều không trung thực, gây hại cho người, chiếm đoạt tài sản vì tâm tham, gây hiểm khích vì tâm sân... vì lẽ tâm sở bất thiện luôn luôn nằm ngay trong lời nói giả dối, lời nói đi ngược lại công lý hay chân lý.

Một trong những hạnh Bồ-tát là chân thật, trong sạch và chính trực. Phương châm của các Ngài là, “*nói*

sao làm vậy, làm sao nói vậy”, không hề sai chạy, không bao giờ có sự chênh lệch giữa hành động và lời nói. Đời công các Ngài như thế nào đời tư như thế ấy. Dẫu có phải hy sinh mạng sống đi nữa Bồ-tát vẫn không hề nói lời giả dối. Sở dĩ chư vị Bồ-tát rất chú tâm đến hạnh chân thật như vậy là vì ảnh hưởng của sự giả dối rất sâu đậm.

Chúng ta đang trên con đường tu tâm dưỡng tánh, cần phải luôn quan niệm sống như thế nào, nói như thế ấy, không ngụy tín (*mauvaise foi*-

theo cách nói của Albert Camus), tha hóa trong vọng ngữ. Làm được như vậy, mỗi người tự hoàn thiện bản thân. Tập quán “tôn trọng sự thật” phải được dạy dỗ từ thuở ấu thơ để các em đi vào đời luôn vững tin vào một xã hội công chính với những “người lớn” biết trau dồi phẩm cách “nói sao làm vậy”, với những nhà lãnh đạo sống trung thực với suy nghĩ của mình và là một “chính nhân” trong mọi tình huống.

Đó không chỉ là hy vọng của riêng ai! ■



*Vì rằng tu tập thiện đưa đến hạnh phúc
an lạc, nên Ta đã nói như sau, “Này các
Tỳ-kheo, hãy tu tập thiện”.*

Kinh Tăng Chi Bộ, Chương II

Bảy đóa sen vàng

Bài và ảnh: NGUYỄN ĐÌNH NIÊM

Mùa Phật đản lại về, nước sông Hương như trong hơn và bầu trời như xanh hơn. Bảy đóa sen lại chuẩn bị nở trên dòng Hương giang êm đềm và thơ mộng. Sen năm nay mang sắc vàng khác với mọi năm. Nhìn bảy đóa sen mờ ảo trôi trên dòng sông vào mùa Phật đản, chẳng riêng người con Phật mà ai ai cũng không thể nén được cảm xúc dâng trào.

Những đóa sen trên sông Hương với hình dáng, màu sắc, kích cỡ, và ngay cả sự xuất hiện của nó quả thật là một sự kết hợp tài tình đầy sáng tạo của con người với thiên nhiên. Quý Tăng Ni trẻ của Tỉnh hội Phật giáo Thừa Thiên-Huế từ lâu đã ấp ủ ý tưởng về việc làm sao thiết kế cho được bảy đóa sen trên dòng sông Hương trong mùa Phật đản. Ý tưởng này nếu không được người có tâm có tài cùng góp sức, và nếu không chứng minh được tính khả thi của nó, thì sẽ không được quý Hòa thượng trong Giáo hội ủng hộ để rồi mãi mãi ý tưởng chỉ là ý tưởng. Nhưng duyên lành đã đến, quý thầy cô đã gặp được một Phật tử là kỹ sư cơ khí tài năng và đầy nhiệt huyết, luôn hết lòng với Phật sự. Thật vậy, anh Nguyễn Đình Khanh đã tâm đắc với ý tưởng đẹp ấy nên đã tình nguyện thiết kế bảy đóa sen gọi lại bảy đóa sen thiêng từng đỡ gót chân của Đức Phật khi Ngài vừa Đản sanh. Tiếp đó, quý thầy cô và cả các Tăng Ni sinh thuộc Học viện Phật giáo Thừa Thiên Huế đã cùng kế vai sát cánh nỗ lực thực hiện kế hoạch... Tập thể nhiệt tình ấy đã trình phương án, đã giành được sự chuẩn thuận của quý Hòa thượng, kể cả có sự đồng ý của chính quyền địa phương; để nhân dịp Đại lễ Vesak năm 2008 được tổ chức tại Việt Nam, Huế đã đóng góp vào sự kiện ấy với hiện tượng bảy đóa sen

hồng nở rực trên dòng Hương giang.

Để hiểu được phần nào công sức và trí lực của quý thầy cũng như của các vị Tăng Ni, Phật tử đã tích cực đóng góp vào hiện tượng này trên dòng sông Hương giữa mùa Phật đản, có lẽ một vài con số biết nói dưới đây có thể minh họa. Trọng lượng của mỗi đóa hoa là một tấn tư (1.400kg); mỗi bông hoa có đường kính tới bảy mét rưỡi và cao ba mét rưỡi. Ba tầng cánh hoa đều đặn từ lớn tới nhỏ gồm hai mươi bốn cánh được may bằng vải đồng màu là công sức của chư Ni và các vị nữ Phật tử cặm cụi ngày đêm; năm nay, cánh hoa có màu vàng, màu tượng trưng cho ánh đạo giải thoát. Hệ thống chiếu sáng cho các đóa sen được kỹ sư Trần Đại Phước thiết kế; mỗi bông hoa được thắp sáng bằng mười tám bóng đèn néon dài một mét hai với nguồn năng lượng của một máy phát điện 3kw; các bóng đèn được lắp đặt quanh một giàn hình trụ ở giữa bông hoa nên khi nhìn từ bên ngoài, ta chỉ thấy như đóa sen tự tỏa sáng. Tất cả thiết kế ấy được đặt trên một cái phao làm bằng mười chiếc thùng phuy kết chặt với nhau bởi một khung sườn là những thanh sắt.

Sáng Chủ nhật ngày 8-5-2011, nhằm ngày sáu tháng Tư năm Tân Mão, bảy đóa sen vàng được hạ thủy. Đúng 19g45 ngày tám tháng Tư năm Tân Mão, tức là ngày 10-5-2011, lễ thắp sáng sen vàng được long trọng tổ chức để chào mừng mùa Phật đản Phật lịch 2555. Đây là lần thứ ba, sen lại tỏa sáng dòng sông Hương.

Một ý tưởng, ban đầu ai cũng nghĩ là không tưởng. Nhưng, với một lòng vì đạo, với niềm tin vô bờ vào giáo lý của Đức Phật và vào sự trường tồn của nền giáo lý ấy, ý tưởng đã nở thành bảy đóa sen, tỏa hương, tỏa sáng đến nghìn sau. ■



Sự hiện đại của tình thương

NGUYỄN THẾ ĐĂNG

Buổi sáng. Một con đường dài chưa đến một cây số, rộng chỉ đủ cho hai chiếc xe hơi tránh nhau, ở một nơi ngoại ô thành phố.

Vài bà mẹ chờ con đi học, con ôm cứng mẹ, nói với mẹ và mẹ vừa nhìn thẳng đằng trước vừa trả lời. Những người lớn tuổi chạy chậm nhìn trước nhìn sau khi qua đường. Người đi chợ cười với người ngồi bán trên vỉa hè. Những anh công nhân vào tiệm cà phê, tán gẫu trước khi vào ca. Người ta biểu lộ sự thân quen, thậm chí thân mến với nhau.

Trên vỉa hè, hai vợ chồng quét dọn cẩn thận, như quét dọn nhà của mình, để dọn rau trái, được chăm sóc tươi tốt. Đây chỉ là nơi bán tạm, chưa biết bị đuổi lúc nào. Một chiếc võng treo trên tường bên kia đường, không choán chỗ ai. Sự nhường nhịn, sợ làm phiền người khác, sự muốn làm vui lòng người khác chiếm ưu thế ở đây.

Thì ra, một khoảng đường nhỏ này, sở dĩ hoạt động được, sinh hoạt được, là nhờ thiện cảm, thiện ý với

nhau, nhờ tình thương, dù ở mức độ sơ đẳng nhất.

Thử tưởng tượng, nếu một phần tư số người ở đây thù ghét nhau, người bán hàng này cứ 'chơi xấu' người bán bên cạnh, người lái xe trước cứ cố tình cản trở người đi sau, có người cố tình liệng đá ra đường cho người khác té, để xe trước cửa quán ăn khiến người lấy xe ra không được, người muốn vào không xong... Chỉ một phần tư số người ghét nhau trên con đường nhỏ này, tất cả sẽ lộn xộn, bế tắc, có khi đánh nhau...

Nhìn rộng, hóa ra cả thành phố này, và cả thế giới này đang sinh hoạt, đang sống động là nhờ có tình thương, có thiện ý tối thiểu của đa số người. Đời sống đang vận hành khắp nơi, không tắc nghẽn, không hỗn loạn là nhờ sự tôn trọng, thân mến, tình thương vốn có ở mức căn bản của mỗi con người.

Động cơ bình thường khiến đời sống này vận hành là tình thương. Hẳn có người bi quan hơn, nói rằng, động cơ chính của đời sống là tham lam, sân hận, si mê ích

kỷ..., những tình cảm tiêu cực. Nhưng chỉ nhìn sơ qua, nơi mỗi con người cũng như nơi xã hội, dù chưa có pháp luật và giáo dục, những tình cảm tích cực, tình thương, vẫn chiếm ưu thế. Còn nếu nhìn sâu hơn, tham, sân, si chỉ là tình thương bị định hướng sai, thay vì mở ra với người khác và thế giới, thì lại quay về tập trung vào 'cái ta và cái của ta'. Từ đó mọi tình cảm tiêu cực phát sanh.

Sigmund Freud đã quan niệm rằng libido (năng lực tình dục) là cái nền tảng điều hành và quy định mọi hành vi có ý thức và vô thức của con người. Đối với phân tâm học của Freud, nền tảng của đời sống là tình dục. Nhưng phải thấy rằng năng lực tình dục chỉ hoạt động ở thân thể và phần thấp của ý thức. Trong khi đó, tình thương hoạt động trong toàn bộ thân tâm của con người, từ phần thấp nhất đến phần cao nhất. Cả hai, tình dục và tình thương, đều có những đặc tính giống nhau: mở mình ra để đến với một đối tượng, tìm cách kết hợp và hợp nhất với đối tượng đó. Như thế có thể thấy rằng tình dục là tình thương hoạt động ở thân thể bản năng và phần ý thức cấp thấp. Chính vì năng lực tình dục là tình thương ở cấp thấp mà nó có thể chuyển hóa, thăng hoa, để cho con người có thể chuyển hóa, thăng hoa.

Tình thương, hơn cả luật lệ, hơn cả những sự điều hành bằng hành chánh, hơn cả sự sản xuất, buôn bán, đang điều hành một xã hội. Cái quyết định trong tương quan giữa tôi và một người bất kỳ nào đó, không có mối quan hệ giai cấp, kinh tế, chính trị nào, cái điều hành quan hệ ngoài mọi lợi lộc, mọi quyền hành này là tình thương.

Chính tình thương là động lực căn bản cho mọi hoạt động xã hội. Ai cũng biết một doanh nghiệp thành công là khi doanh nghiệp đó nghĩ đến người tiêu dùng hơn là nghĩ đến số tiền lời của mình. Không có nhà sản xuất nào sống nổi nếu cứ bỏ những chất độc hại vào thực phẩm, chế tạo ra những dụng cụ chỉ chạy vài tháng rồi hư... Hóa ra cạnh tranh ngày nay là cạnh tranh về trách nhiệm, cạnh tranh về lương tâm, cạnh tranh về tình thương đối với xã hội. Hóa ra sức mạnh của kinh tế thị trường là lòng tốt đối với khách hàng, tình thương đối với xã hội.

Chính sự sáng suốt và tình thương, tuy là cái khó thấy nhất, đang điều hành xã hội. Và một người lãnh đạo, một người dẫn đường, phải biết điều đó. Một người lãnh đạo xứng đáng nhất là người có nhiều sáng suốt nhất và nhiều tình thương nhất.

Tình thương là nền tảng cho sự vững bền và phát triển của một quốc gia. Bài học lịch sử mới đây của thế kỷ 20 cho chúng ta thấy điều đó. Những hình thức tổ chức xã hội, dù có được trang bị bằng những lý thuyết hay ho, được điều hành bởi những người thông minh hạng nhất thế giới, được dựa vào những dân tộc và lãnh thổ chẳng kém ai, nhưng chỉ vì thiếu cái căn bản là tình thương mà đã bỏ cuộc khỏi đường đua của thế giới. Những quốc gia còn lại, đã thoát khỏi những thử thách cực kỳ khắc nghiệt

của thế kỷ 20, không phải vì thông minh hơn, kỷ luật hơn, giỏi kỹ thuật hơn, mưu kế hay hơn... mà vì đã chú trọng vào tình thương con người hơn.

Một quốc gia như nước Pháp, trong thế kỷ 20, các nhà văn, các triết gia và cả các nhà khoa học, đều nhắc rất nhiều đến những từ chủ nghĩa nhân bản, chủ nghĩa nhân vị, nhân loại trung tâm... Một triết gia hiện sinh vô thần như J.P. Sartre cũng đặt cho triết lý của mình là một chủ nghĩa nhân bản (*Chủ nghĩa hiện sinh là một chủ nghĩa nhân bản*, 1946). Chắc hẳn mọi con người trí thức của Pháp đều quan niệm rằng phát triển để làm gì nếu không phải vì con người, và động cơ để phát triển là tình thương cho con người?

Phát triển là phát triển tình thương, văn minh là nhiều tình thương hơn. Tất cả những giải Nobel Văn chương, chưa kể đến những giải Nobel Hòa bình, có một tác giả nào không cổ vũ cho tình thương, có một tác giả nào cổ vũ cho thù hận, chiến tranh, cho sự ghét bỏ, giết hại, trộm cướp, tà dâm, dối trá, và say sưa mất tự chủ? Và tính cả những Nobel Khoa học, có phải họ đều có tình thương hơn người bình thường chúng ta? Tình thương nâng cấp con người và làm con người có giá trị hơn, nhiều tính người hơn.

Vì là nước mới thoát khỏi chiến tranh, nghèo đói, phần đông chúng ta cứ nghĩ văn minh là có nhiều đồ dùng hơn. Điều đó chỉ đúng một phần. Thực sự, văn minh là có nhiều tình thương hơn, sự sáng suốt hơn. Những nước hiện thời được gọi là phát triển cao đều cho chúng ta thấy rõ điều đó.

Kinh tế không phải là sự bóc lột, lợi dụng, dù là bóc lột và lợi dụng có luật pháp. Kinh tế chỉ đúng ý nghĩa của nó khi có tình thương. Chính trị không có tình thương thì không thực hiện được chức năng đích thực của nó, là phục vụ dân chúng.

Tình thương thì nằm ngoài mọi khoa học, vì chẳng có ngành khoa học nào cân đo đong đếm được tình thương nơi một con người. Công thức $E=mc^2$ nổi tiếng chỉ có thể tạo ra năng lượng từ những lò phản ứng nguyên tử, nó không thể tạo ra tình thương. Nhưng tình thương lại là cái làm cho con người có nhiều tính người hơn, hoàn thiện hơn, là nền tảng để con người sống, để có xã hội con người. Tình thương thì nằm ngoài mọi khoa học, nhưng nằm trong Phật giáo.

Thế nên, mỗi ngày chúng ta cần thực hành tình thương trong thân khẩu ý của mình, như quán từ bi chẳng hạn. Có tình thương, chúng ta có hòa bình và an vui trong tâm. Đây là số vốn để sống cho mỗi cá nhân và là số vốn xã hội mà ai cũng có thể đóng góp cho quốc gia, dân tộc... bất kể già trẻ, giàu nghèo, học ít học nhiều... Đến khi nào, tình thương trở thành một thực tại cụ thể, như hơi thở, như sự vật, như đời sống, lúc đó chúng ta sẽ biết ý nghĩa đời sống là gì, ý nghĩa của người khác là gì, ý nghĩa của thế giới là gì, và ý nghĩa của sự hiện hữu của chúng ta trên cuộc đời phù du này là gì. ■

Tìm nghĩa đích thực cho Đại Lễ Phật Đản

TRẦN VĂN CHÁNH

Có lẽ ai trong chúng ta cũng ít nhất đã thấy được ý nghĩa-vai trò tích cực của các tôn giáo đối với cuộc nhân sinh, trong việc các tôn giáo đã có những đóng góp quan trọng như thế nào vào nỗ lực chung xây dựng cuộc đời mà người ta hi vọng sẽ có sự hài hòa bình đẳng và thương yêu, tôn trọng lẫn nhau giữa những thành viên sinh vật có cùng chung số phận làm người, trong cuộc hành trình làm người vất vả, và trong một thế giới đa dạng có cả niềm hoan lạc hạnh phúc lẫn những nỗi khổ đau, mà nhà Phật còn gọi là cõi ta bà.

Tuy nhiên, ngay cả các tôn giáo đã từng hiện diện trên địa cầu từ nhiều ngàn năm trong ý hướng nỗ lực tìm kiếm giải pháp cho những vấn đề con người, đến nay chưa chứng tỏ được một hiệu quả gì chắc chắn, khi con người bước vào đầu thiên niên kỷ thứ ba vẫn tiếp tục đứng trước biết bao vấn nạn của một thế giới còn đầy rẫy đói nghèo, bất bình đẳng, bệnh tật, chiến tranh và tội ác, sự khủng hoảng văn hóa và lối sống, cùng tình trạng hủy diệt môi sinh trong phát triển dẫn đến hàng loạt những tai họa thiên nhiên chưa từng thấy.

Trong một thực trạng bối rối như thế, việc tổ chức kỷ niệm ngày Phật đản sinh diễn ra hàng năm vào ngày 15 tháng 4 âm lịch tại nhiều quốc gia trên thế giới mang ý nghĩa trọng đại như là một sự nhắc nhở loài người tiếp tục nỗ lực thực hành những giáo huấn mà Phật Thích Ca hơn 2.500 năm trước đã gợi ý, hướng dẫn nhằm đưa đến sự giải thoát cho từng cá nhân và từ đó cho toàn thể con người. Trong ý nghĩa như thế, ngày lễ Phật đản những năm gần đây còn được biết đến với tên gọi Vesak, từ năm 1999 đã được Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc chính thức công nhận là một lễ hội văn hóa-tôn giáo mang tính quốc tế, để tôn vinh các giá trị đạo đức, văn hóa và tư tưởng hòa bình, đoàn kết hữu nghị của vị Phật Tổ.

Tư tưởng đạo Phật đã dần dần và ngày càng đi sâu vào cuộc đời, kể từ ngày Phật nhập diệt, và ngày nay số Phật tử trên toàn thế giới đã lên đến khoảng 360 triệu

người, đứng hàng thứ 4 trong số tôn giáo có tín đồ đông nhất. Có số thống kê khác ghi nhận lạc quan hơn, từ 1.2 đến 1.6 tỉ người. Chưa thể và hầu như không thể có được con số chính xác, vì việc thống kê số liệu tín đồ của từng tôn giáo vốn rất phức tạp và bằng nhiều phương pháp khác nhau cũng như từ các nguồn số liệu có thể rất khác nhau, nhưng những con số dự đoán tổng quát như đã nêu trên cũng nói lên được phần nào tầm ảnh hưởng quan trọng của đạo Phật đối với đời sống tinh thần của một bộ phận nhân loại đáng kể.

Lịch sử cho thấy, vì khác biệt tôn giáo, văn hóa, ý thức hệ, quan điểm chính trị, cũng như vì quyền lợi của chủng tộc, lãnh thổ, kinh tế..., nhân loại đã trải qua những cuộc tranh chấp, xung đột, thậm chí dẫn đến chiến tranh ác liệt và liên tục hết nơi này tới nơi khác, như chúng ta hằng ngày vẫn thấy. Trong khi đó, đặc điểm nổi bật của Phật giáo là tôn giáo của lòng từ bi và thường được mọi người nhìn nhận là tôn giáo có tính ôn hòa hơn so với một vài tôn giáo khác trên thế giới. Sự bao dung tha thứ, lòng từ bi quảng đại có được do sự quán triệt chân lý bất di bất dịch "sinh lão bệnh tử" như là thân phận chung của toàn thể loài người, mà bằng một lương tri thông thường ai cũng có thể nhận thức được, theo Phật giáo, sẽ có thể giúp thế giới hóa giải được những mâu thuẫn, xung đột và đem lại cuộc sống hòa bình.

Có thể nói, Phật giáo là một tôn giáo hòa bình, và Đức Thích Ca Mâu Ni là sứ giả của nền hòa bình, trong phạm vi giải quyết mối quan hệ giữa các cá nhân cũng như giữa những cộng đồng người lớn hơn là quốc gia, xã hội. Người ta luôn nói về lòng từ bi của đạo Phật và tầm quan trọng của nó đối với công cuộc xây dựng hòa bình, trong tinh thần hòa giải hòa hợp giữa con người với nhau, nhưng lại ít khi thật sự chú trọng đến việc thực hành giáo lý nhà Phật như một cách sống đạo, thường vì những lý do thuộc quyền lợi cá nhân hay cục bộ quốc gia vị kỷ.

Ngày nay, nhân loại đang có nguy cơ đối mặt với

những gì tồi tệ nhất, mà nguyên nhân chính là xuất phát từ lòng người. Theo quan điểm Phật giáo, tất cả đều do tâm sinh ra, mà tâm của mỗi người phải bình thì thế giới mới bình. Đức Phật dạy: “Chiến thắng hàng vạn quân không bằng tự chiến thắng mình, và tự chiến thắng mình mới là chiến công oanh liệt nhất”. Trong quan hệ thực tế của đời sống hằng ngày, Phật còn dạy các đệ tử nên “Thân hòa đồng trú, khẩu hòa vô tranh, ý hòa đồng duyệt, giới hòa đồng tu, kiến hòa đồng giải, lợi hòa đồng quân”. Cho nên, hòa hợp, thanh tịnh, an lạc là ba đức tính lớn của Tăng già mà người Phật tử dù tại gia hay xuất gia đều phải luôn luôn tâm niệm, coi là một cách chủ yếu để thi hành Phật pháp.

Trong tinh thần đó, việc tổ chức ngày kỷ niệm Phật đản sinh nên nhằm tới mục tiêu nhằm nhắc nhở và đánh thức tinh thần hòa giải hòa hợp thương yêu đoàn kết nhau giữa những người con Phật, hơn là một dịp để phô trương đơn thuần về các mặt hình thức mà có thể từ đó còn tạo thêm cái tâm so sánh phân biệt và đố kỵ lẫn nhau. Lại càng không nên vì lễ Phật đản mà quên cả Phật pháp, như trong trường hợp trụ trì chùa tổ chức thêm những hình thức đặc biệt thu tiền của bá tánh và để đảm bảo tính cách trang nghiêm long trọng của buổi lễ, đã sai đệ tử mạnh tay đuổi hết những người nghèo khổ xin ăn lảng vảng ở trước sân chùa!

Theo truyền thống gia đình Việt Nam và vài nước châu Á khác, ngày giỗ ông bà có ý nghĩa rất quan trọng. Nếu hội đủ điều kiện tổ chức lớn thì càng đông vui và tụ họp được nhiều bà con, qua đó củng cố sự đồng cảm và tình đoàn kết thương yêu đùm bọc lẫn nhau giữa các thành viên trong dòng họ, khi có dịp cùng nhau nhắc lại những kỷ niệm và việc làm tốt đẹp của cha ông thời trước. Nếu là một gia đình nghèo, người ta vẫn có thể nấu mâm cơm đơn giản để tưởng niệm, vẫn đầy đủ ý nghĩa nếu có sự thành tâm. Tương tự như vậy, chúng ta cũng có thể coi ngày Phật đản như một cuộc lễ chung lớn của toàn thể Phật tử để tưởng nhớ sự ra đời của bậc giáo chủ, tạo nguồn cảm hứng động viên mỗi người tiếp tục nỗ lực vượt thắng bản thân mình để hướng tới những việc làm lợi lạc nhân sinh, có đủ nghị lực và hùng tâm dẹp bỏ những ý tưởng xấu xa vị kỷ từ đó tranh chấp lẫn nhau vì những thứ lợi lộc hoặc hư danh phù phiếm, khi có dịp nhớ lại tấm gương tốt sống động cùng những lời giáo huấn sáng suốt dẫn đường của đấng Từ phụ từ 2.500 năm về trước. Một chùa nghèo ở nơi thâm sơn cùng cốc, ít có tín đồ lui tới cúng dường, cũng không có xe hoa kết đèn diễu hành long trọng, vì vậy vẫn có thể có được một ngày lễ Phật đản hoàn toàn đúng với ý nghĩa đích thực của nó, trong niềm vui đậm bạc của kẻ tu hành chân chính.

Vả chăng, ở đâu có quá nhiều hình thức màu mè thì ở đó có thể ít có hơn những nội dung chân thực, chẳng khác nào giáo hội ở một nơi nào đó, có được điều kiện phát triển rộng rãi về bộ mặt nhà cửa chùa chiền và thu



hút được đông đảo Phật tử đến nơi vắng cảnh, cúng dường, nhưng nếu thiếu một nội dung Phật chất bằng sự tu trì nghiêm túc nhằm đạt sự giác ngộ, thì bộ mặt hoành tráng bề ngoài có khi lại là một trở ngại không nhỏ cho nỗ lực tu chứng và hành đạo, sống đạo.

Thật ra, câu chuyện đời sống của Đức Phật đến nay vẫn còn gần nhiều với thần thoại, và ngày Đản sinh ra Ngài cũng chẳng thể xác định được đúng vào ngày tháng nào. Việc chứng minh cho đích xác ngày sinh của Phật là một nỗi khó khăn mà những nỗ lực của các ngành sử học hay khảo cổ học dù to tát đến đâu cũng không thể vượt qua được, sau một khoảng thời gian mịt mờ thiên cổ. Ngày Phật đản 15 tháng 4 âm lịch hay 8 tháng 4 âm lịch được chọn hành lễ tùy nơi tùy phong tục vì thế cũng chỉ là một ngày quy ước có tính chất hoàn toàn tượng trưng, để tưởng nhớ ngày trọng đại ra đời của một đấng cứu độ, mà phần sự nghiệp tiếp theo lại thuộc về những con người hiện sống, trong nỗ lực dẹp bỏ cho được mọi thứ tà kiến, cố chấp, và bằng tinh thần “bi-trí-dũng” tự độ độ tha của nhà Phật, góp phần xây dựng một cuộc sống yên vui hòa bình cho tất cả mọi người. ■

Lắng nghe lời Phật, thoát mọi phiền hà

DIỆU THANH



“Thế Tôn thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều khổ pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều lạc pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều bất thiện pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều thiện pháp cho chúng ta”.

Những thổ lộ trên là cảm niệm của Tỷ-kheo Udāyī về ân đức ban bố giới luật của Đức Phật, sau khi tự thân đã trải qua nhiều chuyện phiền toái do lối sống thiếu tiết độ. Tự thân có nếm trải và nhận ra bao chuyện rắc rối do tính tùy tiện trong sinh hoạt và ứng xử hàng ngày tạo ra thì mới cảm nhận được tình thương và sự ân cần chu đáo của bậc Đạo sư, được thể hiện qua chế độ giáo dục khá khắt khe của Ngài; nhất là việc Ngài quan tâm uốn nắn từng li từng tí các thói quen sinh hoạt hàng ngày cho các đệ tử. Phật ban hành giới luật, quy định nếp sống kỷ cương tiết độ cho người xuất gia, không gì khác hơn để mang lại tự do và an lạc cho các học trò mình.

Trong phương pháp huấn luyện đệ tử, Đức Phật chú ý thiết lập giới luật cho hàng xuất gia, thực sự là để giúp cho cá nhân các Tỷ-kheo thực hành đúng đạo lý giải thoát, nghĩa là thực hiện nếp sống có kỷ cương tiết độ thuận lợi cho việc tu tập thân tâm đạt đến an lạc giải thoát, giữ gìn các hành vi của thân, lời và ý theo đúng Bát chánh đạo. Căn bản của giới luật nhà Phật là thực hành “thiểu dục tri túc” nhằm ngăn ngừa và khắc phục các hành vi sai trái hoặc các thói quen xấu gây trở ngại cho sự tu tiến của bản thân, tránh gây phiền hà cho người khác hay cho đời sống tập thể. Các hành vi sai trái hay các thói quen tiêu cực của con người có nguồn gốc từ lòng tham dục. Ví dụ, do chiều chuộng các ham muốn giác quan hay các đòi hỏi của cơ thể mà con người ham ăn ham ngủ; do thích thú cảm giác được ca tụng tăng bốc mà con người đua đòi chưng diện...

Thấy rõ hậu quả phiền toái tiềm ẩn trong các thói quen như vậy, Đức Phật chú ý tập cho các đệ tử mình một lối sống giúp họ tự khắc phục và loại trừ những ham muốn tiêu cực. Ngài huấn luyện các học trò mình rất kỹ, quy định đến cả việc ăn mặc có chừng mực. Lẽ tất nhiên, người biết kiểm chế bản thân, sống với hạnh thiểu dục

tri túc thì không có nhiều nhu cầu, không đua đòi, ít lãng xăng bận rộn, không bị các ham muốn ràng buộc, luôn luôn thanh thản và cảm nhận tự do. Phật gọi lối sống kỷ cương tiết độ như vậy là Pàtimokkha, có nghĩa là thoát khỏi các phiền toái khổ não do hành vi sai trái hay thói quen ham muốn tiêu cực gây nên. Pàtimokkha cũng có nghĩa là “biệt giải thoát”, ngụ ý rằng khắc phục được một ham muốn thì con người sẽ có được một sự giải thoát hay tự do, vì không còn bị ham muốn đó chi phối khiến có các hành vi sai trái đưa đến hậu quả khổ đau. Giới luật nhà Phật là thực hiện nếp sống an lạc, có công năng loại trừ các phiền não khổ đau, và đem lại cho con người sự tự do thanh thản.

Trong sinh hoạt hàng ngày, chúng ta gặp nhiều chuyện phiền toái mà xét cho cùng thì đều do thói quen ham muốn tạo ra. Chỉ một việc ăn uống không thôi cũng mang đến cho ta lắm chuyện phiền hà nếu ta không kiểm soát được sở thích của mình. Ăn uống, vốn là việc khá giản dị trong đời sống hàng ngày, ngày nay đã trở thành mối bận tâm đối với nhiều người vì nhiều lý do chủ quan lẫn khách quan. Thói quen hưởng thụ khiến người tiêu dùng ngày nay cảm thấy băn khoăn khi phải đối diện với thực trạng thực phẩm thiếu vệ sinh và không an toàn cứ tiếp tục chi phối và chiếm lĩnh thị trường bởi những nhà kinh doanh khao khát lợi nhuận. “Cái này sinh thì cái kia sinh”, tập quán hưởng thụ đã kích thích thói quen gian dối.

Với kinh nghiệm của bậc Giác ngộ, Đức Phật nêu rõ cuộc sống chỉ là một chuỗi các hành vi có tính cách thói quen mà nếu được uốn nắn đều trở thành đứng đắn, giản dị và thanh thoát. Từ chuyện ăn, chuyện mặc cho đến suy nghĩ, nói năng, hay hành động, tất cả đều là thói quen có thể được uốn nắn điều chỉnh theo chiều hướng tốt đẹp. Đã chiến thắng mọi ham muốn, Đức Phật cũng tập cho đệ tử của mình có thói quen sống chừng mực và hành xử đứng đắn. Ngài đánh giá cao ý chí tự điều chỉnh của mỗi cá nhân, cho rằng ai cũng có khả năng khắc phục ham muốn tiêu cực của bản thân để được thanh thản tự do, dễ nuôi sống, ít lãng xăng bận rộn, không phạm sai lầm, sống với tâm tư hồn nhiên hoan hỷ². Nhờ sống chừng mực và điều độ, bỏ được thói quen ăn ban đêm, mà Đức Phật cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức khỏe tốt và sống an lạc; do đó, Ngài khuyên các đệ tử tập sống có tiết độ để thực nghiệm lợi lạc:

“Này các Tỷ-kheo, Ta ăn, từ bỏ ăn ban đêm. Này các Tỷ-kheo, do từ bỏ ăn ban đêm, Ta cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú. Này các Tỷ-kheo, hãy đến và ăn, từ bỏ ăn ban đêm. Này các Tỷ-kheo, do từ bỏ ăn ban đêm, các Thầy sẽ cảm thấy ít bệnh, ít não, khinh an, có sức lực và an trú”³.

Đây là lợi ích thiết thực mà chính Đức Phật đã trải nghiệm nhờ điều phục các ham muốn của bản thân. Phật là người đã tu tập, đã thực nghiệm nếp sống giải

thoát an lạc và mong muốn chia sẻ kinh nghiệm ấy cho người khác. Vì thế mà lời Phật là lẽ sống thực tiễn, là “thiết thực hiện tại”, “đến để mà thấy”, “được người có trí tự mình giác hiểu”. Thế nên, người nào biết lắng nghe và thực hành theo lời Phật thì nhất định sẽ cảm nghiệm được tự do và lợi lạc. Tâm sự của Tỷ-kheo Udāyī sau đây⁴ nói cho chúng ta biết lời Phật là bài học thực tiễn mà những ai biết lắng nghe và nỗ lực thực tập thì sẽ tránh được nhiều rắc rối phiền hà phát sinh bởi thói quen trong sinh hoạt hàng ngày:

“Bạch Thế Tôn, trong khi con đang đọc cư Thiển tịnh, sự suy tư sau đây đã khởi lên trong tâm trí con: “Thế Tôn thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều khổ pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều lạc pháp cho chúng ta”.

Bạch Thế Tôn, thuở trước, chúng con thường ăn buổi chiều, buổi sáng, ban ngày và phi thời. Bạch Thế Tôn, thời ấy, Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo và bảo: “Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ ăn ban ngày phi thời”. ... Bạch Thế Tôn, giữa chúng con, những ai nhìn Thế Tôn với lòng ái mộ, với lòng tôn kính và với lòng tâm quý, liền từ bỏ ăn ban ngày phi thời.

Rồi bạch Thế Tôn, chúng con thường ăn buổi chiều và buổi sáng. Bạch Thế Tôn, thời ấy Thế Tôn gọi các Tỷ-kheo và bảo: “Này các Tỷ-kheo, hãy từ bỏ ăn ban đêm phi thời”. ... Bạch Thế Tôn, giữa chúng con, những ai nhìn Thế Tôn với lòng ái mộ, với lòng tôn kính và với lòng tâm quý, liền từ bỏ ăn ban đêm phi thời.

Thuở trước, bạch Thế Tôn, các vị Tỷ-kheo thường đi khát thực trong đêm đen tối tăm. Họ bước lẫm vào vũng nước nhớp, rơi vào vũng nước nhớp, đi lẫm vào hàng rào gai, đi lẫm vào chỗ con bò cái đang ngủ, gặp các loại đạo tặc đã hành sự hay chưa hành sự, gặp các người đàn bà mời mọc một cách bất chánh. Thuở trước, bạch Thế Tôn, con đi khát thực trong đêm đen tối tăm. Một người đàn bà đang rửa chén bát, thấy con trong khi trời chớp nhoáng, liền hoảng sợ và hét lớn: “Ồi kinh khủng thay cho tôi, có con quỷ chạy theo tôi!”. Bạch Thế Tôn, khi nghe nói vậy, con nói với người đàn bà ấy: “Này chị, không phải quỷ đâu. Đây là Tỷ-kheo đang đứng khát thực”. “Chà Tỷ-kheo hãy chết đi! Mẹ Tỷ-kheo hãy chết đi! Này Tỷ-kheo, thật tốt hơn cho ông nếu ông lấy con dao sắc bén của người đồ tể cắt bụng của ông, còn hơn là vì lỗ bụng đi khát thực trong ban đêm tối tăm”.

Bạch Thế Tôn, khi con nhớ như vậy, con suy nghĩ như sau: “Thế Tôn thật sự là vị đã đoạn trừ nhiều khổ pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều lạc pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều thiện pháp cho chúng ta. Thế Tôn thật sự là vị đã mang lại nhiều thiện pháp cho chúng ta”.

Chú thích:

1. Kinh Điều ngự địa, Kinh Ganaka Moggallāna, Trung Bộ.
2. Kinh Thừa tự Pháp, Kinh Ví dụ Con chim cáy, Trung Bộ.
3. Kinh Kitagiri, Trung Bộ.
4. Kinh Ví dụ Con chim cáy, Trung Bộ. ■



Đem đèn sáng vào trong bóng tối

THẢO VY

1. *Hãy để ngày ấy lại tàn*, quyển tiểu thuyết có tựa tiếng Anh là *Let the Day Perish* của nhà văn người Nam Phi Gerald Gordon, kể lại câu chuyện về hai anh em người Nam Phi có cha da trắng, mẹ da đen. Nam Phi thời trước có chủ nghĩa phân biệt chủng tộc rất nặng nề. Người anh có màu da trắng, được học trường của người da trắng từ bé. Anh ta sống như người da trắng, chối bỏ dòng máu da đen của người mẹ và sống một cuộc đời hai mặt, đau khổ. Người em có màu da đen và sống một cuộc đời ngay thẳng, hạnh phúc. Vậy phải chăng màu da đen mang đến hạnh phúc, còn màu da trắng mang đến đau khổ?

2. Câu chuyện "đen trắng" kia diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau. Em X. đi học trường H. Cha em bán kem ngoài cổng trường. X. cảm thấy xấu hổ với chúng bạn, không dám nhìn mặt cha mình. Em Y. có mẹ bị gù lưng, mọi người gọi Y. là "con bà gù" làm Y. lúc nào cũng có mặc cảm. Cô Z. có bà mẹ lam lũ ở quê lên

chơi; có người hỏi thăm, Z. bảo "đó là bà người làm". Thân thể đối với một con người quả thật quan trọng.

3. Người ta còn xấu hổ vì nhiều chuyện khác. Xấu hổ vì không biết ăn mặc đúng mốt. Xấu hổ vì không biết dùng muỗng, nĩa... Nói chung, người ta xấu hổ vì những điều mà mình tự nghĩ rằng đó là khiếm khuyết so với người khác. Ngược lại, người ta dễ bị "hoa mắt" bởi những biểu hiện được coi là "có giá trị" hơn nơi người khác. *Quốc văn giáo khoa thư* kể lại câu chuyện một người đi xa về làng, những chuyện anh ta kể lại đều làm người làng "tròn mắt" thán phục. Trong thời cấp sách đến trường, học trò thường rất nể phục những học sinh có năng lực giải các bài toán trong nháy mắt. Các ca sĩ tuổi teen được xem như các thần tượng. Lớn lên, người có chữ nghĩa ít thường cảm thấy mình thua kém người khác. Người có chữ nghĩa nhiều, biết các kiến thức vật vãnh lại thường thấy mình nổi trội, hay phê bình, chê bai nhiều thứ. Tài năng, kiến thức rất được xem trọng.

4. Nếu bạn bật tivi lên, rất có thể bạn sẽ xem được nhiều đoạn quảng cáo hấp dẫn. Một người sẽ cảm thấy tự tin khi... có mái tóc mượt, không gàu. Khi có gàu phải mua ngay dầu gội đầu X,Y vì... "sống là không chờ đợi". Sản phẩm X-Men sẽ đem lại cho bạn cảm giác đàn ông. Các căn hộ cao cấp sẽ giúp bạn "trải nghiệm một cuộc sống chất lượng". Vẻ đẹp bên ngoài và các... "phụ tùng" như nhà cửa, điện thoại di động, quần áo thời trang rất được xem trọng.

5. Chương trình *Người Đương Thời* nêu ra các tấm gương trong nhiều lĩnh vực của xã hội Việt Nam. Ta hãy tưởng tượng là mình đang ở trường quay (cũng tưởng tượng)... S1020 và đang có một chương trình thảo luận... có thưởng về đề tài "Thế nào là 'Người Đương Thời'". Ban giám khảo đặt ra cho XZ một câu hỏi hóc búa. Người dẫn chương trình (MC) nói:

- Tôi sẽ đọc câu hỏi của ban giám khảo. Nếu anh trả lời thành công, anh sẽ được một triệu đồng. Nếu không anh sẽ phải rời trường quay S1020 huy hoàng tráng lệ này. Tôi bắt đầu câu hỏi: Các yếu tố nào được xét tới khi đánh giá về "Người Đương Thời".

- Anh đặt câu hỏi rất khó... Cho tôi một phút suy nghĩ. ... Theo tôi khi đánh giá về "Người Đương Thời" người ta thường xét tới Tài năng.

- Vâng, Tài năng. Anh có thể giải thích thêm về Tài năng?

- Người có tài năng là người giỏi trong một lĩnh vực như âm nhạc, thể thao, khoa học... Đã có nhà tâm lý học giáo dục, tôi quên mất tên, cho rằng có bảy loại tài năng.

- Anh định nói đến Howard Gardner.

- Vâng.

- Tài năng, vâng, mọi người trong trường quay S1020 đều tán đồng ý kiến này. Còn yếu tố nào khác để xác định "Người Đương Thời" không?

6. Sau một lúc suy nghĩ, anh XZ trả lời:

- Vẻ đẹp cũng là một yếu tố mà mọi người dùng để xác định "Người Đương Thời". Các người mẫu được nhiều người xem là thần tượng. Thần thể cũng là một yếu tố được chú ý. Nguồn gốc gia đình, đặc tính chủng tộc, giai cấp cũng được nhắc tới.

- Vâng, người Việt Nam có câu: "Con nhà tông không giống lông cũng giống cánh". Yếu tố nào khác thường được dùng để xác định "Người Đương Thời" nữa không anh?

- "Người Đương Thời" phải đàn ông, nghĩa là có đạo đức. Họ cũng cần phải có trí tuệ.

- Anh vừa nói tới Tài năng, bây giờ lại đề cập đến Trí tuệ. Trí tuệ có gì khác với Tài năng?

- Khác nhiều chứ, người có Trí tuệ biết làm cho mình và cho mọi người yên ổn, vui sướng.

- Vâng, tôi hiểu. Một công nhân vệ sinh biết làm sạch sẽ tâm hồn mình, nhà mình và phố phường cũng đã là người có Trí tuệ. Còn yếu tố nào khác để xem xét "Người Đương Thời" nữa không?

- Theo tôi thì năm điều này là đủ.

- Tài năng, Vẻ đẹp, Thần thể, Đạo đức, Trí tuệ. Xin ban giám khảo cho biết ý kiến... Vâng, điểm trung bình của ban giám khảo là 9,5/10. Anh XZ sẽ nhận được một triệu đồng và tiếp tục vào vòng trong.

7. Cuộc thảo luận vòng 2 tiếp tục. MC nói:

- Nếu anh không tiếp tục cuộc chơi, anh sẽ rời trường quay S1020 với một triệu đồng trong túi. Anh có định chơi tiếp không?

- Vâng, tôi xin tiếp tục cuộc thi.

- Xin anh suy nghĩ cho kỹ và trả lời cho đúng. Ban giám khảo sẽ hỏi anh ba câu hỏi. Nếu trả lời tốt anh được thưởng tiếp ba triệu đồng. Trong túi anh lúc đó sẽ có bốn triệu đồng. Nếu anh trả lời không đạt một trong ba câu, anh mất một triệu đồng mà anh được trong vòng một và phải ngưng cuộc chơi. Anh có tiếp tục không?

- Vâng, tôi xin tiếp tục.

- Anh XZ tiếp tục cuộc chơi, xin khán giả cho một tràng pháo tay... Vâng, tôi xin nêu câu hỏi thứ nhất của ban giám khảo. Tài năng, Vẻ đẹp, Thần thể, Đạo đức, Trí tuệ, trong năm yếu tố này anh có thể bỏ được một yếu tố nào để vẫn có thể là "Người Đương Thời"?

- Có thể được, anh MC, có thể bỏ Vẻ đẹp. Cần gì phải dùng X-Men hay đi xe Mercedes nếu có Tài năng, Thần thể, Đạo đức, Trí tuệ.

- Vâng, anh nói cũng đúng, đi xe Mercedes mà không giúp ích gì cho ai thì chắc khó được công nhận là "Người Đương Thời". Mọi người trong trường quay S1020 thấy thế nào? Vâng, vâng, mọi người đều rất tán đồng chọn lựa của anh. Các bạn trẻ chưa có Mercedes thì hãy lo trau dồi kiến thức, rèn luyện tài năng để có thể là "Người Đương Thời". Chúc mừng anh XZ, anh được tiếp tục cuộc chơi ở trường quay S1020.

8. Tiếp tục câu chuyện, MC nói tiếp:

- Mọi người hãy chú ý, ban giám khảo đang đưa ra vấn đề học búa tiếp theo cho anh XZ. Chúng ta hãy chờ xem vấn đề đó là gì... Vâng, câu hỏi như sau: Trong bốn yếu tố Tài năng, Thần thể, Đạo đức, Trí tuệ, anh có thể bỏ được một yếu tố nào để có thể vẫn là "Người Đương Thời"? Câu hỏi rất khó, ta hãy chờ xem anh XZ trả lời thế nào. Chúng ta hãy chờ trong 60 giây.

- Có thể được, anh MC, có thể bỏ Tài năng.

- Anh XZ cho rằng có thể bỏ yếu tố Tài năng. Vâng, theo anh, không có tài năng vẫn có thể là "Người Đương Thời". Cả trường quay S1020 đang xôn xao, ban giám khảo cũng đang rất chú ý. Xin anh XZ cho biết không có Tài năng làm sao có thể thành "Người Đương Thời"?

- Có người sinh ra trong gia đình giàu có, lấy tiền đi giúp đỡ cho những người khó khăn. Đó cũng là "Người Đương Thời". Cần gì phải có Tài năng, múa hay, hát giỏi, giải toán như chớp.

- Vâng, dân gian có câu "Lá lành đùm lá rách", xin mọi

người một tròng pháo tay. Vòng hai vẫn chưa kết thúc. Ban giám khảo đang chuẩn bị câu hỏi tiếp theo. Các bạn trong trường quay S1020 có đoán được câu hỏi không? Tôi đang đoán câu hỏi này.

9. Câu chuyện tường tượng về “Người Đương Thời” còn tiếp diễn. MC nói tiếp:

- Quả thật như tôi đoán, câu hỏi thứ ba của ban giám khảo là: Trong ba yếu tố Thân thể, Đạo đức, Trí tuệ, yếu tố nào có thể bỏ được mà vẫn có thể là “Người Đương Thời”?

- Tôi có thể trả lời ngay, có thể bỏ yếu tố Thân thể.
- Một câu trả lời ấn tượng. Không Vẻ đẹp, không Tài

năng, không Thân thể. Người “ba không” vẫn có thể là “Người Đương Thời”. Không cần X-Men, không cần Kiến thức Kinh doanh siêu hạng, không cần ở giai cấp tiên phong, bạn vẫn có thể là “Người Đương Thời”? Anh XZ, trường quay S1020 đang xôn xao. Bỏ hết 3 yếu tố này thì còn gì là “Người Đương Thời” nữa? Đề nghị mọi người im lặng để nghe ý kiến của người trên sân khấu. Anh XZ sẽ có hai phút suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

- Có thể bỏ luôn yếu tố Thân thể. Chắc chắn là như vậy. Các bạn hãy xem đứa cháu tôi đang ngồi dưới kia. Nó vừa đẹp trai, con gia đình có truyền thống, học giỏi. Nếu nó giết người, lừa đảo khách hàng, móc túi mọi người, quan hệ với vợ bạn, rượu chè say sưa thì nó có thể là “Người Đương Thời” hay không?

10. Cả trường quay đột ngột im lặng. MC nói:

- Anh XZ đã trả lời ba câu hỏi của vòng 2. Xin ban giám khảo cho biết điểm. Cả hội trường đang hồi hộp chờ đợi. Anh XZ sẽ có phần thưởng bốn triệu đồng hay mất luôn một triệu đồng của vòng một. Xin quý khán giả trong trường quay S1020 chờ trong giây lát. Trong thời gian chờ đợi, tôi xin hỏi anh XZ một câu: trong hai yếu tố còn lại là Đạo đức và Trí tuệ, có thể bỏ yếu tố nào để vẫn có thể là “Người Đương Thời”?

- Không thể bỏ được yếu tố nào. Như tôi đã nói, “Người Đương Thời” cần phải có Đạo đức. Tuy nhiên, cái Đạo đức ấy phải đem lại vui sướng, yên ổn, nghĩa là phải có Trí tuệ. Muốn có Đạo đức phải có Trí tuệ, muốn có Trí tuệ phải có Đạo đức. Điều này giống như con chim bay cần có hai cánh.

- Vâng, mọi người đang vỗ tay. Ban giám khảo cũng đã đưa ra kết quả. Xin chúc mừng anh, anh sẽ rời trường quay S1020 với bốn triệu đồng.

11. Câu chuyện nói trên bắt chước đoạn đối thoại giữa Đức Phật với Bà-la-môn Sonadanda trong kinh Sonadanda (bản kinh thứ tư trong *Trường Bộ Kinh*). Những bộ kinh Phật chứa nhiều điều giúp con người ta điều chỉnh được cuộc sống của mình. Người muốn tự tin có thể mở kinh *Sonadanda* để biết cái gì là chính, cái gì là phụ trong cuộc sống. Người buôn bán có thể mở ra xem lời khuyên về những người buôn bán “có mắt”, biết cách tạo ra tài sản và sử dụng tài sản như thế nào. Muốn kết giao có thể mở ra xem lời khuyên về cách đánh giá và quan hệ với bạn bè như thế nào. Muốn có một gia đình hạnh phúc có thể mở ra xem lời khuyên về các bốn phận của người vợ và người chồng, bốn phận của con cái với cha mẹ. Còn nhiều và nhiều điều nữa. Vì thế, lời Phật được ca ngợi là lời của “... người dựng lại những gì bị quăng ngã xuống, phơi bày những gì bị che kín, chỉ đường cho những người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, Chánh pháp đã được Thế Tôn dùng nhiều phương tiện trình bày giải thích”. ■



Tuổi trẻ ăn chay

THỊ GIỚI

Cũng như Thiên, khuynh hướng ăn chay ngày càng lan rộng ở Bắc Mỹ.

Vào năm 2009, cuộc thăm dò của Vegetarian Resource Group cho biết ở Hoa Kỳ có 8% số người lớn nói họ không bao giờ ăn thịt, 3% người trẻ nói rằng họ không bao giờ ăn thịt và các loại đồ biển, kể cả cá. Cũng theo thăm dò của nhóm này vào năm 2010, có 7% trẻ em tuổi từ 8-18 và 12% trẻ em nam tuổi từ 10 đến 12 nói rằng họ không bao giờ ăn thịt.

Những người không ăn thịt và các loại đồ biển kể cả cá có thể được liệt vào nhóm những người ăn chay. Và trong số những người ăn chay này thì có 1/3 tức 1% người trẻ Hoa Kỳ không ăn cả trứng, mật ong và thực phẩm làm từ sữa. Những người này được gọi là vegan, tạm dịch là người ăn toàn chay. Có thể có phỏng chừng 1.4 triệu thanh thiếu niên Hoa Kỳ ăn chay.

Ngoài ra, thống kê năm 2008 còn cho biết có tới 10% người Mỹ nói rằng họ có nhiều khuynh hướng ăn chay, và 5% nói rằng họ tuyệt đối muốn chuyển qua ăn chay trong tương lai.

Động lực ăn chay có thể nhiều và khác nhau. Nhưng ba động lực chính được kể đến là sức khỏe, lòng bất nhẫn đối với các loài sinh vật, và ý thức bảo vệ môi trường.

Việc bảo vệ sức khỏe bằng ăn chay đã được các nhà khoa học chứng minh. Theo các nhà khoa học, nếu chỉ ăn các loại đậu, rau, hạt, trái cây (không ăn thịt và những sản phẩm có nhiều chất béo từ động vật), song song với việc tập thể dục thường xuyên, độ mỡ trong máu sẽ thấp, huyết áp hạ, không bị béo phì, giảm nguy cơ bệnh tim, nghẽn mạch, tiểu đường, ung thư (Fraser GE, Sumburu D, Pribis S, et al. Association among health habits, risk factors, and all-cause mortality in a black California population. *Epidemiology* 1997;8:168-74.). Cũng theo các nhà nghiên cứu, đậu nành có những chất isoflavones như genistein và daidzein có tác dụng ngăn chặn sự tăng trưởng của khối u, làm giảm lượng mỡ trong máu, giảm nguy cơ máu đông và loãng xương. (Setchell KDR. Phytoestrogens: the biochemistry, physiology, and implications for human health of soy isoflavones. *Am J Clin Nutr* 1998;68(suppl): 1333S-46S).



Chúng ta cũng biết rằng, trẻ em ở Bắc Mỹ ngay từ nhỏ đã được sống trong môi trường gắn gũi thân mật với thú vật. Những con vật trong các phim hoạt hình, những con thú đồ chơi, là những người bạn gần gũi thân thương đối với chúng. Chú chuột Mickey Mouse, chú gấu Winnie The Pooh cũng gọi là Pooh Bear, sư tử Simba (The Lion King), Alex (Madagascar), voi Manny (Ice Age), chó Polt, heo Wilbur và nhiều 'nhân vật' thú khác là những con vật tốt bụng, thân mật, thông minh, tình cảm, biết điều... không khác gì con người. Bên cạnh đó, có rất nhiều nhà nuôi thú vật như chó, mèo, heo... và những con vật này được đối xử như một phần tử của gia đình, giống như hình ảnh con trâu trong ca dao Việt Nam "ta đây trâu đó, ai mà quản công". Chỉ khác là các chú chó, chú mèo này chỉ ăn, ngủ và chơi, không phải làm gì cả, kể cả việc giữ nhà. Các sở thú cũng là nơi quen thuộc với trẻ em Bắc Mỹ. Do đó, khi những đứa trẻ biết được những thực phẩm mà chúng ăn đến từ đâu, một cách ý thức hay vô thức, chúng sẽ khó mà nuốt trôi.

Một thống kê ở Mỹ cũng cho biết rằng chỉ số IQ của những trẻ có khuynh hướng ăn chay khi đến tuổi trung niên cao hơn những trẻ không có khuynh hướng đó. Một thăm dò ở châu Âu cho thấy rằng những vùng nào liên quan đến tình thương và lòng lân mẫn hoạt động mạnh hơn ở những người ăn chay so với ở những người ăn thịt.

Về mặt môi trường, theo một thống kê năm 2006 của FAO (Food and Agriculture Organization), kỹ nghệ thịt cho ra 18% tổng số khí thải nhà kính. Con số đưa ra vào năm 2009 của World-Watch thì ít nhất là 51%, tuy nhiên con số này chưa được kiểm chứng. Bên cạnh đó, nước để nuôi thú tốn hơn nhiều so với nước để trồng trọt, thực phẩm dùng để nuôi thú so với số lượng đầu ra là thịt chiếm một tỷ lệ rất cao. Theo bà Frances Moore Lappé, "chúng ta ở Hoa Kỳ sử dụng mười sáu pound thức và đậu nành trong việc chăn nuôi để sản xuất ra một pound thịt bò" (Natural Abundance).

Nam Tran, một sinh viên sinh ra và lớn lên ở Canada, tốt nghiệp cử nhân xã hội học, chơi thể thao, tập tạ, thường xuyên tập thể dục và làm việc không dưới 8 tiếng mỗi ngày, viết về tiến trình trở thành người ăn chay của em và cảm nghĩ về việc ăn chay như sau:

"Trong vài năm gần đây, tôi đã chuyển từ ăn thịt sang ăn chay. Lý do là khi lướt trên web, tôi gặp một trang YouTube nói về tiến trình sản xuất thịt trong những lò sát sanh và thấy được sự kinh khiếp ở những nơi đó; tôi nhìn thấy sự sợ hãi và vô vọng trong đôi mắt của những con vật sắp bị giết.

Sự chuyển đổi này không dễ dàng, nhất là với một người lớn lên trong môi trường ăn thịt mỗi ngày, sau nửa năm tôi rơi lại vào tình trạng cũ, ăn thịt trở lại. Nhưng sau nửa năm ăn thịt, tôi lại quyết định chọn lối sống ăn chay một lần nữa. Tôi buộc chính mình xem cuốn phim đã làm cho tôi ăn chay, đồng thời tìm hiểu về thịt mà chúng

ta tiêu dùng, và cách giữ sức khỏe khi ăn chay.

Giờ đây có thể nói tôi là người ăn chay, phần lớn tôi ăn thực phẩm được chế biến từ rau, đậu, và thỉnh thoảng thực phẩm làm từ sữa. Tôi rất ít ăn những sản phẩm từ thịt. Và tôi cảm thấy việc tôi chọn ăn chay là rất đúng. Tôi có thêm năng lượng, cảm thấy mạnh hơn và khỏe hơn cả về thể chất lẫn tinh thần.

Nhưng đó không phải là điều tôi muốn nói về vấn đề ăn chay. Tôi chỉ muốn lướt qua về kinh nghiệm bản thân trong việc trở thành một người ăn chay để từ đó đưa ra những trình bày của tôi. Tôi muốn đề cập đến ý tưởng cho rằng *thú vật được sinh ra để cho loài người ăn*.

Do đó, điều đầu tiên tôi muốn nói đây là nếu bạn là một người ăn thịt, đó là quyền của bạn, tôi tôn trọng sự lựa chọn của bạn. Ngược lại, tôi cũng muốn bạn tôn trọng tôi, để một chút quan tâm đến sự trình bày của tôi, và đừng bỏ qua chỉ vì bạn tin rằng nó không có giá trị gì trước khi bạn đọc nó. Nếu ăn chay là con đường mà bạn đang chọn thì bạn không cần đọc bài này nữa.

Giống như tổn hại con người, tổn hại loài vật là việc làm đáng kinh sợ nhất mà con người có thể làm. Và nếu như bạn đã đọc những tài liệu "Earthlings" hay "Food Inc.", bạn sẽ thấy sự bạo hành mà loài vật phải chịu bắt đầu từ khi chúng được sinh ra ở những nông trại nuôi thú công nghiệp. Chúng bị hành hạ và đối xử trong phạm trù là những đối tượng để ăn thịt. Vâng, khi một con bò hay con gà được sinh ra ở một nông trại, chúng là những đối tượng để ăn thịt. Nhưng những con vật này cũng có cảm xúc và cảm giác giống như con người. Chúng biết sợ và buồn. Do đó chúng không nên bị đối xử theo cách thô bạo đó.

Và điều đó đưa tôi tìm đến những nông trại mà loài vật được thả tự do. Thú vật trong những nông trại này được đối xử khá hơn rất nhiều so với những thú vật được nuôi ở những nông trại nuôi thú công nghiệp hay ở những trại sát sanh. Nhưng cuối cùng, chúng đều được sinh ra và nuôi lớn để làm thịt; như vậy có chăng chúng thật sự có một vị trí nào đó trong lòng nhân đạo?

Do đó bất kỳ thịt mà bạn ăn đến từ đâu, những nạn nhân của việc đối xử tàn ác đó không bao giờ thực sự có một vị trí trong lòng nhân đạo.

Một điều khác mà tôi muốn thảo luận là cái nhìn toàn bộ về loài vật và việc duy trì hệ sinh thái. Những người ăn chay tuyệt đối (vegan) cho rằng việc giết loài vật hàng loạt làm cho hệ sinh thái của chúng ta bị rối loạn và từ đó đưa đến tình trạng mất quân bình của địa cầu. Những người ăn thịt lại nói rằng nếu loài vật không bị giết để làm thực phẩm thì chúng sẽ trở nên quá nhiều và hành tinh của chúng ta sẽ cũng bị mất quân bình. Tuy nhiên, tôi tin rằng nếu việc tiêu thụ thịt giảm đi thì việc nuôi súc vật để ăn thịt cũng sẽ giảm. Nếu những loài thú vật nào đó tăng trưởng quá mức, tôi cũng tin rằng hệ sinh thái của chúng ta sẽ có cách để làm quân bình một cách hữu cơ. Giả sử số lượng bò

tăng lên quá mức, thì một loại thú ăn thịt chẳng hạn như chó sói có thể đem lại sự cân bằng bằng việc ăn thịt những con bò. Nhưng một số người bảo rằng đó cũng là một việc tàn ác. Vâng, đó là tàn ác, nhưng đó là một tiến trình tự nhiên so với loài người dùng máy móc và hóa chất để tạo ra số nhiều rồi giết để ăn.

Tôi tin rằng loài người có những chức năng tâm thức mạnh hơn loài thú ăn thịt, chúng ta nên nhìn lại và hợp lý hóa những chức năng của vũ trụ. Với khả năng siêu đẳng của bộ óc, chúng ta có thể nhận ra rằng hành tinh này là mong manh, và chúng ta không nên làm những việc như kiểm soát số lượng thú vật, vì điều đó sẽ và đang hủy hoại hành tinh của chúng ta; chúng ta nên để cho thiên nhiên điều hành hệ thống của chúng ta. Những loài thú như cọp, sư tử, và chó sói không có lựa chọn nào, chúng chỉ biết giết như là một cách để tìm thức ăn. Chúng ta là con người thông minh hơn chúng nhiều.

Nhưng cũng sẽ có một số người lập luận rằng nếu chúng ta để cho chó sói chẳng hạn làm cân bằng số lượng bò, điều gì sẽ xảy ra nếu số lượng chó sói tăng trưởng quá nhiều và tấn công con người? Tôi tin rằng có quá trình tự nhiên điều hành số lượng của những kẻ thù đó. Nhưng nếu không đúng như thế thì đây là vấn đề cần suy nghĩ. Tôi không muốn kẻ nào tấn công tôi hoặc gia đình tôi, nhưng tôi cũng không muốn giết hại những con thú đó. Tôi tin rằng, là con người, chúng ta có khả năng nhìn ra một tiến trình đạo đức để làm cho những con vật hung dữ đó không đến gần được chúng ta và giữ cho chúng ta an toàn. Nhưng nếu bị một con thú ăn thịt tấn công, tôi nghĩ rằng bạn có quyền tự vệ, bảo vệ gia đình và bạn bè của mình (và những người cần sự giúp đỡ) bằng nhiều phương tiện cần thiết. Nhưng, điều mà tôi cố gắng nêu ra ở đây là chúng ta không nên tìm mọi cách để điều khiển vũ trụ. Với tôi, đó là một hình thức thực dân mới, ở đó chúng ta sử dụng sức mạnh của chúng ta là những con người có trí thông minh hơn loài vật để điều khiển chúng với mục đích lấy được thứ gì đó từ chúng (trong trường hợp này là thịt và quyền lực đối với thú vật).

Chúng ta đã vượt qua giai đoạn săn bắn và hái lượm; ngày nay chúng ta thông minh và hiểu biết hơn xưa rất nhiều; chúng ta sở hữu được nhiều điều về đời sống và việc dinh dưỡng, do đó chúng ta nên sử dụng trí thông minh của chúng ta để tìm ra những cách thức lành mạnh hơn, cho cả chúng ta và địa cầu, tìm ra những phương pháp khác trong việc tìm kiếm và giữ gìn thực phẩm".

(Nam Tran - Animal cruelty on free-range farms? My journey as a vegetarian – liberatemind.com)

Do đó, khi phụ huynh thấy các con em mình, nhất là những cháu sinh ở hải ngoại, không muốn ăn thịt, không nên miễn cưỡng chúng. Sự miễn cưỡng có thể làm phương hại đến tâm lý của những đứa trẻ.

Tuy nhiên, để các cháu có đủ dinh dưỡng, các phụ

huynh, kể cả các phụ huynh là những người ăn chay và muốn con mình ăn chay, nên tìm hiểu về thực phẩm chay và phương cách ăn chay cho trẻ con. Ví dụ có thể cho các cháu ăn dặm. Ở Mỹ có phong trào "weekday vegetarian" (ăn chay ngày trong tuần, cuối tuần ăn mặn) cũng khá phổ biến.

Theo bác sĩ Jatinder Bhatia, Tổng Thư ký Ủy ban Dinh dưỡng của American Academy of Pediatrics, "Ăn chay có thể có ích cho một lối sống lành mạnh, nhưng bạn cần cân bằng những chất còn thiếu".

Cũng theo các bác sĩ, thiếu sót quan trọng nhất trong các thực phẩm thực vật là chất sắt. Vitamin B-12 cũng là một vấn đề. Do đó, khi nuôi một đứa trẻ ăn chay, cha mẹ cần quan tâm đến những yếu tố này. Dĩ nhiên không phải là không có cách.

Hai sai lầm thường gặp của những bậc cha mẹ có con ăn chay là: Hoặc lo đứa trẻ không có đủ dinh dưỡng nên dồn cho đứa trẻ những thực phẩm có nhiều chất béo bão hòa và nhiều calories. Hoặc chỉ lấy thịt ra khỏi món ăn mà không thay thế vào đó thức nào khác.

Phụ huynh nên để ý đến các loại đậu, những sản phẩm từ đậu nành và sản phẩm ít chất béo làm từ sữa. Và ít nhất cũng nên biết qua những chất dinh dưỡng có trong các loại rau, đậu, hạt, trái. Chẳng hạn để thay thế chất sắt và đạm của thịt, có thể sử dụng đậu nành. Để có đủ vitamin B-12, người ăn chay có thể ăn măng tây (asparagus), bông cải xanh (broccoli)... Tốt nhất là nhờ sự tư vấn của các nhà chuyên môn về thực phẩm.

Theo Viện Sức khỏe Quốc gia (National Institutes of Health) của Hoa Kỳ, cơ thể khó hấp thụ chất kẽm không có nguồn động vật. Một cách để làm cho chất này được hấp thụ dễ dàng là ngâm nhiều giờ trong nước các loại đậu, hạt có chất kẽm, cũng có thể để cho hạt lên mầm trước khi nấu. Tài liệu cũng nói rằng thực phẩm làm từ hạt cho lên men giúp cơ thể hấp thụ chất kẽm dễ hơn. Cách làm tương đậu nành cổ truyền của Việt Nam là ủ cho đậu nành lên men trước khi chế biến. DHA (Docosahexaenoic acid), chất omega-3 có trong một số loại cá, cần thiết cho sự phát triển của não và mắt của trẻ, cũng có thể thay thế với hạt flax (hạt lanh, người Trung Quốc gọi là lin), hoặc tìm trong các loại thực phẩm hay nước uống tăng cường DHA (DHA-fortified).

Theo Katie Kavanagh, một chuyên viên về thực phẩm tại Đại học Tennessee ở Knoxville, những thức ăn chay cho trẻ em có chứa vitamin và chất khoáng ngày nay rất dễ tìm, như sữa đậu nành, nước cam...

Một vấn đề cũng nên quan tâm là tâm lý của trẻ em ăn chay. Mangel's chăm sóc hai cô con gái ăn chay nói rằng trẻ con dù sao cũng chỉ là trẻ con, cha mẹ nên tế nhị đối với nhu cầu và cá tính của chúng. Bà nói: "Nếu con của bạn là đứa trẻ không muốn khác với các bạn cùng trang lứa, đừng bắt chúng đến trường với thức ăn mang theo nhìn thấy khác với chúng bạn". ■



Thiền quán niệm và sự nghiện ngập

RONALD ALEXANDER
ĐỖ HOÀNG TÙNG dịch

Những nguyên nhân dẫn đến sự nghiện ngập và thiền quán niệm có thể đối trị thói nghiện ngập như thế nào?

Một trong những bước đầu tiên trong việc đối phó với thói nghiện ngập là tìm ra nguyên nhân mang tính cảm xúc của nó, cho dù đó là sự sợ hãi, trầm cảm, lo lắng, hay bi quan. Rất nhiều lần, những suy nghĩ và niềm tin ô nhiễm này đến từ

những điều mà tôi gọi là "tâm yếu đuối". Với tâm yếu đuối, chúng ta cảm thấy rằng trạng thái bất hạnh hiện tại của mình chỉ có thể được khắc phục nếu chúng ta có tiền bạc, có công việc, có mối quan hệ, có sự công nhận, hay có quyền lực... mà chúng ta đã có rồi lại bị mất, hoặc chưa bao giờ có và rất ao ước có. Thường thì chúng ta tự gây đau khổ cho mình khi chúng ta khát khao điều gì đó nằm ngoài tầm với hoặc bám chấp



một cách vô vọng vào điều gì đó đã mất đi. Đôi khi, tâm yếu đuối liên quan đến việc bám chấp vào một điều gì đó tiêu cực: một niềm tin không lành mạnh rằng mọi chuyện nên là thế nào hoặc đáng ra phải thế nào; một cảm xúc không lành mạnh như giận dữ, buồn bã, hay ghen tị. Sự thực tập quán niệm giúp chúng ta phát triển khả năng nhìn thấy một cách rõ ràng chính xác ta đang bám chấp vào cái gì để ta có thể buông bỏ sự bám chấp đó và chấm dứt khổ đau. Các lãnh vực tiềm ẩn của sự đối kháng xuất hiện trong nhận thức của chúng ta có thể được ghi nhận và được xem xét về sau, sao cho chúng ta có thể thực hiện những lựa chọn có ý thức để buông bỏ chúng.

Không bao giờ con người có thể hoàn toàn tránh né được tâm yếu đuối hay bất kỳ trở ngại nào khác. Ham muốn là một phần của con người. Nó khiến chúng ta phải cố gắng hướng đến việc cải thiện cuộc sống và thế giới của mình, đã dẫn đến rất nhiều những khám

phá và phát minh cung cấp cho chúng ta một cuộc sống có phẩm chất cao hơn. Tuy nhiên, bất chấp tất cả những gì chúng ta có thể đạt được và sở hữu, chúng ta vẫn bị thuyết phục rằng mình sẽ không hạnh phúc hay mãn nguyện trừ khi có được nhiều thứ hơn nữa. Niềm tin không lành mạnh này có thể dẫn đến sự ganh đua và cảm thấy giận dữ hay ghen tị với những người dường như có một cuộc sống dễ dàng hơn.

Nếu tôi có một bệnh nhân đang dùng ma túy, hay kể cả một loại thực phẩm nào đó, để điều khiển tâm trạng của mình, đầu tiên, để bề gãy thói quen đó, tôi sẽ giới thiệu người ấy đến gặp một chuyên gia về dinh dưỡng, một nhà tâm thần học, một nhà dược lý học thần kinh, hoặc một bác sĩ điều trị theo liệu pháp chỉnh thể, chẳng hạn như các bác sĩ thực hành khuynh hướng điều trị cùng lúc về tinh thần và thể chất của bệnh nhân. Thêm nữa, tôi sẽ giới thiệu với bệnh nhân đó các phương pháp như thiền quán niệm, thực tập yoga, và những bài thể dục thông thường..., vì chúng đều rất hữu ích trong việc điều chỉnh tâm trạng. Những loại hoạt động này làm hạ nồng độ cortisol (loại kích thích tố gây căng thẳng) và làm tăng nồng độ interleukin (chất sát khuẩn trong bạch cầu có tác dụng tăng cường hệ thống miễn dịch và cung cấp một năng lượng lớn hơn cho cơ thể) trong máu, đồng thời tổ chức cho có hiệu quả mọi năng lực của cơ thể để tự thanh lọc những chất độc hóa học, chẳng hạn như a-xít lactic trong cơ bắp và mạch máu, những yếu tố có thể ảnh hưởng đến những cơ quan tiếp nhận chất dẫn truyền thần kinh và làm thay đổi tâm trạng của con người.

Sự thách thức đối với việc thay đổi những thói quen nghiện ngập là nỗi sợ hãi rằng con người không thể thay đổi những gì có thể đẩy y đến sự chối bỏ thực tại và khiến y giảm hết mức những hậu quả của những hành vi vô ích. Dù con người có khám phá bất kì điều gì về mình và dù khám phá đó có đau đớn tới đâu, thì những sự đột phá vẫn luôn có sẵn. Sự nghiên cứu về thiền quán niệm chỉ ra rằng những đặc điểm hình thành khí chất và tính cách con người từng được chúng ta nghĩ là không thể biến đổi thực ra có thể được biến đổi một cách đáng kể. Bằng cách rèn luyện lại tâm trí thông qua thực tập thiền quán, con người sẽ tạo ra những hệ mạch thần kinh mới. Nếu là một kẻ hung hăng, kẻ đó có thể tìm thấy những phương cách xoa dịu khía cạnh này của chính mình, trở nên quyết đoán và dứt khoát với những ranh giới của mình mà không rơi vào một định kiến mang tính cạnh tranh và có thể đến mức thù địch vốn sẽ làm hại kẻ đó.

Nhiều năm qua, các nhà khoa học từng tin rằng sự mềm dẻo của não bộ, nghĩa là cái khả năng tạo ra những cấu trúc mới và khả năng học hỏi của não bộ, bị hạn chế sau thời thơ ấu. Tuy nhiên, hoạt động nghiên cứu gần đây chỉ ra rằng chúng ta có thể thay đổi cấu trúc não bộ và gặt hái những lợi ích tốt đẹp trong giai đoạn trưởng

thành. Sara Lazar, nhà nghiên cứu tại Bệnh viện Đa khoa Massachusetts, khám phá rằng người ta càng thực tập thiền quán niệm, phần giữa của vỏ não trước trán và phần giữa vùng thùy đảo sẽ càng dày lên. Việc thay đổi tâm trí (hay quá trình tư duy) của con người thực sự dẫn đến sự thay đổi trong não bộ. Lazar thấy rằng, trong khi những người đã thực tập thiền từ mười đến hai mươi năm rất thành thạo trong việc nhanh chóng đạt tới trạng thái tập trung và nhận thức tỉnh giác, những người mới thực tập thiền ít hơn bốn giờ một tuần cũng có thể đạt được và duy trì trạng thái tỉnh giác, đem đến khả năng sáng tạo, hay cái được gọi là “ý thức rộng mở”. Nhà nghiên cứu này cũng khám phá ra rằng kể cả những người bắt đầu hành thiền vào những năm đầu của tuổi 20 có thể đạt được trạng thái tập trung và tuệ giác nội quán (điều có thể được gọi là “sức mạnh nội tâm”) ngang

với những người đã hành thiền lâu năm. Việc người ta đã bỏ ra bao nhiêu thời gian trên tọa cụ không thành vấn đề, mà việc tập trung chú ý và có chủ đích mới là hai chìa khóa để đạt được những trạng thái này. Từ kinh nghiệm và công việc của bản thân, tôi biết rằng thường xuyên thực tập thiền

quán niệm cho phép chúng ta gạt sang một bên những điều phiền nhiễu và vào được trạng thái chuyển hóa của tâm thức rộng mở.

Thực tập chánh niệm có thể ảnh hưởng tích cực đến nhiều hoạt động của hạch hạnh nhân, khu vực có kích thước bằng hạt đậu nằm ở trung tâm não bộ, chịu trách nhiệm điều chỉnh cảm xúc. Khi hạch hạnh nhân được thư giãn, hệ thần kinh đối giao cảm sẽ vô hiệu hóa các phản ứng lo lắng. Nhịp tim hạ xuống, hơi thở trở nên sâu lắng và chậm rãi hơn, cơ thể ngừng giải phóng cortisol và adrenaline vào mạch máu; các kích thích tố gây căng thẳng này cung cấp cho chúng ta sinh lực nhạy bén trong những thời điểm nguy hiểm nhưng lại gây những ảnh hưởng tai hại lên cơ thể trong thời gian dài nếu chúng trở nên quá phổ biến. Qua thời gian, thiền quán niệm sẽ thực sự làm dày lên khu vực hai bên và trước trán thùy đảo phải của não bộ, khu vực chịu trách nhiệm về sự lạc quan và cảm giác an lạc, rộng rang, triển vọng. Khu vực này cũng liên hệ tới sự sáng tạo và gia tăng ý thức tò mò, cũng như khả năng quán chiếu thể cách hoạt động của tâm trí.



Bằng cách xây dựng nên những kết nối thần kinh mới giữa các tế bào não, chúng ta tạo ra các mạch mới trong não bộ; và với mỗi kết nối thần kinh mới, bộ não đang thực sự học hỏi. Điều đó cũng giống như là chúng ta đang tăng dung lượng bộ nhớ truy cập ngẫu nhiên (RAM) của máy tính vậy, cho nó thêm chức năng. Trong tác phẩm *The Mindful Brain* (Não bộ tỉnh thức), nhà khoa học thần kinh hàng đầu Daniel Siegel định nghĩa tâm như là “một tiến trình kiểm soát dòng năng lượng và thông tin. Nghiên cứu não bộ gần đây của ông đã chỉ ra rằng “nơi nào các nơ-ron kích hoạt, thì tại nơi ấy chúng có thể tạo ra các mạch mới”; nói khác đi, chúng tạo nên những con đường hay cấu trúc thần kinh mới trong não bộ. Ông mặc nhiên công nhận rằng một trong những lợi ích của việc thực tập thiền quán niệm là đó là quá trình tạo ra những hệ mạch thần kinh mới

cho việc tự quan sát, lạc quan, và hạnh phúc. Thông qua thiền quán niệm, chúng ta thấp sáng và góp phần gây dựng vỏ não trước trán bên trái, vốn liên quan đến sự lạc quan, sự tự quan sát, và lòng từ bi, cho phép chúng ta chấm dứt tình trạng bị thống trị bởi vỏ não trước trán bên phải, vốn

liên quan đến sự sợ hãi, trầm cảm, lo âu, và bi quan. Kết quả là sự tự nhận thức và ổn định của tâm trạng được tăng lên trong khi những phán xét khắc nghiệt của chúng ta về người khác và chính mình giảm xuống. Bằng việc dành sự chú ý có chủ đích và nỗ lực cho việc giữ chánh niệm mỗi ngày, chúng ta biết cách làm chủ tâm trí và mở ra cánh cửa cho sự sáng tạo luôn sẵn có trong ý thức rộng mở.

Hoàn toàn có khả năng là những hiệu quả tương tự cũng có thể đạt được thông qua những phương pháp thực hành khác dường như cũng có khả năng khơi mở những dòng thần kinh mới; chẳng hạn tập thái cực quyền, tập yoga hay những cách thiền tập khác; tuy nhiên, nhờ vào những nghiên cứu tìm hiểu về thiền quán niệm, ngày nay chúng ta biết rằng con người có thể thực sự tái cơ cấu bộ não và tác động đến cách thức hoạt động của nó, cũng như cái cách mà bộ não gây ảnh hưởng lên cơ thể.

Nguồn: *Mindfulness Meditation & Addiction*; www.psychologytoday.com ■



Vipassana và Tôi

DIỆU LIÊN LÝ THU LINH

Đối với một người theo truyền thống ‘thiền Tám phút’¹ mỗi ngày thì ý nghĩ đi dự một khóa thiền Vipassana mười ngày là một điều chi lớn vồn trong tiềm thức, là tiếng gọi mơ hồ thúc giục, nhưng luôn bị đè ép xuống tận cùng trong sâu thẳm với bao lý do ‘xác đáng’ như không có phương tiện di chuyển; bận rộn thế này làm gì có thể bỏ cả mười ngày mà đi; thời gian ngồi thiền lâu quá ảnh hưởng đến sức khỏe thì khôn, vân vân và vân vân.

Nhưng tháng Tư này, chị tôi muốn đi dự khóa thiền đó. Từng là người hay hô hào mọi người trong gia đình đi thiền, mà giờ thoát thác thì cũng kỳ. Vả lại tôi tự nghĩ là chị tôi có lẽ kinh nghiệm thiền tập còn kém mình, mà chị còn dám đi ‘thử nghiệm’, thì mình không lẽ chối từ. Thế là tôi ghi danh, vì sĩ diện, vì tò mò, vì muốn thử sức, ... tất cả mọi lý do, trừ ra lý do đi là để thanh lọc tâm mình.

Dấu gì đi nữa thì từ lúc ghi danh cho đến ngày lên đường cũng là một khoảng thời gian không bình lặng trong tâm hồn tôi. Thú thật, chỉ đọc bằng nội quy, xem thời khóa biểu, thì một kẻ yếu bóng vía như tôi cũng bị ám ảnh đêm ngày. Mười ngày giữ im lặng. Không được dùng bữa chiều. Mỗi ngày ngồi hành thiền từ 8 – 11 tiếng (!!!). Tôi nghĩ phải là những người có ý chí sắt đá hoặc bạt mạng mới dám ghi tên dự khóa thiền này (dĩ nhiên, trừ những vị đã có thâm niên thiền tập).

Tôi chỉ là kẻ đã phóng lao thì phải theo lao.

Rồi ngày đi cũng đến. Khóa thiền được tổ chức tại thành phố Kaufman của hạt Kaufman, bang Texas. Từ Dallas, nơi chúng tôi trú ngụ, đến Kaufman không xa mấy, chỉ khoảng hơn tiếng đồng hồ lái xe. Và cái bản đồ điện tử rạch ròi đến từng dặm đường đã chỉ chúng tôi đến nơi không sai lệch. So với Dallas thì Kaufman có vẻ thanh bình hơn với nhiều trang trại nhỏ, nhà cửa thưa thớt, nhà này cách nhà kia bằng những cánh đồng, những mảnh vườn rộng. Trung tâm thiền nằm sâu trong một khu yên tĩnh như thế. Từ ngoài đường cái có bảng để Vipassana màu xanh, hướng dẫn quẹo vào một con đường thơ mộng, với hai hàng cây xanh biếc lá. Trung tâm thiền không hoành tráng, hiện đại như chúng tôi nghĩ, mà chỉ là những dãy nhà rải rác trong một khuôn viên rộng lớn, có nhiều cây xanh.

Phòng ghi danh hôm nay rộn rịp bao thiền sinh cũ, mới lục tục đến ‘trình diện’, nhận phòng và để được giới thiệu đôi ‘tục lệ’ trước khi nhập gia.

Ngày 0: Chúng tôi được đón tiếp khá nồng hậu. Mỗi người được ở một phòng riêng, dấu diện tích khá khiêm tốn nhưng đầy đủ tiện nghi, với nhà vệ sinh, phòng tắm riêng. Còn được phép nói chuyện cho đến tám giờ tối nay, nên ai cũng tranh thủ hỏi han nhau. Nhất là các thiền sinh mới, gặp thiền sinh cũ là hỏi kinh nghiệm vì sợ rằng mình không qua nổi mười ngày ‘tập huấn’ này. Dĩ nhiên trong số đó có tôi. Lòng đầy âu lo, tôi kéo vali về phòng, có cảm giác như một sinh viên mới nhập trường, mà tương lai là mười ngày dài trước mặt.

Ngày 1: 4 giờ sáng, kèn đánh thức vang rền. Tôi lăn trở trên chiếc giường chật hẹp, muốn kê nó cho rồi, nếu không nghĩ tới gánh nặng của việc mình đang thụ hưởng ‘của đàn na tín thí’. Căn phòng này, đèn nước, những bữa ăn, những giây phút được yên tĩnh ngồi thiền, những bài pháp thoại, thời gian của hai vị thiền sư phụ giáo, thời gian công sức của những thiền sinh tình nguyện giúp đỡ, phục vụ chúng tôi, ... tất cả đều là từ những đóng góp của các nhà hảo tâm, các thiền sinh cũ. Tôi nghĩ ngài Goenka thật là tâm lý. Nếu như chúng tôi được đóng tiền khi đến đây thì tâm lý của người bỏ tiền mua dịch vụ sẽ không khởi khởi lên trong những tâm hồn còn đầy tính toán này. Nhưng không, tất cả đều miễn phí thì làm sao kẻ thụ hưởng dám không làm đúng theo những điều mình đã cam kết trong nội quy?

Ngày 2: Những giờ phút ‘trắng mặt’ qua đi nhanh chóng. Buổi sáng đầu tiên, sau một giờ thiền còn được tự do trở về phòng tự thiền hay nghỉ ngơi. Nhưng ngay buổi chiều đó là gần hai tiếng rưỡi phải có mặt trong thiền đường, với khoảng năm phút nghỉ giải lao giữa buổi. Và dĩ nhiên bắt đầu từ hôm nay, là sáng cũng như chiều cũng như tối, đều phải có mặt trong thiền đường, hành thiền và nghe pháp thoại, tổng cộng ít nhất là hơn tám tiếng. Ôi, chỉ ngồi để thở mà sao cả người tôi nặng như đeo đá. Chỉ có một điều lạ là ngồi thiền ở nhà dù



chỉ mười phút thì tôi đã hôn mê hết phân nửa thời gian, vậy mà ngồi trong thiền đường tối âm u này thì tôi thấy mình tỉnh thức làm sao. Không lẽ chỉ nhìn những tấm lưng thẳng như những bức tượng phía trước mặt khiến mí mắt tôi sợ đến nỗi không dám cụp xuống.

Ngày 3: Ai đó bảo tôi, nếu qua được ba ngày, thì sẽ trụ được đến mười ngày. Tôi nhớ hôm qua, tôi đưa mắt nhìn chị tôi trầm hỏi, 'Chịu nổi không? Muốn về không? Tôi chỉ mong chị lên tiếng than phiền để tôi có lý do mà khăn gói ra về. Khó quá. Khó quá. Tôi nhủ thầm. Đau chân, đau hông, đau mông, đau đầu, ... bao nhiêu thứ đau. Rồi lại còn đói nữa chứ, ba buổi chiều nay với chỉ ly nước gừng, một trái táo, một trái cam, hình như mỗi tối, bụng tôi đều cồn cào lên tiếng. Tối tôi còn chiêm bao cả thức ăn. Ôi, tôi chỉ mong tìm được một lý do chánh đáng nào đó để ra về... Nhưng chị tôi mím môi, lắc đầu, mặt đầy cương quyết. Thiệt là thất vọng.

Ngày 4: Ngày của Vipassana. Nghĩa là trong ngày phải có ít nhất ba lần, mỗi lần một tiếng ngồi với quyết tâm, không được thay đổi vị thế. Tôi nhắm mắt, và nghiêng rằng. Những cơn đau như bùng vỡ khắp châu thân. Chân của tôi hay là mớ bùi nhùi vô cảm? Vai tôi có phải đang gánh hàng nghìn tảng đá? 60 phút của thiên thu bất tận? Không lẽ nào thời gian đã ngừng trôi chảy?

Ngày 5: Mỗi ngày hình như cuộc chiến của tôi càng thêm căng thẳng. Mỗi ngày tôi đều thấy hình

như mình không thể vượt qua. Tôi đã tự xếp mình vào thành phần 'bất hảo', không dám so sánh với những thần hình dường như bất động trước mặt. (Bất hảo vì tôi hiểu những lần tôi trở mình thì trong thiền đường vắng lặng - im ắng đến độ dường như người ta còn nghe được hơi thở của nhau- lại lao xao tiếng động của chân tay rã rời, lại có thể làm động đến tâm của người bên cạnh). Tôi quay vào soi chính mình thôi. Hôm qua trong một tiếng thiền tập, tôi đã 15 lần chuyển mình đổi chân, hôm nay chỉ còn 8, 9 lần. Nhận ra như thế tôi thấy phần khởi lên đôi chút, nhưng buổi tối nghe pháp thoại mới biết tôi đã sai, người ta không nên so sánh đầu với chính bản thân mình!

Ngày 6: Cứ như cái máy đã được lập trình. Mỗi nửa giờ là chân tôi lại căng cứng. Hối tất cả chân, tay, đầu, mình, chúng đều than đau. Còn bao lâu nữa thì tiếng của ngài Goenka vang lên như tiếng kèn báo giờ, như hiệu lệnh giải thoát? Còn bao lâu nữa thì tới đích? Vận động viên còn có cái đích để nhắm tới. Năm phút cuối. Nửa cây số cuối cùng. Tất cả đều là những tín hiệu để tăng thêm sức mạnh cho người trong cuộc đua. Nhưng thiền sinh thì không có cái đích, không được ngóng trông, chờ đợi. Cứ ngồi và buông xả. Buông xả. Buông xả.

Ngày 7: Thời bây giờ không còn nghĩ đến bỏ cuộc nữa, nhưng lại thay bằng tâm lý ngóng trông. Hôm nay còn bốn ngày, mai còn ba ngày, còn hai... Gắng lên. Gắng lên. Tôi tự nhủ mình. Chấp nhận. Chấp nhận. Tôi tự

dở mình. Chấp nhận cái đau như một vô thường. Chấp nhận để nghe nó rã ra nơi thân. Rồi lại đau. Rồi lại qua, mặc cho mấy cái dây thần kinh cột sống, L5, L6 gì đó của căn bệnh thần kinh tọa cũ, lại run lên bắn bật như những sợi dây đàn dưới bàn tay nhấn nhá của người nghệ sĩ. Rồi cái đau như dần kéo lại thành cục. Nặng nề. Trì kéo. Chấp nhận. Chấp nhận. Buông xả. Buông xả.

Ngày 8: Hôm nay hình như phép màu đã xảy ra. Sáng nay sao sung sức vậy? Nhẹ nhõm quá. Không đau. Không bắt gặp mình chờ đợi tiếng 'sư tử' trở mình đánh thức thiền sinh bằng tiếng rống trầm ấm của mình. Có lẽ vì chỉ còn hai ngày nữa. Hai ngày nữa là tôi đã làm được điều tưởng chừng không bao giờ làm nổi: tôi đã trụ được mười ngày của khóa thiền Vipassana.

Buổi sáng tôi về phòng sớm. Đi thong thả từng bước. Đếm hơi thở trong từng bước chân. Trời xám nhưng không lạnh. Gió nhẹ. Mùi thức ăn từ nhà bếp thoảng trong không gian. Đến ngồi bên ghế đá. Mặt hồ nhỏ trước mặt lặng im, không dợn sóng. (Có phải Walden Pond của H.D. Thoreau?) Tiếng những chú chim gõ mõ: *cộp, cặp, cặp. Chiều, chiều, chiều*, nghe vang vọng trong sự tĩnh lặng. Dưới chân tôi, một chú sâu đang co mình, ủ ấm. Một buổi sáng hạnh phúc tuyệt vời mà lâu quá rồi, tôi dường như không nhớ có một thứ hạnh phúc như thế.

Ngày 9: Hôm qua là ngày của thiền đăng, hôm nay lại rơi xuống địa ngục. Lại một giờ của thiền thu bất tận. Cũng giống như cuộc đời với những thăng trầm. Hôm qua thiền nhẹ nhàng, hôm nay lại như rơi trở lại trạng thái của những ngày đầu. Không biết lúc nào thì tiếng thiền sư vang lên để chấm dứt buổi tọa thiền, cũng như không biết lúc nào thì tiếng gọi của tử thần nhắc đến tên ta. Hãy bình thần. Hãy nhắm mắt chờ đợi.

Tối nay qua pháp thoại mới biết những điều tôi đã cho là nghịch lý, hay không cần thiết cho khóa tu như là sự im lặng thánh thiện, không ăn buổi chiều, không phải đóng tiền cho khóa tu, vân vân, là những điều thực tập mà ngài Goenka muốn chúng tôi trải nghiệm theo hạnh xả ly/xuất gia. Có thể nói giống như chúng tôi được tập tu trong mười ngày này vậy. Giá mà được giải thích trước như thế, có lẽ tôi đã trân quý hơn những giờ phút giữ im lặng, tôi đã bớt háu ăn, tôi đã tinh tấn hơn, ... Ôi, thôi đã muộn mất rồi!

Ngày 10: Tâm chộn rộn. Thân chộn rộn. Chung quanh ai cũng chộn rộn chuẩn bị cho ngày cuối của khóa tu. Ai cũng hớn hờ, vui vẻ vì đã vượt lên bao khó khăn, thử thách của bản thân để không bỏ cuộc. Mọi người đã được trò chuyện. Mười ngày im lặng, bao tâm tư dồn nén dường như được khơi mạch tuôn trào... Bây giờ thì chúng tôi đã được công nhận là những thiền sinh cũ, và với tư cách là người thiền sinh cũ, chúng tôi được 'cúng dường' để phần nào đền đáp lại những gì mình

đã hưởng thụ từ những người đi trước. Mong là những người đi sau chúng tôi cũng được hưởng những tiện nghi mà chúng tôi đã được hưởng trong mười ngày ở tại trung tâm thiền Vipassana của Ngài Goenka.

Thay lời kết:

Khóa tu của chúng tôi đã viên mãn. Mười ngày ở thiền viện Vipassana này sẽ là những ngày khó quên trong cuộc đời của mỗi người có mặt ở đây. Dẫu chúng tôi có tiếp tục với truyền thống tu này hay không, chúng tôi vẫn nợ nhiều tấm lòng một lời cảm ơn...

Trước hết là Ngài Goenka, người trong suốt hai mươi năm qua, đã không mệt mỏi thành lập các trung tâm thiền, tổ chức những khóa học thiền như thế này ở nhiều nơi trên khắp thế giới: Ấn Độ, Canada, Mỹ Tây Cơ, Mỹ, ... và mới đây nhất là ở Việt Nam. Dẫu không được hân hạnh gặp Ngài, nhưng sau mười ngày, tiếng nói ồm ồm - mà lúc đầu làm tôi phát hoảng - của Ngài khi hướng dẫn chúng tôi từng bước tọa thiền, khi xướng tụng các bài kinh đã trở nên quen thuộc một cách lạ lùng.

Xin cảm ơn hai vị thiền sư phụ giáo, những người luôn có mặt bên chúng tôi những lúc hành thiền, chăm chú lắng nghe, giải thích nhiều thắc mắc của chúng tôi, cũng như kiên nhẫn chờ đợi không mệt mỏi sự trở nãi dường như đã thành thông lệ của nhiều thiền sinh ở mọi buổi hành thiền chung.

Ngày đầu tiên, trong buổi sinh hoạt giới thiệu về trung tâm thiền cũng như nhân sự, cô gái trẻ, T.A, là người quản lý bên nữ, nói: "Chúng tôi có mặt 24/24 để giúp đỡ các dì, các chị, các em...". Tôi đã mỉm cười hoài nghi. Nhưng những ngày sau đó, cô gái trẻ mà rất chắc chắn, bản lĩnh đó đã là chỗ chúng tôi tìm đến với bất cứ lý do gì. Bốn giờ sáng, T.A là người đi suốt dọc hành lang các phòng bên nữ để đánh kèn kêu chúng tôi dậy. Mỗi giờ vào thiền đường, chính là T.A đi kiểm từng chiếc gối thiền còn trống, tắt bật đi kêu gọi các thiền sinh đến trễ cho đến khi tất cả đã yên vị trên gối thiền, cô mới ngồi xuống gối của mình. Trưa, khi mọi người tranh thủ ngủ nghỉ, cũng là T.A ngồi ở cửa thiền đường, sắp xếp để chúng tôi được vào gặp thiền sư vấn đáp. Phòng ở không ổn, toilet trực trực, cần suất ăn đặc biệt buổi chiều, cần gặp thiền sư, ... tất cả đều được T.A chu đáo giải quyết, nhanh chóng, trầm tĩnh. Xin cảm ơn T.A về những sự giúp đỡ này.

Và còn bao nhiêu người vô danh khác nữa. Những người lặng lẽ trong bếp chuẩn bị bữa ăn cho chúng tôi mỗi sáng, trưa, chiều. Những người dọn dẹp phòng ốc, người ghi danh, người in ấn, ... Và cuối cùng là xin cảm ơn chị tôi, về một lời 'rủ rê' thiền lành.

Xin cảm ơn tất cả.

Chú thích:

1. Eight Minute Meditation: Quiet Your Mind, Change Your Life (*Tám Phút Thiền: An Tâm, Chuyển Hóa Đời Bạn*), Davich Victor. ■



Chữ *nhẫn* của người nay

HOÀNG TÁ THÍCH

Báo *Tuổi Trẻ* cách đây ít ngày có đăng câu chuyện về một người Mỹ có một cô con nuôi gốc Việt ở với ông từ hồi còn bé, nhưng cô ấy vẫn nói tiếng Việt như một người Việt Nam thuần túy.

Điều tôi muốn nói đây không phải về người con nuôi gốc Việt, mà là về ông cha nuôi người Mỹ. Ông ta là một thi sĩ và là giáo sư đại học, tên là Bruce Weigl.

Từ lúc đem cô con nuôi còn bé tí về, ông đã khuyến khích cô bé học tiếng Việt với một quan niệm rất rõ ràng: Con người phải có nguồn cội. Nếu con nuôi ông sau này trở thành một người Mỹ và không biết đến nguồn gốc văn hóa của quê hương mình thì tình cảm của cô chẳng thể nào là chân thực được.

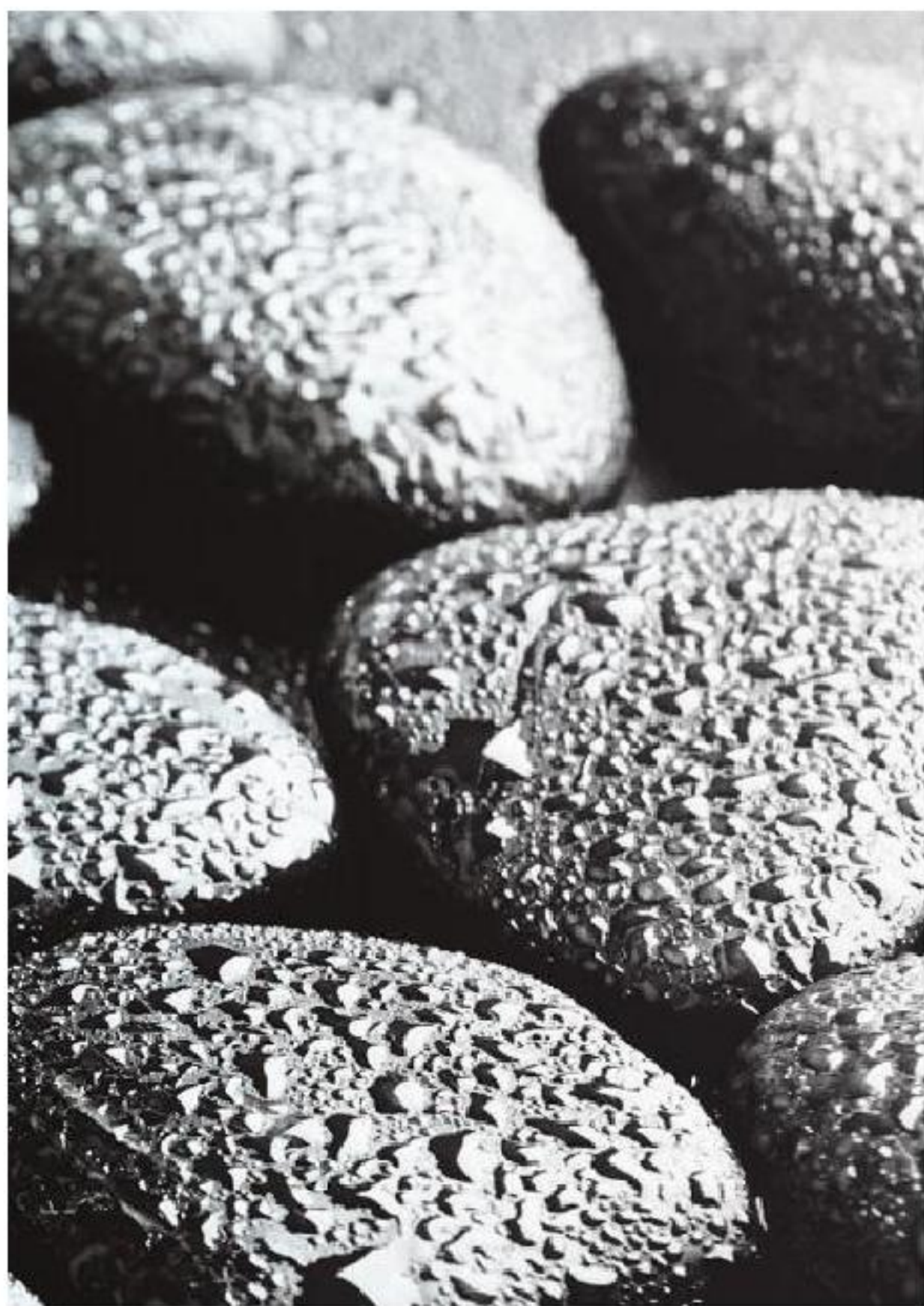
Bây giờ cô đã xong đại học. Cô kể lại: Ở với bố nuôi từ bé đến lúc trưởng thành, nhưng cô chỉ mới hiểu được ông khoảng vài năm nay: Ấy là có một hôm bố nuôi đến đón cô về nhà. Trời mùa đông tuyết giá, có một người da đen xin quá giang, và ông đã lái xe hơn một tiếng đồng

hồ để đưa người da đen đến nơi anh ta nhờ. Lúc xuống xe, thay vì một lời cảm ơn thì người này lại lên tiếng chửi đổng. Cô tỏ ý bức mình với bố, nhưng ông lại an ủi cô: "Làm bất cứ điều gì cho người khác, không nên chờ đợi một lời cảm ơn thì việc mình giúp đỡ mới có ý nghĩa. Con không nên quan tâm đến thái độ của người đó thì trong lòng sẽ được thoải mái hơn".

Thái độ của bố nuôi có thể nói là đã khai thị cô gái, và kể từ đó, cô có một quan niệm sâu xa hơn về tình yêu đối với mọi người chung quanh.

Ông bố nuôi thi sĩ của cô đúng là một vị Bồ-tát. Tấm lòng vị tha của ông thật hiếm có và suy nghĩ lại, cô thấy bản thân mình chưa bao giờ đạt đến được như thế.

Trong kinh Phật có kể chuyện về ngài Xá-lợi-phất, là một trong mười đại đệ tử của Đức Phật. Trong một kiếp tu, ngài hành đạo bố thí. Ngày nọ gặp một người muốn xin ngài một con mắt. Ngài bảo rằng con mắt chẳng có ích lợi gì, nếu ông muốn xin bất cứ gì khác tôi sẽ cho ông. Người ăn xin khẳng định chỉ muốn con mắt.



Cuối cùng ngài Xá-lợi-phất móc con mắt cho người nọ. Không những không cảm ơn, người đó còn chề con mắt hôi hám và lấy chân chà đạp lên rồi bỏ đi. Ngài Xá-lợi-phất suy nghĩ và cho rằng có những người tâm tính quá xấu không thể thí pháp, khai ngộ cho họ được và ngài đã thay đổi lối tu.

Đã có suy nghĩ về thái độ của người được bố thí, nghĩa là có cần nhắc đến việc bố thí của mình. Đến như ngài Xá-lợi-phất, trong một tiền kiếp cũng thế, hướng chỉ người đời thương.

Phần đông, lúc giúp đỡ một người khác, ai ai cũng chờ đợi một thái độ biết ơn của người đó, ít nhất là một lời cảm ơn đơn giản nhất, dù chính mình biết, đôi khi, chỉ là một lời nói lịch sự đầu môi. Có những sự giúp đỡ to lớn, quan trọng hơn, đem đến lợi ích cho người được giúp đỡ, thì nếu không biết thể hiện sự cảm ơn, kẻ nhận được sự giúp đỡ sẽ được xem như là một người vô ơn. Thực ra có những sự giúp đỡ, xem ra thì chẳng có gì đáng gọi là to lớn, thực ra đã giúp cho người khác rất nhiều mà họ không hay.

Trong câu chuyện kể trên, người da đen này không một lời cảm ơn thì chớ, lại còn buông tiếng chửi đổng, mà ông bố nuôi này chẳng quan tâm thì quả thật là hy hữu.

Thực ra, cũng có người nhận được sự giúp đỡ của người khác, nhưng vẫn ngại một lời cảm ơn mà họ cho là khách sáo. Ngại hơn nữa là một hiện vật để tỏ lòng tri ơn, vì họ tự trọng, và tôn trọng người làm ơn. Tuy nhiên, việc thể hiện vẫn là một thực tế không thể không có.

Trong cái thế giới mà con người bon chen nhau từng chút lợi danh, tranh nhau từng chút vật chất, kèn cựa nhau từng lời nói, có người không quan tâm về một thái độ biết ơn như ông bố nuôi trong câu chuyện kể trên thì quả thật là một điều nên học hỏi. Nghe thì thật đơn giản, nghĩ mình có thể làm được, nhưng thực tế không phải như thế. Có một lần tôi đang lái xe trên đường phố cùng con gái. Bỗng một chiếc xe từ trong lề đường đâm ra một cách bất ngờ làm tôi hốt hoảng phải lách ra để tránh. May là đường vắng, phía bên ngoài không có xe, nên không gặp phải chuyện gì. Sau cơn hốt hoảng là một sự tức giận, và tôi cố vượt lên để có thể biểu lộ một sự tức giận nào đó với người lái xe kia. Đến khi đi song song với cái xe nọ, thì mới hay người lái xe là một người đàn bà chở một đứa bé. Có lẽ biết tôi giận dữ, nên bà ta nở một nụ cười tỏ ý xin lỗi. Tôi cũng bất giác mỉm cười trả và bao nhiêu cơn giận tiêu tan. Tôi nghĩ ngay đến một trường hợp, giả thử người lái xe không phải là một người đàn bà chở con, mà là một người da đen tướng mạo hung dữ, thử hỏi tôi phải làm gì. Tôi nhìn qua con gái ngồi bên cạnh và phát ngượng vì sự nóng giận thiếu ý thức của mình. Nếu có thể kìm giữ được cảm xúc nóng giận của mình thì hay biết là bao. Cũng thế, nếu có thể không quan tâm trước một cử chỉ vô ơn của một người khác thì mình cũng sẽ thoải mái biết bao.

Tôi nhớ đến một câu chuyện về một người lái xe bên Mỹ, trên xa lộ. Một chiếc xe đang sau bóp còi qua mặt và ép anh ta vào lề. Sự tức giận làm anh ta không kềm chế được. Anh tăng tốc độ, vượt lên trước và thẳng lại, đứng giữa đường chờ chiếc xe kia. Nhưng anh ta chỉ vừa ra khỏi xe thì chiếc xe kia đã húc vào anh ta trước sự chứng kiến của vợ con anh đang ngồi trong xe.

Một chữ Nhẫn đơn giản, nhưng khó mà làm được.

Tôi quả thực hâm mộ ông bố nuôi người Mỹ kia vô cùng. Người ta vô cơ chửi mình, cũng có thể nhẫn nhịn xem có nguyên nhân nào không. Đàng này mình làm ơn, giúp đỡ người ta, mà lại còn bị chửi, nhịn được thì quả là Bồ-tát, là thần thánh.

Trịnh Công Sơn cũng từng nói về chữ Nhẫn: "Ban đêm tôi nhìn trời đất để học về lòng bao dung, nhìn đường đi của kiến để biết về sự nhẫn nhục..." Và lòng nhẫn nhịn đã giúp anh ấy thoát ra được rất nhiều nỗi ưu phiền.

Riêng tôi, tôi đã học được cái đức tính này bằng một cách đơn giản: Có một người xúc phạm mình, điều hay nhất phải làm là "hoãn" lại phản ứng của mình càng lâu càng tốt. Trong thời gian này, lại có thể chiêm nghiệm vì sao người ta xúc phạm mình. Càng lâu thì cơn giận dữ của mình càng nguôi dần và có thể tan biến đi lúc nào không hay.

Có một câu đọc được ở đâu đó thật thú vị:

"Nhẫn nhất thời, phong bình lãng tĩnh; Thoái nhất bộ, hải khoát thiên không".

Được tạm dịch: Nhịn một lần, gió yên sóng lặng; Lùi một bước, biển rộng trời cao. ■



Bảo vệ mình và người

TẤN NGHĨA

Chuyện *Tiến thân Asankiya* thuộc phẩm *Varana*, là chuyện thứ 76 trong bộ *Jataka*, kể về một cư sĩ sống tại Xá-vệ tình cờ bảo vệ được một đoàn lữ hành chỉ nhờ sự rèn luyện bản thân. Câu chuyện cho biết, có một vị cư sĩ thuộc bậc Dự lưu vì công việc đã cùng đi đường với người cầm đầu một đoàn lữ hành; đến một khu rừng, đoàn lữ hành nghỉ ngơi. Các cỗ xe được mở ra, đặt thành một doanh trại. Vị cư sĩ đi kinh hành gần chỗ người trưởng đoàn nghỉ ngơi.

Dự lưu có nghĩa là “nhập vào dòng”. “Dòng” ở đây là dòng thánh, dòng trí tuệ. Người “nhập vào dòng” là người nhìn thấy rõ lý nhân quả và biết tự điều chỉnh trong đời sống của mình; do đó, không còn tái sinh vào ba đường ác (ngạ quỷ, súc sinh, và địa ngục). Vị cư sĩ trong truyện đã thuộc bậc Dự lưu, là người có rèn luyện. Khi mọi người nghỉ ngơi, vị cư sĩ này thực hành

việc ổn định tâm bằng cách đi trong chánh niệm, gọi là kinh hành. Khi đó thì có chuyện xảy ra.

Có năm trăm tên cướp.... cầm cung, gậy, các binh khí khác, với ý định đánh cướp.... Vị cư sĩ vẫn đi kinh hành. Bọn cướp tưởng vị cư sĩ là người canh gác doanh trại, không dám đột kích; chúng quyết định chờ vị cư sĩ đi ngủ rồi mới đánh cướp. Vị cư sĩ vẫn đi kinh hành trong canh thứ nhất, canh thứ hai, cả canh cuối. Đến rạng đông, bọn cướp không tìm được cơ hội, liền quăng bỏ đá và gậy đã mang theo rồi tháo chạy. Vị cư sĩ, sau khi làm xong công việc của mình, đi đến Xá-vệ yết kiến Bạc đạo sư và hỏi:

- Bạch Thế Tôn, có phải khi bảo vệ mình cũng là bảo vệ người khác không?

- Này nam cư sĩ, đúng vậy. Trong khi bảo vệ mình, cũng bảo vệ người khác! Trong khi bảo vệ người khác, cũng bảo vệ mình!

Vị cư sĩ nọ khi đi kinh hành để rèn luyện bản thân đã đồng thời bảo vệ được đoàn lữ hành; từ đó ý thức được rằng “bảo vệ mình cũng là bảo vệ người khác”. Một người có hành vi tốt, chỉ riêng điều đó đã giúp xã hội tốt lên. Theo các quan niệm ấu trĩ, phải lao động đem lại của cải vật chất cho xã hội mới là người có ích, còn những người không tham gia lao động trực tiếp đều là loại “ăn bám”. Hành vi khát thực lại càng là loại “ăn bám”. Vì thế, quan điểm ấu trĩ không tán đồng những người rèn luyện theo Phật học, thực hành hạnh khát thực.

Đem lại sự yên ổn cho đoàn lữ hành, vị cư sĩ nọ đã tặng nhóm người này một thứ gọi là ‘vô úy thí’. Thông thường, mọi người nghĩ rằng việc cho, tặng là phải có cái gì trao ra như tài vật, kiến thức. Theo Phật học, sự cho, tặng (bố thí) bao gồm ba loại: tài vật (tài thí), kiến thức Phật học (pháp thí), và một loại vô cùng đặc biệt: sự không sợ hãi (vô úy thí). Vô úy thí không chỉ là bảo vệ, che chở người khác, giúp họ không sợ hãi. Nó còn có nghĩa là đem lại sự yên tâm. Làm một việc gì giúp người khác cũng là đem lại sự yên tâm. Đến nhà người khác, chỉ cần xử sự đàng hoàng, không quậy phá, trộm cắp, cũng là giúp người ta yên tâm. Vậy, vô úy thí là chuyện không phải quá khó làm.

Ngày nay, mọi người đều biết rằng những người tu tập chân chánh chính là tấm gương giúp cho xã hội noi theo về mặt đạo đức. Đó chính là “trong khi bảo vệ mình, cũng bảo vệ người khác”. Tuy nhiên, có người sẽ cho rằng, mình sống “tốt”, không làm hại ai (mà cũng “không làm lợi cho ai”) là được rồi! Người khác lại nghĩ: ta cần phải “tu tập”, vì thế công việc ngoài đời mình chỉ làm để sinh sống thôi, còn cái chính là thời giờ dành cho “tu tập”. Như vậy, đời sống bị chia thành hai phần: một phần là “tu tập”, một phần là “không tu tập”. Khi đang làm việc trong phần “không tu tập” thì cảm thấy rất miễn cưỡng, chán nản, có khi chỉ làm quấy quá để sớm rút về chỗ “tu tập”. Chính vì thế, Đức Phật đã bổ sung thêm: “trong khi bảo vệ người khác, cũng bảo vệ mình”. Như vậy, việc rèn luyện là toàn bộ đời sống, không có thời “tu tập” và thời “không tu tập”. Làm việc có ích cho xã hội cũng là một cách rèn luyện, cũng phòng vệ cho bản thân, cũng là tu tập. Vị cư sĩ rất hoan hỷ khi nghe Đức Phật nói như vậy.

- Ôi khéo nói thay là lời của Thế Tôn! Khi con cùng đi đường với người cầm đầu đoàn lữ hành, con đi kinh hành dưới gốc cây để rèn luyện, con đã bảo vệ cả đoàn lữ hành.

- Nay nam cư sĩ, thuở trước, các bậc hiền trí trong khi tự bảo vệ mình đã bảo vệ người khác.

Nói vậy xong, theo lời yêu cầu, bậc Đạo sư kể lại câu chuyện quá khứ.

Thuở xưa khi vua Brahmadatta trị vì ở Ba-la-nại, Bồ-tát sanh trong một gia đình Bà-la-môn. Khi đến tuổi trưởng thành, thấy được sự nguy hiểm trong các dục, Bồ-tát xuất gia làm vị tiên nhân du sĩ, sống ở đây Hy-mã-lạp sơn. Vì cần lấy muối và giấm, Bồ-tát đi về vùng quê, cùng

chung một đường với vị cầm đầu đoàn lữ hành. Khi đoàn lữ hành dừng tại một khu rừng, Bồ-tát quyết định đi kinh hành dưới một gốc cây, thọ hưởng sự sung sướng trong thiền định, không xa đoàn lữ hành bao nhiêu. Rồi có năm trăm tên cướp, sau buổi ăn chiều, bao vây doanh trại để đánh cướp đoàn lữ hành ấy. Thấy vị tu khổ hạnh, bọn chúng dừng lại nói rằng: Nếu ông ấy thấy chúng ta, ông ta sẽ báo động. Hãy chờ ông ấy ngủ rồi chúng ta sẽ cướp trại. Nghĩ vậy bọn chúng chờ tại chỗ ấy. Vị tu khổ hạnh vẫn đi kinh hành suốt đêm. Các tên cướp không có được cơ hội, đã quăng bỏ các côn, gậy, đá chúng mang theo và la lớn: “Này các bạn lữ hành, nếu không có vị tu khổ hạnh đi kinh hành thì tất cả các người đã bị cướp phá lớn rồi. Ngày mai hãy tôn trọng vị tu khổ hạnh ấy”. Nói xong, bọn cướp bỏ đi.

Những tên cướp này quả thật... văn minh hơn nhiều người văn minh mà ấu trĩ. Họ biết rằng đoàn lữ hành đã được vị tu khổ hạnh tặng một món quà lớn: sự yên ổn, thoát khỏi một trận cướp bóc. Họ nhắc đoàn lữ hành nên cảm ơn vị tu khổ hạnh. Những tên cướp này nhắc tới sự biết ơn. Khi bạn đang sống yên ổn, bạn cần phải biết rằng có nhiều người đã “bố thí sự vô úy” cho bạn. Chạy trên đường thông suốt, bạn nên cảm ơn cảnh sát giao thông và những thanh niên mặc bộ đồ xanh đang điều khiển giao thông. Bước vào một nhà vệ sinh sạch sẽ, bạn nên cảm ơn người lao công đã quét dọn sạch sẽ. Ngồi ở nhà yên ổn, bạn nên cảm ơn hàng xóm của bạn đã cẩn thận, không để xảy ra sự cố cháy nhà.

Khi trời sáng rõ, đoàn lữ hành thấy gậy, đá mà bọn cướp bỏ lại, mọi người trong đoàn rất sợ hãi, đi đến Bồ-tát, đánh lễ và hỏi:

- Thưa tôn giả, tôn giả có thấy bọn cướp không?

- Này các hiền giả, tôi có thấy.

- Thưa tôn giả, thấy từng ấy tên cướp, tôn giả không e ngại, không sợ hãi sao?

- Này các hiền giả, kẻ có tài sản mới sợ hãi khi thấy bọn cướp. Ta không có tài sản, sao ta lại sợ hãi. Khi sống ở làng hay ở rừng, ta không sợ hãi, không e ngại, vì không có gì để mất.

Sau khi đã thực hiện “vô úy thí”, Bồ-tát lại tiến hành “Pháp thí”. Ngài tiến hành việc bố thí một cách rất tự nhiên và hoàn hảo. Bồ-tát đã nói lên một quy tắc đơn giản: không có gì để mất thì sẽ không sợ hãi. Điều này ai cũng thấy hợp lý nhưng cũng đều... khó chấp nhận. Có tiền thì phải mua xe Lexus chạy cho đã đời chứ, “sống là không chờ đợi” mà! Mua xe rồi, cái “tôi” mở rộng ra... bằng cái xe. Nhưng đường phố đông đúc ở Việt Nam có đủ loại xe từ xích lô, ba gác, đến honda, xe đạp..., xe nào cũng có khả năng... quẹt vào cái “tôi” mở rộng ấy (nghĩa là quẹt vào cái Lexus). Chẳng những người ngồi trên xe Lexus lúc nào cũng nơm nớp lo sợ xe mình bị va quẹt, mà nếu bạn lỡ va chạm vào cái “tôi”... mở rộng ấy, người ngồi trong xe sẽ phóng ra nhanh như chớp và bạn sẽ rắc rối to. ■



Chùa Bà Tuấn Phạm và tôi

Bài và ảnh: CHÂN AN HOA - NGUYỄN PHƯỚC THỊ LIÊN

Gia đình ông bà cha mẹ tôi sống ở xóm Chợ Gò, phường Phú Trinh - Phan Thiết cũng khá lâu. Khi tôi vừa chớm lớn đã thấy nơi đây có ngôi chùa. Ai cũng gọi một cách thân thương triu mến là chùa Bà Tuấn Phạm. Bà Tuấn mặc nhiên thừa nhận tên gọi đó, không nghĩ tới việc cần đặt tên khác cho chùa mình. Chùa không lớn không nhỏ, nằm trên nền gạch cao, có nhiều bậc cấp bước lên. Sân chùa rộng, không rào chắn, không chăm sóc trang điểm, được các đoàn bán thuốc Sơn Đông mại vô tận dụng tối đa.

Ban sáng, ngồi dọc lối đi trước sân chùa là những gánh bún, chè, xôi, bánh ú, đậu hủ, bông cò hột lựu... Đi mãi vô trong, chợ bán đủ thịt, cá, tôm.v.v. Gần Tết tăng cường các món xóc đĩa, nhút lục, bầu cua, ngói lán cả

vào sân chùa. Vì nhà gần chợ, tôi hay ra mua quà vật mà hấp dẫn nhất vẫn là món bún mắm nêm... lạnh tanh đầy mùi vị! Bọn con gái chúng tôi thời đó, không đứa nào dám ngồi ăn hàng giữa chợ vì cái tấm chắn "đức hạnh" hay "gia giáo". Tuy nhiên phá rào vẫn thích hơn!

Chơi bầu cua. Tôi không thể tả hết cái cảm giác cực kỳ vui sướng khi tiến vừa đặt xong, mắt dính sát vào cái tô nằm úp sấp. Đang lúc nín thở chờ thì cái tô được giở ra... Chu cha ơi... Mình trúng liền một hơi ba "con nai vàng ngơ ngác", lần sau lại trúng thêm hai trái bầu đỏ chót hay lai rai cua, cá, tôm... Chừng túi tiền có mùi rùng rình, tôi lén vù về nhà để khoe, nào ngờ ăn phải một trận "cháo lươn" roi tre mềm dẻo mà no nê do mẹ tôi "khoán đãi" sau khi bà tra hỏi: "Đi đâu... không xin phép?" (Chả nhẽ tôi xin, cho con đi... cờ bạc). Lúc

này tốt nhất là phải thành thật khai báo với “chính quyền”... mẹ. Mẹ tôi như thấy hết mọi hậu quả khó lường của đứa con gái mới nết, đã ham đen đỏ. Biết đâu nó còn ham những thứ kinh khủng khác. Nghĩ thế, mẹ bèn dốc hết tiền cở bạc của tôi ra, không cần đếm, mẹ bảo phải mua nhang cho hết tiền này, đem về ngay. Tôi sợ quá không hiểu gì. Sợ ra chợ gặp chủ sòng. Tôi không dám đi ngang đó, mà đánh vòng ngoài để qua sân chùa. Rồi mẹ bảo: “Cầm nhang theo tôi”. Trời! Thì ra mẹ đưa tôi vô chùa Bà Tuấn Phạm. Lần đầu tiên trong đời, tôi hiểu thế nào là quỳ hương sám hối và lời nguyện trước Phật Tổ. Sau đó mỗi rằm và mồng một, mẹ đều dắt tôi đi chùa này.

Bà Tuấn Phạm hiền từ, trắng trẻo, nhỏ người nhưng nhanh nhẹn. Bà cất chùa, bên cạnh là nhà, nền thấp sát đất. Tôi thường thấy bà trong bộ đồ đen qua lại hai nơi này, ngay chỗ bậc cấp bên hông nhà bước lên để vào hậu tổ. Khi đã quen chùa, bọn con nít chúng tôi (do tôi rủ) cứ chạy qua chạy lại nơi đây tìm chỗ núp khi chơi *năm mười*, có đứa chun dưới bệ thờ, bị ông từ đuổi chạy té khói. Nghiêm chỉnh hơn, những lúc chùa vắng, tôi tha thần trên chánh điện, ngắm nghía thật lâu từng tượng Phật bằng gỗ ngồi trên bệ cao mà vẫn thấy những đường nét chạm khắc tinh xảo. Lúc đó tôi không hiểu sao chùa lại có đến ba Ông Phật. Ông nào nét mặt cũng hiền từ dễ thương, khiến tôi cứ phải nhìn hoài. Đôi khi tôi tìm đồ chơi là mấy bao nhang có dán hình Phật màu đỏ rất thơm để hít thở rồi sưu tập. Lại có hôm mai chơi quên về ăn cơm, người láng giềng thấy mẹ tôi cầm cây roi kêu tôi hồi hời, anh ta vội vàng đi cứu tôi. Khi vô chùa, anh thấy tôi nằm chèo queo ngủ dưới bệ thờ tự lúc nào. Thương quá, anh vỗ về ấm tôi ra. Sau đó chúng tôi cùng vô *Gia đình Phật tử* Tỉnh hội Phan Thiết. Buồn thay, anh vẫn số, không kịp thấy tôi trưởng thành. Năm 1968, bom na-pan giặc Mỹ đã biến khu Chợ Gò thành bình địa! Tất nhiên có chùa Bà Tuấn Phạm và nhà của tôi. Gia đình tôi lúc đó vô cùng lộn độn, phải đi nơi khác ở. Tôi nghĩ chùa Bà Tuấn Phạm cháy rụi và bà cũng đã qua đời sau đó, thế là hết, coi như có một ngôi chùa bị xóa sổ.

Sau ngày thống nhất đất nước, mỗi năm vào dịp thanh minh, tôi thường về Phan Thiết chạp mộ, nhân đó tôi biết chùa Bà Tuấn Phạm được các con của bà – trong đó có một người là cố bác sĩ Anh hùng Lao động Phạm Ngọc Thạch – cùng lo khôi phục nhưng được xây dựng lại ở chỗ khác, gần xóm Chợ Gò. Chùa mang tên Phổ Minh (Phổ Minh Ni tự). Điều bất ngờ, Ni sư trụ trì chùa này trước đây là bạn, ở sát nhà tôi. Người hộ tự cũng là bạn tôi, hồi đó cùng sinh hoạt trong *Gia đình Phật tử*. Tôi đầy đủ phước duyên, gặp lại chùa Bà Tuấn Phạm có Ni sư trụ trì và người hộ tự thân quen. Với tôi, Phổ Minh Ni tự luôn luôn là chùa Bà Tuấn Phạm ở xóm Chợ Gò có tôi hồi đó ham chơi, ngủ quên dưới bệ thờ, nay đã là cụ bà bảy mươi hai



tuổi. Thương chùa. Thương xóm chợ. Thương Ni sư trụ trì là bạn thời niên thiếu và qua anh bạn thời Oanh Vũ, hàng năm vào ngày lễ Phật, lễ Tết, tôi thường gọi điện về chùa hỏi thăm và phụng cúng. Năm ấy cháu tôi mất bên Mỹ, tôi đưa vong linh cháu về thờ ở chùa này, được Ni sư cầu siêu tịnh độ cả bảy tuần. Lễ cúng bốn mươi chín ngày có tôi về dự. Hôm tai nạn sập nhịp cầu dẫn ở Cần Thơ, tôi cũng đã nhanh chóng gửi về chùa danh sách đầu tiên bốn mươi chín vị tử nạn để kịp cúng tuần thứ nhất, sau lên năm mươi bốn vị, cũng được bổ sung, xin Ni sư cầu siêu. Đến ngày 13-11-2007 là tuần thứ bảy tức bốn mươi chín ngày hệ trọng, từ Hà Tiên xa xôi, tôi hẹn thấy về cúng. Nhưng đến phút chót ông nhà tôi bị bệnh. Tôi không đi được, đã có anh bạn, người hộ tự của chùa, sốt sắng giúp tôi lo việc tổ chức cúng kiến. Và còn hơn thế nữa, mỗi lần về thăm quê đầu nơi đây nhà cửa, người thân ruột thịt của tôi không còn nữa, tôi vẫn thấy thật vô cùng ấm áp được “dung thân” ở chùa Bà Tuấn dăm ba bữa, được độ trai, quỳ lạy, nghe lại tiếng kinh mỗ điệu dặt của thời tuổi thơ.

Và toại nguyện biết bao, một mai tôi qua đời, được Ni sư Thích nữ Như Nhơn, trụ trì chùa Phổ Minh, cùng các bạn hữu quê nhà cầu siêu tịnh độ cho tôi. ■



Làm sao cho *cái ác không nảy mầm* trong tâm hồn trẻ?

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Tâm hồn trẻ thơ thường được ví như tờ giấy trắng; và tờ giấy trắng ấy trắng tinh hay vấy bẩn phụ thuộc rất nhiều vào người lớn chúng ta. Gần đây, nhiều người đã tỏ thái độ từ hoảng hốt, bất bình, đến giận dữ, phẫn nộ... khi được xem một chương trình truyền hình có cảnh bốn đứa trẻ xúm nhau cột một con mèo con dễ thương vào vỏ hai chiếc chai nhựa rồi thả xuống hồ bơi để xem mèo phản ứng như thế nào, có nổi trên mặt nước hay không. Người xem đã hoảng hốt, bất bình, giận dữ, phẫn nộ... như thế bởi cảnh con mèo con tội nghiệp vẫy vùng tuyệt vọng kêu la thảm thiết kia là cảnh thật chứ không phải được tạo ra bởi thủ thuật "dựng phim"; và mấy đứa bé ra tay hành hạ, ngược đãi con vật nuôi khốn khổ chỉ để làm thí nghiệm lại hoàn toàn vô tư, xem như chẳng có việc gì gọi là "bất thường" xảy ra. Bên cạnh những người xem thuộc loại "mẫn cảm", không chịu được cảnh cái ác hoặc biểu hiện của cái ác lộ liễu tung hoành, vẫn có người đứng vững khi chứng kiến những cảnh tượng thể hiện sự hung bạo và ác độc như thế. Tôi đã hỏi một người quen về cảnh quay mấy chú mèo làm thí nghiệm bằng cách hành hạ vật nuôi như thế để xem thái độ của ông ta như thế nào. Người đó đã cười nói với tôi: "Có gì mà ầm ĩ, kết cục thì con mèo đó đã chết đâu. À, mà này, mình đã ăn thịt "tiểu hổ" nhiều lần rồi, ngon hơn thịt thỏ rất nhiều đấy nhé!". Rõ ràng, đối với người xem mèo là món ăn khoái khẩu, người ấy trông thấy cảnh một con mèo không vì lí do gì đột nhiên bị người ta đá cho một cái nền thân thì thật chẳng có gì để phải động lòng. Đối với những người có trách

nhệm quay cảnh con mèo con khốn khổ bị ngược đãi kia, thiết nghĩ, chỉ khi được báo chí phát hiện, bấy giờ mới có người mới giật mình nhận thức rằng những cảnh quay như thế chính là hạt giống xấu có thể nảy mầm trong tâm hồn con trẻ mà mình đã góp phần gieo vào.

Phim ảnh của Mỹ thường bị phê phán là bạo lực. Tuy nhiên, nếu theo dõi các phim của Mỹ được chiếu trên truyền hình, sẽ thấy những nhà làm phim Mỹ rất tôn trọng sự sống của thú vật. Nếu phim có sự tham gia của thú vật như ngựa, chó, mèo... kết thúc bộ phim đều có lời cam đoan của các nhà làm phim là đã không giết hại hoặc ngược đãi bất cứ loài vật nào. Đây có thể là luật và luật này đã được soạn thảo bởi những người có tâm huyết với công cuộc bảo vệ động vật. Ở nơi có những người tâm huyết như thế, chắc chắn tâm hồn trẻ thơ nơi đó đã không nảy mầm các hạt giống ác là ngược đãi, hành hạ thú vật.

Ở đây, người viết bày tỏ ước mong sao cho cái ác không nảy mầm trong tâm hồn con trẻ. Để làm được điều đó, có nhiều phương cách thực hiện bởi đồng đảo mọi người, nhưng có lẽ, có phương cách hết sức quan trọng là làm sao giáo dục giới trẻ thấu hiểu để tôn trọng sự sống nói chung, trong đó có sự sống con người và sự sống loài vật chung quanh mình. Có những cách cư xử hay những bài học rất hay xuất phát từ truyền thống của dân tộc ta về tôn trọng sự sống của loài vật có thể dùng giáo dục trẻ.

Cách đây nhiều năm, tôi có hướng dẫn một sinh viên được khoa làm đề tài nghiên cứu tốt nghiệp đại học. Khó nỗi đề tài này liên quan đến súc vật là chuột lang (cobaye).



Nhằm khảo sát sự biến đổi ở niêm mạc dạ dày của chuột dưới tác động của một loài thuốc, con chuột dùng làm thí nghiệm phải bị giết bằng cách bẻ cổ đúng phương cách khiến nó chết tức khắc; sau đó, người làm thí nghiệm mổ bụng con vật lấy dạ dày quan sát. Em sinh viên đã chuẩn bị phần thực nghiệm rất chu đáo, nhưng khi đứng trước chuồng nuôi chuột, em lại khóc nức nở: “Thưa thầy, em không thể giết những con chuột này được đâu! Bởi em theo đạo ông bà cha mẹ, ăn chay mừng một và rằm. Đặc biệt em phải theo ngũ giới cấm túc năm giới của đạo Phật không được sát sanh”. Sau đó em nói với tôi những điều đã thuộc lâu lâu trong tâm khảm: “Năm giới gồm có: *giới thứ nhất* là bảo vệ sự sống tức không sát sanh, *giới thứ hai* bảo vệ sự liêm khiết của bản thân tức không trộm cắp, *giới thứ ba* là bảo vệ hạnh phúc cá nhân và gia đình tức không tà dâm, *giới thứ tư* là nói nghe trong chánh niệm tức không nói dối, *giới thứ năm* là tiêu thụ trong chánh niệm tức là không uống rượu và dùng chất gây nghiện”.

Tôi nói với em: “Em nên biết, không chỉ thử nghiệm lâm sàng, tức thử thuốc trên người, là phải tuyệt đối theo đúng các tiêu chuẩn y đức; mà ngay cả thử nghiệm trên súc vật, chúng ta cũng phải tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức đối với súc vật mà thế giới đề ra. Nếu em làm đúng theo quy trình thử nghiệm đã thiết kế, đặc biệt không làm điều gì gọi là ngược đãi hành hạ thú vật trước khi giết chúng là được rồi. Hơn nữa chúng bị hy sinh là vì khoa học; và việc ta làm là cần thiết và bất đắc dĩ”.

Chính mấy chữ “hy sinh vì khoa học” làm em nguôi ngoai, vững tinh thần, tiến hành làm đề tài nghiên cứu

rất tốt. Sau đó em có nói với tôi: “Dạ, đêm nào em cũng cầu nguyện cho mấy con chuột kia được siêu thoát đó, thưa thầy!”.

Có người lại kể, nhiều gia đình thấy con cái lỡ tay giết chết con mèo con vì chơi đùa, theo truyền thống, lập hẳn một bàn thờ để mấy đứa bé cúng lay chú mèo con xấu số và hứa không làm điều ác như thế nữa.

Truyền thống của ông bà chúng ta đã có những cách dạy dỗ con em tôn trọng sự sống của loài vật như thế đó.

Cách đây đã lâu, ba má tôi hay những người thuộc trang lúa hai ông bà đã được dạy những bài học nhẹ nhàng nhưng rất sâu sắc trong quyển sách xưa là *Quốc văn giáo khoa thư*. Mới đây tôi có dịp đọc và thẩm thía với bài *Đứa bé và con mèo* đăng trong quyển sách đó như sau:

“Cô Mảo thơ thẩn ngồi chơi một mình trong vườn, cô thấy con mèo lượn qua, cô gọi, cô vẫy lại. Mèo đến gần quẩn ở bên cạnh, cái đuôi ve vẩy như vui mừng, cái đầu ngẩng lên như chào hỏi, miệng thì kêu “meo meo” ra đáng bằng lòng lắm.

Cô Mảo chơi với con mèo cũng lấy làm vui thích. Cô lấy tay vuốt ve nó, ôm nó vào trong lòng. Nhưng được một chốc, cô nắm lấy đuôi con mèo, kéo một cái thật mạnh. Mèo bị đau, giận quá, gờ ngay chân ra quào cô một cái, xước cả tay, rồi bỏ mà đi mất.

Cô Mảo xuyết xoa, lại thơ thẩn ngồi một mình trong vườn. Thế mới biết người ác chẳng ai chơi với”.

Rất mong thay, giáo dục trẻ con ta hiện nay nên có những bài viết nhẹ nhàng, sâu sắc, chẳng có gì gọi là “lên gân” như vậy. ■

Phút lâm chung của mẹ

HẢI TRINH

Năm ngoái vợ chồng tôi có dịp cùng về thăm quê. Hôm đến già biệt, mẹ đã tần mẩn dặn dò: “Hôm nay hai con cùng ra thăm mạ như rứa là mạ mừng lắm. Vào trong đó khi nghe mạ có chuyện chi thì cả hai con cùng ra với mạ nghe”. Tôi hỏi đùa: “Có chuyện chi là chuyện chi?”. Mẹ đưa tay lên che miệng mà nói nhỏ: “Là chết đó”. Tôi cười và đùa tiếp: “Gần trăm tuổi rồi, chết thì nói chết chớ sợ gì mà nói nhỏ”. Mẹ vừa cười, vừa đưa tay đánh nhẹ vào đầu tôi: “Cha cái thằng ngang đầu cứng cổ, đi mô rồi cũng còn cái tật đó”. Thế rồi cái ngày ấy đã đến...

Hay tin mẹ yếu, vợ chồng tôi thu xếp hành trang lên đường với hy vọng mong manh sẽ gặp được mẹ trước lúc người vĩnh viễn ra đi. Đến nhà, tôi chạy ngay đến bên giường mẹ - Mẹ chỉ còn một nắm xương bọc da. Xót xa thấy người nằm bất động, tôi cúi sát xuống nhìn vào đôi mắt mẹ nhắm nghiền, khe lay người mẹ và nói trong nỗi nghẹn ngào: “Mẹ ơi mẹ! Con về đây, mẹ nè”. Tuyệt nhiên không có dấu hiệu phản hồi. Nhìn những giọt nước chậm chạp rơi trong ống dịch truyền như một cố gắng muộn màng, vô vọng, tôi thở dài, lặng lẽ nắm lấy bàn tay khô héo của mẹ...

“Đã năm ngày rồi, mẹ vẫn như vậy đó chú ạ. Mẹ liệt nửa thân người. Còn nước còn tát, anh chị em đã cố gắng đưa mẹ đi nhiều nơi chạy chữa. Bác sĩ bảo mẹ đã đến tuần thời, gần trăm tuổi rồi còn gì nữa chú”, anh cả nói trong nước mắt. Ba ngày đêm liền vợ chồng tôi thay nhau hầu bên mẹ. Đến ngày thứ tư, tình hình sức khỏe mẹ dần xấu đi; bón từng muỗng nước cho mẹ thấm giọng mà mẹ cũng không nuốt được nữa; dịch

truyền lúc chảy, lúc tắt. Chúng tôi quyết định rút kim truyền dịch. Mạng sống của mẹ chỉ còn đếm được từng giờ. Bỗng vợ tôi kiểm đầu ra cái máy tụng kinh điện tử đặt vào tai mẹ. Những âm thanh ‘Nam-mô A Di Đà Phật’ phát ra từ chiếc máy niệm Phật nghe sao mà sâu lắng, thanh thoát lạ thường. Chị Ba tôi hớn hờ: “Mợ hay quá, vậy mà mấy ngày nay không ai để ý đến; để mẹ nghe kinh, Phật sẽ độ cho mẹ ra đi thanh thản”. Kì diệu thay, chỉ nửa giờ sau, nước da mẹ trở nên sáng lại, đôi mắt đã có dấu hiệu hồi sinh. Bỗng nhiên mẹ nhấc nhẹ bàn tay phải đẩy cái máy sát vào tai, cùng lúc ấy, mấy ngón tay mẹ dường như cũng đánh nhịp theo tiếng mõ. Tôi mừng quá, vội la lên: ‘Mẹ tỉnh rồi’. Cả nhà xúm lại, tôi cúi sát xuống mặt mẹ mà gọi: “Mẹ ơi, vợ chồng con ra thăm mẹ đây nè”. Mẹ vẫn nằm bất động, hơi thở đều đều như đang ngủ. Bỗng nhiên tay mẹ buông thõng xuống chiếu. Anh em chúng tôi đã đông đủ bên mẹ. Người cố giường đôi mắt đã cạn mòn sinh lực nhìn chúng tôi lần cuối, buông tiếng thở dài rồi lặng lẽ ra đi. Có những đôi mắt ráo hoảnh, có những cặp mắt đỏ hoe, và cũng có những giọng lệ tuôn trào xuống má; nhưng tuyệt đối không có tiếng khóc tiếng kể. Chúng tôi đã làm theo lời mẹ dặn lúc sinh tiền. Tất cả chúng tôi đều chấp tay kính cẩn niệm “Nam-mô Tiếp dẫn Đạo sư A Di Đà Phật”.

Kinh Báo Ân có một câu khiến tôi vô cùng xúc động: “Mẹ già trăm tuổi khóc con tám mươi”. Anh em chúng tôi lại được điểm phúc - Con sắp tám mươi lại còn được khóc mẹ già trăm tuổi. Điều khiến tâm hồn chúng tôi an ổn nhất là mẹ đã thanh thản ra đi trong lời kinh cầu nguyện sự tiếp độ của Đức Phật A Di Đà. ■



Tôi làm “thầy cò”

TUÔNG LINH

Sau ngày Hiệp định Genève được ký kết (20-7-1954), thấy ở lại quê nhà không yên, tôi ra Đà Nẵng rồi ra Huế. Tại Huế lại càng không yên, tôi ra luôn Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. Tháng 3 năm 1956, tôi vào Sài Gòn rồi lang thang khắp các tỉnh miền Tây Nam Bộ...

Mấy tháng sau, tôi trở lên Sài Gòn để tìm cách học tiếp. Thời ấy không ít người vừa đi làm, vừa đi học; tới kỳ thi thì xin thi ở diện thí sinh tự do; chương trình thi giữa thí sinh tự do và thí sinh các trường trung học, đại học chỉ là một, giá trị bằng cấp như nhau. Nói chung, sự học và sự thi không khó lắm, duy cái chuyện kiếm được việc làm để vừa làm vừa học mới khó. Đất Sài Gòn luôn mở rộng vòng tay với bất cứ ai nhưng riêng với một gã con trai nhà quê tứ cố vô thân như tôi, túi rỗng

không, nghề chưa có, thì biết làm gì đây, sống và học tiếp sao đây?

Tôi tìm thuê được căn nhà tại xóm chợ Cây Thị, tỉnh Gia Định (nay là phường 11, quận Bình Thạnh, TP.HCM). Vừa trả trước 3 tháng tiền nhà thì số tiền dành dụm cũng vừa hết. Nguy quá! Tôi vội tìm việc làm. Thấy mục rao vặt trên báo X đăng nhà in nọ ở đường L.T.T. cần một “thầy cò”. Tôi hỏi chủ chủ căn nhà tôi trọ, được chủ giảng “thầy cò” là correcteur, người sửa bản in thử cho nhà in.

Vì cuộc sống thúc bách, tôi đánh bạo cầm theo tờ báo đến nhà in ấy xin làm việc. Tôi tự nhủ: cứ làm sẽ biết, nghề dạy nghề mà! Tôi đã có nghề gì đâu mà đợi tay nghề giỏi mới tìm việc làm?

Khi đến nơi, tôi gặp ngay ông chủ nhà in. Ông vừa tiếp ba người xin việc nhưng họ đều không may mắn.

Ông bằng lòng tôi về “ngoại hình”, về tình trạng độc thân của tôi, rồi hỏi tôi có biết về một số công việc của “thầy cò” không. Tôi mạnh dạn trả lời “dạ biết” tất cả những gì ông chủ nhà in hỏi, mặc dù thật ra tôi còn chưa hình dung được công việc của “thầy cò” là như thế nào, vì quả thật đây là lần đầu tiên trong đời tôi bước chân đến một nhà in, nhưng cũng chỉ mới đứng tại văn phòng mà thôi. Nghe việc gì tôi cũng “dạ biết”, ông chủ gật đầu và bảo tôi hai ngày nữa tới thử tay nghề rồi làm việc luôn nếu được.

Ra về, tôi vừa mừng vừa lo. Không lo sao được vì tôi có biết làm “thầy cò” như thế nào đâu?

Khi đạp xe ngang đường L.L, thấy có nhiều nhà in, tôi vào đại một nhà in, nhờ mấy chị xếp giấy chỉ cho tôi gặp ông “thầy cò”. Ông này đang ngồi làm việc tại chiếc bàn dính đầy mực in cạnh nhà sắp chữ. Tôi thú thật mọi sự với ông và khấn khoản nhờ ông... cứu.

Nghe qua, ông vỗ mạnh vai tôi, vừa lắc đầu vừa cười lớn rồi hỏi:

- Hai ngày nữa là thử và nhận việc, như vậy là quá cấp bách. Anh hỏi thiệt, đừng giận: chú em thuộc loại thông minh hay... ngu?

- Dạ, cũng... không ngu lắm.

Ông gật đầu:

- Thế thì ngay từ bây giờ, anh “dạy tắt” những cách làm “thầy cò” cho chú em, cả đêm nay và ngày mai, ngày kia nữa. Rồi sẽ ổn cả miễn là em chú tâm và... không ngu lắm. Em làm việc tại nhà in đó một thời gian, nghề dạy nghề, sẽ giỏi thôi.

Tôi nói lời cảm ơn. Ông lại lắc đầu và nói:

- Tưởng trên đời này không có người nào liều như anh hồi còn trẻ. Anh nhận dạy em vì lẽ đó.

Tôi dạ. Tiếng dạ thật vô nghĩa và ông với tôi cùng cười.

Ông bảo tôi ngồi trên chiếc ghế đầu cạnh ông để bắt đầu thợ giáo. Phụ nhân ông chủ nhà in thấy người lạ bèn hỏi. Rõ chuyện, bà cũng cười và còn dẫn người làm mua cơm trưa cho tôi ăn. Bà con Sài Gòn – Gia Định hồi ấy tốt bụng thế! Tôi gặp toàn những người tốt, nhờ vậy mới sống nổi.

Đúng hẹn, tôi mặc bộ y phục “kềng” nhất đến trình diện ông chủ nhà in nơi tôi xin việc. Ông đặt lên bàn một xấp giấy bản vở vừa sắp chữ, giấy còn ướt (thời ấy còn in typo) để sát hạch tôi. May quá, tôi thao tác đúng tất cả những gì về chữa mo-rát (morasse) tôi vừa được học hai ngày qua.

Tôi được ông chủ chính thức thu nhận.

Lương sơ khởi 1.500 đồng/tháng đối với tôi lúc ấy là vượt mức yêu cầu, đủ điều kiện thực hiện mong ước vừa làm vừa học.

Công việc “thầy cò” của tôi tại nhà in được trôi chảy tốt đẹp, chỉ cần chịu khó và cẩn thận chứ chẳng thấy gì khó cả. Tôi chỉ ớn nhất là công việc của nhà xuất bản T.Đ. hợp đồng in sách giáo khoa tại đây. Ông T.Th. chủ nhà xuất bản cẩn thận đến mức khó tính. Chữ trong

các loại sách của ông bắt buộc phải tuyệt đối đúng, cái dấu chấm phẩy (;) mà thành dấu phẩy (,) cũng khó yên với ông. Ông chủ nhà in đưa tôi xem bản hợp đồng giữa nhà xuất bản của ông Th. và nhà in. Tôi đọc thấy có điểm: “nếu cuốn sách nào in sai, dù chỉ 01 (Một) chữ mà lỗi do phía nhà in thì nhà in phải in lại toàn bộ số lượng của cuốn sách ấy”. Ông chủ nhà in hỏi tôi:

- Cậu có sợ không?

- Thưa không. Tôi chỉ cẩn thận chứ không sợ.

- Nhưng với sách giáo khoa của ông ấy, cậu phải xem và chữa morasse hết sức kỹ mới được.

- Thưa ông, sách giáo khoa các loại của ông ấy hay một tờ chỉ dẫn kèm theo chai dầu, hộp thuốc viên Đông dược hoặc nhãn của hộp bánh... tôi đều xem và chữa thật kỹ như nhau, xin ông yên tâm.

- Vậy là tốt, rất tốt.

Một hôm tôi chữa bản vẽ cuốn sách giảng văn trong đó có bài thơ *Thuật hoài* của Đặng Dung gồm phần Hán tự, phiên âm và bài dịch Việt ngữ. Thấy phần Hán tự có một chữ sai, đó là chữ *hàm* trong câu “Vô cùng thiên địa nhập *hàm* ca”, tôi kéo một nét bút đỏ ra sửa lại. Đây là chuyện bình thường. Nhưng sau khi đưa xấp mo-rát đã chữa xuống nhà sắp chữ, anh tổ trưởng sắp chữ cầm trang ấy lên vừa cười lớn vừa cự nự tôi:

- Phần Hán tự này người ta đã làm bản kèm (cliché) rồi, còn sửa chi nữa cha nội?

Tôi giữ vững lập trường:

- Phải sửa, làm bản kèm rồi cũng phải thay bản khác cho đúng.

Vụ việc phải được sự quyết định của ông chủ nhà in. Ông hỏi tôi có bảo đảm chữ nơi bản kèm là sai và việc tôi đòi sửa là đúng không? Tôi quả quyết đúng như vậy. Để ông tin chắc, tôi xuống nhà chữ mượn bản kèm Hán tự của bài thơ ấy. Ông chủ nhà in xem rồi nói:

- Bản này do một người viết ra để làm bản kèm, có thể họ đã sợ ý. Nhưng biết chữ *hàm* nào đúng, chữ nào sai?

Lúc ấy có mặt Thủy Tiên, em gái của ông chủ. Cô bỏ ra ngoài một lúc rồi trở lại với cuốn từ điển Hán-Việt trên tay. Chúng tôi lật tìm chữ ấy. Thủy Tiên reo lên:

- Anh... “thầy cò” của ta đúng!

Ông chủ nhà in lấy bút viết ra giấy cả hai chữ đúng và sai rồi ông cứ nhìn vào đó mà gật đầu, cười.

Ông gọi điện thoại thông báo với ông chủ nhà xuất bản, vì “thầy cò” của nhà in chỉ sửa những gì sai với bản thảo chứ không được thêm, bớt hay sửa bản thảo của khách hàng.

Ông chủ nhà xuất bản vội đi bằng taxi tới. Ông rất giỏi Hán văn. Sau khi xem xét không cần tra từ điển, ông nói:

- Đúng là người viết để làm bản kèm đã viết sai chữ ấy. Tôi đã đọc duyệt nhưng không nhận ra. May quá!

Ông cảm ơn tôi và thưởng ngay cho tôi ba trăm đồng. Tôi không nhận. Nhưng từ cuốn sách ấy về sau, mỗi khi in xong một cuốn, ông đều “bồi dưỡng” cho tôi hai trăm đồng. Phần “ngoại bổng” chính đảng này thì

tôi không từ chối.

Từ chuyện trên, qua sự loan truyền của ông chủ nhà xuất bản, nhà in nơi tôi làm việc được thêm nhiều khách hàng tin cậy đến hợp đồng in. Các vị khách hàng, nhất là các nhà văn, nhà thơ cổ sách in tại đây đều khen tôi chữa mo-rát “không hề sai sót” (đúng ra là tôi không dám sai sót). Có người còn khen nghề ấn loát của tôi thuộc đẳng cấp “nhất nghệ tinh”. Thật ra, cho đến lúc ấy, tôi chưa biết thêm một công việc nào khác của nghề in ngoài nhiệm vụ “thầy cò”.

Một hôm ông chủ nhà in hỏi tôi:

- Cậu có biết làm “mise en page” (dàn trang) cho sách và tuần san, tạp chí nhiều trang không?

- Dạ biết.

- Tốt lắm. Cậu sắp làm thêm công việc này thay cho anh T. xin nghỉ việc để xuất ngoại. Cậu sẽ được tăng lương.

Lúc ấy cô Thủy Tiên cũng có mặt. Cô cứ nhìn tôi, vẻ lo lắng. Chờ ông chủ đi khỏi, cô nói với tôi, giọng như trách móc:

- Sao anh gan thế? Anh có biết công việc ấy khó thế nào không mà anh Hai (tức ông chủ) hỏi cái gì anh cũng “dạ biết”? Anh hãy nói cho Tiên nghe việc làm “mise en page” là thế nào coi?

- Tôi... tôi đâu có biết?

- Không biết mà dám nhận! Lại đi cầu cứu “sư phụ” lần nữa phải không?

- Sao cô biết chuyện ấy?

- Sao lại không biết? Chỉ có anh đến nay vẫn không biết cái ông ở nhà in đường L.L. dạy anh làm “thầy cò”

lúc trước là cậu của Tiên, ông bảo Tiên cùng giấu kín chuyện này với anh Hai để giúp anh.

Vậy thì còn giấu sao được nữa, tôi... cười.

Thủy Tiên lườm tôi:

- Giả như ai đó hỏi anh có biết lái phi cơ phản lực với tàu ngầm chắc anh cũng trả lời “dạ biết”. Sợ anh luôn!

Tôi cứ ngồi vắn về cây bút đỏ nghề nghiệp mà chịu trận và bắt đầu lo. Mấy hôm nữa ông chủ sẽ giao công việc tôi chưa biết gì cả thì ứng phó sao đây?

Thủy Tiên nhìn quanh rồi bảo tôi:

- Bây giờ Tiên là “đệ nhị sư phụ” của anh. Trưa, anh không được nghỉ, Tiên sẽ “dạy” anh cách làm công việc mà anh Hai sắp giao.

Tôi chấp hai tay xá Thủy Tiên:

- Đệ tử xin đa tạ... sư phụ.

- Chưa cho... hạ sơn mà đa tạ gì?

Thế là ngay từ hôm ấy, liền cả tuần lễ, trưa nào Thủy Tiên cũng dạy tôi cách xếp một tờ giấy in cho từng cahier thế nào để thành 4 trang, 8 trang, 16 trang, 32 trang cho sách hoặc báo đóng tập; cách định số trang tùy theo cỡ chữ (corps); cách tính giá thành in cho từng loại ấn phẩm với khách hàng v.v.

Khi thấy tôi đã thành thạo mọi việc, Thủy Tiên tuyên bố kết thúc khóa huấn luyện cấp tốc chỉ có một thầy một trò. Tôi được “đệ nhị sư phụ” khen đúng câu của tôi đã trả lời với “đệ nhất sư phụ” lúc trước:

- Cũng... không ngu lắm!

Một câu “khen” nhớ đời. Thì ra hai cậu cháu Thủy Tiên đã nói với nhau về tôi, đã ngầm giúp tôi từ lâu mà tôi đâu có biết? ■

CÁC ĐƠN VỊ, CÁ NHÂN TẶNG BÁO VHPG NĂM 2011

Ban Biên tập *Văn Hóa Phật Giáo* đã nhận được một số thư đề nghị tặng báo, Tòa soạn đã chuyển đề nghị trên đến các đơn vị, các doanh nhân Phật tử và thân hữu; năm mới 2011, các cá nhân, đơn vị hưởng ứng tặng báo *Văn Hóa Phật Giáo* đến các chùa, trường Phật học, trung tâm xã hội trọn năm với danh sách như sau:

PT. Quỳnh Đình Nam	: 100 cuốn/kỳ
Một độc giả	: 81 cuốn/kỳ
Ô. Lâm Hoàng Lộc,	
NS. Tri Tuệ	: 50 cuốn/kỳ
Ô. Vũ Châm, Vina Giấy	: 38 cuốn/kỳ
Ô. Phạm Văn Nga	: 32 cuốn/kỳ
Bà Huỳnh Kim Lưu	: 30 cuốn/kỳ
Nhà hàng Tib, Hai Bà Trưng	: 25 cuốn/kỳ
ĐD. Thích Thiện Minh	: 20 cuốn/kỳ
PT. Chánh An & Chơn Hòa	: 12 cuốn/kỳ
Bà Phùng Kim Vy	: 11 cuốn/kỳ
Cô Nga	: 10 cuốn/kỳ
Cô Cẩm Hà (USA)	: 10 cuốn/kỳ
PT. Tám Hiền, Tám Hoa (USA)	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Văn Cát Tiên	: 10 cuốn/kỳ
Ô. Huỳnh Văn Lộc, Q. BT	: 10 cuốn/kỳ
Tác giả Miên Ngọc	: 10 cuốn/kỳ
Cư sĩ Lương Trung Hiếu	: 10 cuốn/kỳ
Nhà sách Thái Hà	: 10 cuốn/kỳ
Bà Lý Thu Linh	: 9 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Định	: 8 cuốn/kỳ
Hồng Phúc & Xuân An	: 6 cuốn/kỳ

Bà Tôn Nữ Thị Mai, Q. BT	: 5 cuốn/kỳ
Phật tử Phạm Thị Mỹ Loan	: 5 cuốn/kỳ
Ô. Nguyễn Mạnh Hùng,	
CTCP. Thái Hà Books	: 5 cuốn/kỳ
Cửa hàng Tâm Thuận	: 5 cuốn/kỳ
Cô Tú Oanh, Hà Nội	: 5 cuốn/kỳ
Thái Quang Hy	: 5 cuốn/kỳ
Anh Dũng	: 5 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Hòa	: 4 cuốn/kỳ
Chú Tiến, TP. HCM	: 4 cuốn/kỳ
Bà Trần Thị Bích Trâm	: 3 cuốn/kỳ
Bà Trương Thị Mai Anh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Tự Phương Thúy	: 3 cuốn/kỳ
Bà Lê Thị Thu Thanh	: 3 cuốn/kỳ
Bà Phạm Thị Kim Anh	: 3 cuốn/kỳ
Phật tử Nguyễn Vị	: 3 cuốn/kỳ
Phật tử Diệu Ân	: 2 cuốn/kỳ
Bà Kim Anh, Q. 2	: 2 cuốn/kỳ
BBT www.thuongchieu.net	: 2 cuốn/kỳ
Phật tử Từ Minh	: 2 cuốn/kỳ
Chị Tuyền,	
CT TNHH Cơ khí Mè Linh	: 2 cuốn/kỳ

Phật tử Quảng Mỹ	: 1 cuốn/kỳ
Cô Diệp Anh và Chị Ngân	: 1 cuốn/kỳ
Cô Kim	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Chánh Hiếu Trung	: 1 cuốn/kỳ
Bà Đặng Nguyên Phương	: 1 cuốn/kỳ
Cô Nguyễn Cao Nguyệt Ánh	: 1 cuốn/kỳ
Ô. Võ Ngọc Toàn, Q. 7	: 1 cuốn/kỳ
Phật tử Bùi Quang Việt	: 1 cuốn/kỳ
Thầy Hạnh Thông, TCPPH ĐN	: 1 cuốn/kỳ
CTy Dược phẩm Phúc Thiện	: 1 cuốn/kỳ
CTy TNHH Thép Thiên Tâm	: 1 cuốn/kỳ
Chị Kiều Oanh	: 1 cuốn/kỳ
Cô Hồ Thị Phương	: 1 cuốn/kỳ

Tổng số báo tặng kỳ này: **586 cuốn**

Mọi thông tin về chương trình tặng báo đến các chùa, trường, thư viện, trung tâm xã hội..., xin liên lạc: **Tòa soạn, Phòng Phát hành VHPG**: (08) 3 8484 335.

Email: vanhoaphatgiao@vnn.vn

Ban Biên tập

Mơ hoa

HOÀNG XUÂN VINH

Đã sang đầu tháng Ba âm lịch rồi mà những cây mai vàng sân vườn nhà tôi vẫn còn mang nặng trên mình những hoa tàn, hoa nở và cả thật nhiều hoa nụ li ti. Cuối xuân trời cũng thật lạ lùng! Có những ngày vẫn cứ mưa phùn, vẫn cứ gió bắc, vẫn rét tái tê, xen giữa những ngày nồm nam thổi nhẹ, nền nhà ẩm ướt; người đi trong nắng, trán cũng xấp xấp mồ hôi. Một mùa xuân đang qua, một mùa hè chưa tới. Những cây mai vườn nhà vẫn cứ lặng lẽ, điểm nhiên nở những nụ hoa vàng mỏng manh, muộn màng.



Mấy năm gần đây thời tiết thật thất thường, bí ẩn, khó đoán, khó hiểu. Vừa thấy lo lắng, lại có chút vui vui, hồi hộp lạ. Không phải là dân làm vườn chuyên nghiệp, nhà lại ở chốn phố phường, nên tôi cũng chẳng có mấy đất đai để tạo dáng cây cảnh vườn hoa. Nhưng vì trót sinh ra đã là người yêu cỏ cây hoa lá, lại lớn lên trong một ngôi nhà vườn Thành Nội xanh tươi bốn mùa, nên từ bé tôi đã đam mê trồng cây như con nhà thuần nông. Nhà không rộng tôi vẫn cố tạo cho mình một góc nhỏ sau vườn, cũng đầy hoa thơm cỏ lạ mà tôi bỏ công đi mua, đi xin, cả đi... hái trộm bên bờ rào nhà thiên hạ! Mỗi chuyến đi dạy các tỉnh xa, tôi lại khuân về nhiều cây cảnh xứ lạ. Tay xách nách mang thật vất vả mà lòng vẫn hân hoan, miệng cười hớn hở cùng hoa! Chỉ khoảng vài chục mét vuông nhưng tôi cố nhồi nhét trong vườn biết bao nhiêu cây cỏ. Từ cây ăn quả tỏa bóng rợp lá cho tôi quét suốt ngày đến cả những cây me đất, rau thơm, cỏ dại... chen vai thích cánh, cây nọ âu yếm nép vào vai cây kia, cây kia nghịch ngợm như muốn mọc chống lên đầu cây nọ... hơn cả nạn nhân của con người! Đó là chưa kể cơ man nào là chuồn chuồn, bướm bướm, ong vàng, châu chấu, ếch nhái, ốc sên, kiến càn... rất đông vui, nhộn nhịp! Ngày nào tôi cũng ra thăm góc vườn nhỏ vài lần, đến nỗi biết rõ cây nào đang nụ, cây nào đang hoa, lá nào sắp rụng. Ngoài kia cuộc sống ồn ào, dòng đời xuôi ngược, chỉ có khu vườn nhỏ này mới thật sự là góc bình yên. Càng bận rộn với công việc, khoa học lẫn mưu sinh, tôi lại càng hay tìm ra góc vườn nhỏ thân yêu như tìm về miền Tịnh độ có thật trên đời...

Hằng năm, cứ vào độ cuối tháng Mười đầu tháng Mười một âm lịch, tôi lại hồi hộp quan sát kỹ từng giò phong lan xem giò nào sẽ kịp cho hoa ngày Tết. Đặc biệt nhất là mấy gốc mai vàng, phải nghiên cứu để thấy lá già sao cho hoa sẽ nở như ước nguyện đầu xuân. Tôi không phải là dân trồng hoa chuyên nghiệp, nhưng vì yêu hoa, theo hoa mãi rồi cũng phần nào hiểu được hoa. Bằng đọc sách, kinh nghiệm, suy đoán, cảm nhận, lắng nghe... tôi sẽ quyết định thời điểm thấy những lá già cỗi khô vàng đúng vào giữa ngày đông giá. Nhiều khi kết quả cũng mỹ mãn, nụ hoa đầu tiên hé nở đúng sáng ngày đầu năm mới như một lời chúc mừng tốt đẹp nhất! Nhưng có những năm, trời không lạnh, mới đầu tháng Chạp mà hoa nọ tiếp hoa kia, cây này tiếp cây khác đua nhau nở rộ. Ba ngày Tết thì lá nhiều hơn hoa! Lại có mấy năm trời rét căm căm suốt từ tháng Mười một cho đến sau Tết, hết đợt này đến đợt khác kéo về. Ra Giêng, rồi qua luôn cả Tết Nguyên tiêu mà nhiều cây mai vẫn chưa nứt nổi một nụ vàng. Lại phải chạy ra Hội chợ hoa xuân đem về nào cúc, nào đào, nào quất... cho đỡ sốt ruột chờ mai, cho có thêm sắc màu ngày Tết.

Năm nay, mùa hè nắng dữ dội kéo dài, nhiều cây mai thiếu nước, lá cháy khô rụng xuống dù không ai

trấy. Thế rồi mới cuối tháng Chín âm lịch, nhiều cây mai tự nhiên nở sớm cho hoa vàng trái mùa, cũng làm ta bàng khuâng lạ. Nhưng vừa qua lễ Noel, trời bỗng dưng lạnh khủng khiếp kéo dài mãi sang cuối tháng Hai âm lịch, những cây mai chưa kịp nứt nụ gặp rét đậm, rét hại dài ngày cứ se sắt lại không ra nổi một nụ vàng. Để bây giờ đã cuối xuân hoa mới nở vàng đầy vườn xưa lối cũ. Những nhà vườn sống bằng nghề trồng hoa cũng lao đao theo thời tiết, phải canh từng ngày từng giờ, khi tưới mát, che gió, cấm nụ hoa lại kéo nó nở mất, khi giăng hàng trăm bóng đèn điện sưởi ấm hối thúc mai mau nở kéo xuân đã đến bên thềm. Thật thương cho người lao động, trồng hoa cũng khổ như trồng lúa chứ có nhàn hạ thong thả chi hơn! Cả năm chăm bón, tia nhánh, uốn cành, tạo thế cho hoa, chỉ mong một vụ mùa đúng vào dịp xuân về Tết đến. Năm nào mai rộ đúng Tết, người người nhà nhà hân hoan, mặt tươi như hoa; năm nào mai bị ảnh hưởng thời tiết thất thường, người trồng hoa chỉ biết than vãn, thở dài, lại mơ về một vụ hoa sau may mắn hơn.

Tôi đã lớn lên, già đi theo bao nhiêu mùa mai nở... Tuy không phải quay quắt, lo lắng như nhà vườn sống bằng nghề trồng hoa, nhưng cũng ra vào thấp thỏm cho mấy chậu mai nhà. Cho đến một ngày khi tóc chớm bạc, bên gốc mai già tôi mới ngộ ra được một điều sâu sắc mà giản dị. Tại sao ta cứ bắt mai phải nở theo ý mình? Khi trì hoãn, khi hối thúc mai vàng, nở muộn cũng buồn, nở sớm cũng tiếc! Hãy thuận tự nhiên mà vui sống chứ! Mai nở sớm thì được thưởng hoa sớm, được sớm đón xuân về. Mai mà nở muộn thì được thưởng hoa lâu hơn, được cảm thấy mùa xuân như dài hơn, xuân như còn lưu luyến ta mà chưa vội tàn phai.

Người Anh có một thành ngữ mà tôi rất thích: *Let it be!* (Tạm hiểu: cứ để vạn vật là nó. Đừng can thiệp!). Tự nhiên vận vào chuyện mai nở mai tàn, xuân sớm xuân muộn mới thấy thật thâm thúy. Vậy ra con người ta thật đại khờ, hãy an nhiên tùy duyên mà sống, cứ tự làm khổ mình mà chỉ, rồi làm khổ lây cả tự nhiên, vạn vật quanh ta nữa.

Ngộ ra điều này tôi bỗng chợt nhớ đến một bài thơ haiku Nhật Bản nhỏ bé mà chứa đựng cả một triết lý sống thật hài hòa, một bản lĩnh sống thật an nhiên tự tại, thật dung dị, hồn nhiên. Trong đó, cổ cả tinh yêu thiên nhiên tạo vật của Thần đạo (Shinto), cả tinh thần vô ngại, vô chấp, hiển hòa, như nhiên của Phật giáo và cả đạo pháp tự nhiên trong cái thế giới chúng sinh bình đẳng, cách sống bình thân tiêu dao của Lão Trang:

*"Nở sớm cây mơ này,
nở muộn cây mơ khác
Tôi yêu mến cả hai".*

(Buson) ■

Hoa cỏ đại khò

HỒ ĐĂNG THANH NGỌC



Nhiều khi tôi tự hỏi, nếu lọc bỏ đi những ngày tháng ấu thơ vui đùa cùng hoa cỏ dại khờ nơi miền quê hoang vắng, tôi sẽ còn lại gì? Tự hỏi rồi tự trả lời, và thấy rằng nếu điều đó xảy ra, tôi sẽ vẫn còn lại những thứ như tôi đang có, là nhịp sống hiện đại với những toan lo vô bờ bến, nhưng trong sâu thẳm tâm hồn tôi, đã mất cái gốc gác của những hững hờ mà cỏ hoa ngày cũ đã hun đúc nên một tôi với tâm hồn yêu thiên nhiên say đắm.

Nhưng nói vậy thôi, cái chữ *nếu* ấy không bao giờ xảy ra được, không chỉ đối với tôi mà tôi nghĩ những ai từng có những ngày tháng vui đùa cùng hoa cỏ miền quê như tôi, đều cũng không thể quên những dáng hoa cỏ dại khờ ngày xưa ấy. Làm sao có thể quên được cái sắc tím đậm đệp của bông rau khoai, sắc tím giòn dai



của bông hoa rau muống, tím xé gan xé ruột của hàng rào hoa tím xuân hay gốc khế tím rưng rưng nhớ trong góc vườn xưa ngày đó... Chao ơi, mới chỉ một màu tím hoa cỏ miền quê đó thôi, mà bao nhiêu nỗi nhớ đã dâng đầy. Như bông khoai lang, dường như chỉ nở khi người ta bỏ quên nó trong vườn hoang vắng, hay như câu ca dao này, ai nghe mà không nao ruột nao lòng: “Chờ anh đã quá sức chờ, chờ cho rau muống lên bờ trở bông”...

Ra Giêng một thoáng, tháng Hai trống đậu tháng Ba trống cà, đó cũng là lúc hoa cà tím rung rúc màu cổ tích chuyện người con gái may áo chưa mặc một lần nở khúc khuỷu trên những luống cà ven sông. Cà pháo

nhỏ nhỏ nở tím dành dành nhưng cà đĩa trái lớn thì tím trộm trịa, tím phơn phớt mà khiến cho như có ai đó kêu lên là tím nhức xương, tím phơn phớt mà hút hồn bao nhiêu thi sĩ. Buổi chiều nhìn hoa cà nở, nghe mấy anh trai làng ngồi hát *boléro Chợ Nọ* nữa là thấy mình cũng đang chuyển sang tím tím như câu hát chung thủy ngày xưa “Tôi với nàng, hai đứa nguyện yêu nhau, tha thiết từ nay cho đến ngày bạc đầu...”.

“Anh đi anh nhớ quê nhà, nhớ canh rau muống nhớ cà dầm tương”. Ca dao xưa nói thế thôi, chứ tôi đoan quyết cái anh trai làng rời quê chắc chắn còn vương trong mắt màu hoa cải vàng hoe hoắc bên triền sông, rục rờ ngời tươi mênh mông một sáng hay se thất vàng một chiều gió cả. Tôi có người bạn từ làng quê trưởng thành nơi phố thị. Lúc nào uống say cũng sửa một câu thơ của Dư Thị Hoàn thành ra “Hoa cải vàng ơi, theo ta làm chi cho đang dở?”... Chẳng biết anh ta đang dở kiểu chi, hay là hình ảnh cùng người đẹp thôn nữ với đôi quang gánh thông dong ra về sau buổi làm đồng còn vương vấn lấy anh, làm trái tim anh điều đúng? Cũng không biết bao nhiêu lần tôi đi dọc triền sông Hương hay sông Bồ và bất ngờ bắt gặp ngập tràn khúc sông một màu vàng quay quắt nỗi niềm ấy, lòng dậy lên bao hoài cảm. Và cũng trên những triền sông, hoa bắp lay khi sông nước còn gió xuân, hỏi ai không mặc khải mình đang đi vào một cuộc viễn du xưa trong ý thơ Hàn thi nhân: “Gió theo lối gió mây đường mây, dòng nước buồn thiu hoa bắp lay”.

Từ bờ sông vào chỉ vài trăm thước, hoa nhà quê nở hện hò mùa vụ trên những cái giàn bắt ngay trước hiên nhà.

Mùa xuân, khi mưa phùn còn lay phay bay lớp lớp từ cao vọi tầng không,

các loài hoa bí, hoa bầu, hoa mướp đua nhau nở. Hoa bầu trắng với cái nụ cuống ngửa mặt lên trời mà nở chờ đậu trái, hoa bí ngô vàng đục, hoa mướp ngọt vàng tươi, hoa mướp đắng xanh xanh điểm vàng... là những sắc màu yêu thương, và quyến rũ thật nhiều ong bướm. Tôi tin rằng những đứa trẻ lớn lên trong những khu vườn nơi làng mạc, bài học đầu tiên về lẽ sinh tồn bao giờ cũng là bài học đơm hoa kết trái từ giàn bí giàn bầu của mẹ. Và cả bài học về lòng nhân ái, về nghĩa đồng bào cũng từ đó, từ lúc nằm nôi nghe câu ca dao “Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn” cho đến khi chập chững ra sân nhà vui mắt nhìn hoa bầu bí nở, đó là một chặng đường dài của lớp học thiên nhiên đầy chất nhân văn như ngày nay chúng ta thường nói, từ lý luận đến thực tiễn... Và lớn lên một chút, cũng đứa trẻ ấy chơi trò chơi bút mực từ giậu mồng tơi bên hiên nhà, và vài năm

sau đó, cũng trong không gian màu tím mực mỏng
tơi ấy, có lúng liếng ánh mắt của cô gái bên kia hàng
xóm, để có lúc chàng trai ngồi thần thờ: “Giả đưng có
giậu mỏng tơi, thế nào tôi cũng sang chơi thăm nàng”
(Nguyễn Bính)...

Tôi thường tự hỏi không biết từ bao giờ, hoa cỏ
cũng bắt đầu có sự phân biệt giữa làng quê và phố
thị. Ở trong không gian tre trúc, các loài hoa “quý tộc”
như hồng, phong lan, hải đường... chỉ mọc thưa thớt
ở một vài ngôi nhà sành điệu. Còn đa phần trong
ngôi vườn đơn sơ những người cày sâu cuốc bẫm,
hoa của họ là thứ hoa để vọng tưởng ông bà tổ tiên:
bông phượng, bông trang, bông vạn thọ, bông cúc,
về sau này có thêm huệ, lay ơn... là những thứ hoa để
đơm cúng cùng với nải chuối, quả cam, quả bưởi...
Một khóm hoa đồng tiền, hoa thược dược, hoa hướng
dương... đã là xa xỉ mà mùa xuân, trong một khoảng
nông nhàn nào đó, họ tình cờ bắt gặp mới đem trồng.
Thế đó, hoa cỏ vườn quê tự ngày xưa ngày xưa đã là
thứ hoa giữ gìn lễ nghĩa trong đời, đã mấy ngàn năm
rồi không khác đi, và sẽ không bao giờ khác nữa...

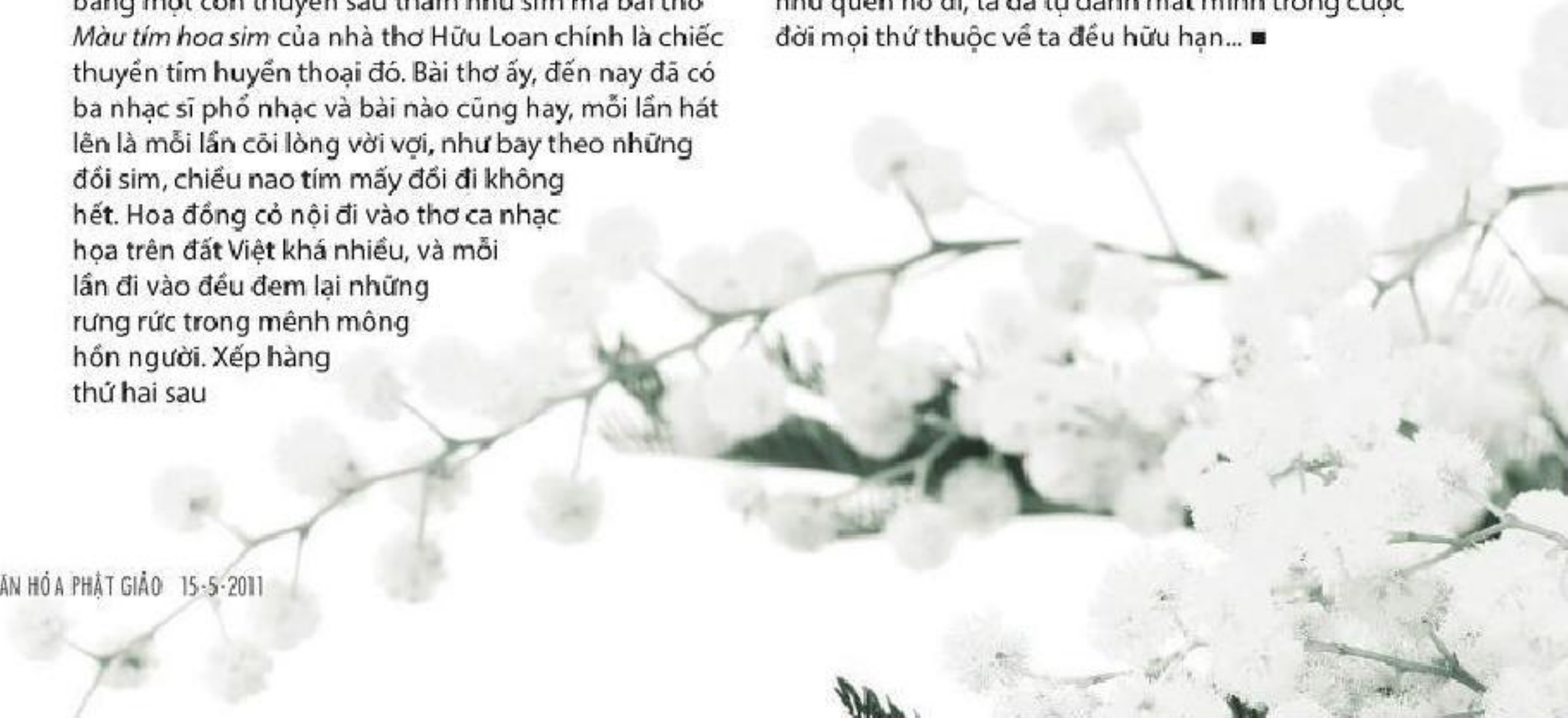
Những ngày xuân, ra vườn thấy hoa dại nở chíp
chiu trong vườn chưa làm cỏ, thế nào cũng bắt giác
ngước mắt nhìn lên cây khế tím tím mùa hoa. Với gốc
khế trong góc vườn, ở đó có biết bao nhiêu là câu
chuyện: ăn khế trả vàng, bò chết gặp khế rụng, và
“canh cá trâu mẹ thường hay nấu khế, khế trong vườn
thêm tí rau thơm”, là món cá kho khế mà e chỉ duy
nhất nhà bếp Huế mới hay làm... Nhiều chuyện đến
mức nhiều khi sinh ra bắt giác cảm hoài: “Ai sinh ra
khế, khế ơi!”.

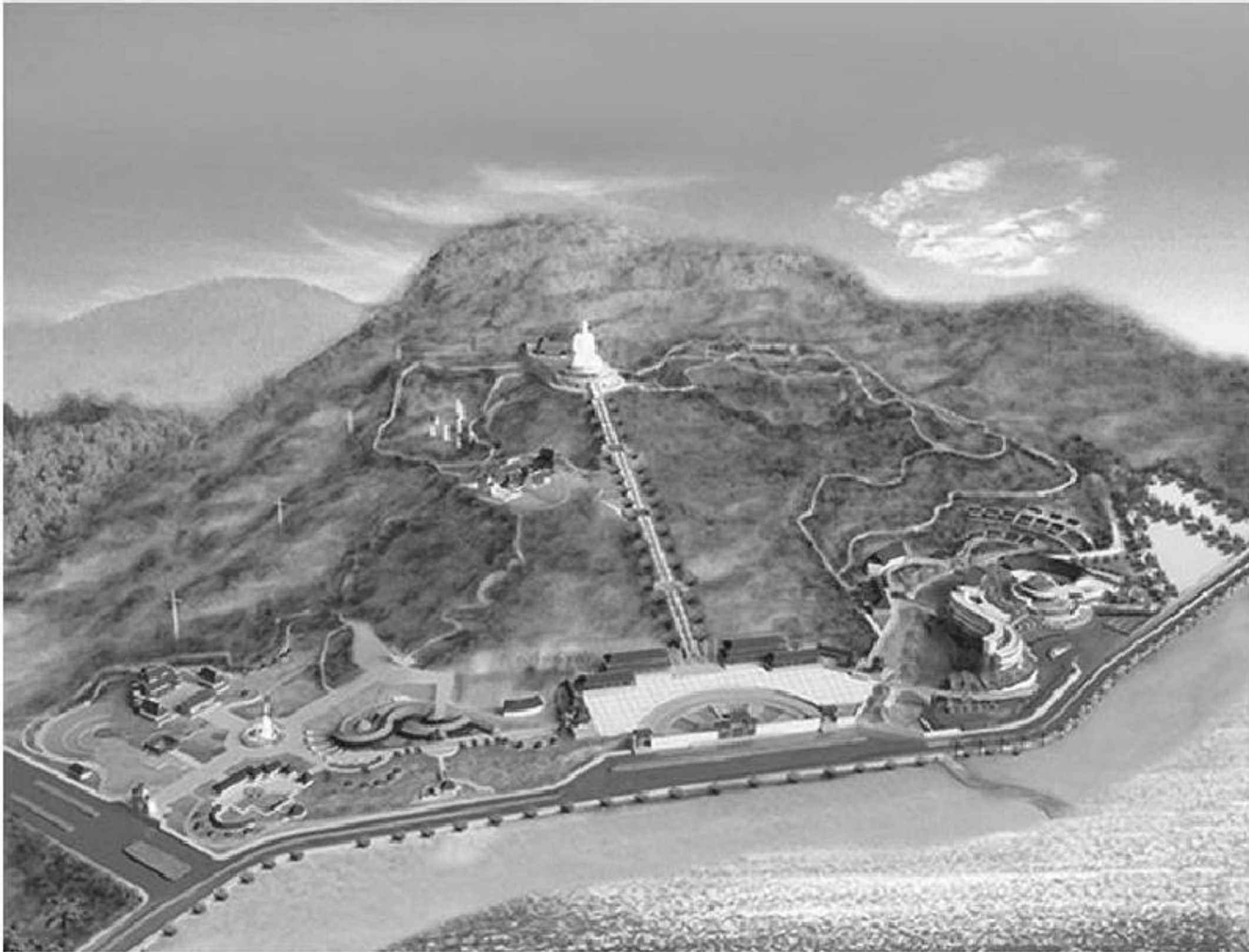
Có một miền cỏ hoa khờ dại khác nữa là hoa dại
ngoài đồng. Đó là sim, là mua, mâm xôi, trinh nữ, cơm
rượu, cỏ voi, ngũ sắc... Cuối xuân, những triền dốc
ngoài đồng hoang mọc đầy sim mua nở hoa tím ngát
trời. So với hoa sim, hoa mua đẹp hơn nhiều, trái mua
ăn cũng ngon không kém cạnh gì sim, thậm chí có vị
ngọt ngào và thơm hương đồng nội hơn. Thế nhưng,
như một nỗi bạc mệnh tiền kiếp, hoa mua không
nổi tiếng bằng sim bởi hoa mua không đi vào thi ca
bằng một con thuyền sâu thẳm như sim mà bài thơ
Màu tím hoa sim của nhà thơ Hữu Loan chính là chiếc
thuyền tím huyền thoại đó. Bài thơ ấy, đến nay đã có
ba nhạc sĩ phổ nhạc và bài nào cũng hay, mỗi lần hát
lên là mỗi lần cõi lòng vời vợi, như bay theo những
đôi sim, chiếu nao tím mấy đôi đi không
hết. Hoa đồng cỏ nội đi vào thơ ca nhạc
họa trên đất Việt khá nhiều, và mỗi
lần đi vào đều đem lại những
rưng rức trong mệnh mộng
hồn người. Xếp hàng
thứ hai sau

hoa sim, có lẽ là hoa hồng người nổi tiếng từ độ bài hát
“*Hoa trinh nữ*” được nhiều người biết đến ở miền Nam
trước 1975. Bài hát kể câu chuyện cổ tích về hoa trinh
nữ, và lời kể chuyện thật ngọt ngào: “Xưa thật là xưa,
nhớ mấy cho vừa nhớ mẹ kể chuyện đêm khuya. Có
ông vua trẻ, xuất quân biên thủy dẹp quân xâm lấn...”.
Và cũng thật chân tình khi nói về hoa: “Hoa trinh nữ
không mận mà bằng nàng hồng kiều sa, hoa đầu dằm
khoe màu như nàng cúc vàng tươi, và không ngát
hương thơm như nàng dạ lý trong vườn, nhưng hoa
trinh nữ đẹp tựa tình đôi chúng ta”...

Cũng vào cuối mùa xuân, trên những đồng cỏ làng
dành cho trâu ăn, hoa mâm xôi đỏ ối nở tròn trịa ven
đường. Đối với trẻ thơ miền quê, mâm xôi là một sản
vật trời cho tuyệt vời và dễ kiếm. Trong mâm ngũ quả
của trẻ con ham chơi ngoài đồng, mâm xôi bao giờ
cũng chiếm vị trí trang trọng không chỉ bởi cái màu sắc
hay kích thước kha khá của nó, mà còn là sự phổ biến
của những mâm xôi đỏ mà nhà trời đã như thêm màu
gác thật nhiều vào trong quá trình nấu thổi. Nhưng
đặc sản của đồng nội chính là trái cơm rượu chín màu
cam thuôn dài xinh xắn như một con tằm. Ngày xưa,
hoa trái cơm rượu không phải là quá hiếm, nhưng nay
thì gần như không còn nữa, như thể đã bay đi cùng
một khoảng thời gian kỷ ức xa xôi, như thể chiếc kim
đồng hồ đã ngưng lại trên đồng cỏ xưa và những cỏ
hoa huyền thoại ấy đã tự sắp xếp cho mình một cuộc
viễn du vĩnh viễn vào miền quá khứ. Cũng trong danh
sách hành khách đi vào miền quá vãng ấy, trên những
lối đi nối làng qua làng, thôn qua thôn ngày xưa, bao
giờ cũng gặp một bụi hoa ngũ sắc nở tung bùng bên
vệ đường. Hoa ngũ sắc thật sự là thứ hoa học trò, hoa
nhiều màu tươi vui và thơm như trang vở mới. Cuối
xuân sang hè, hoa ngũ sắc nở bùng cùng tiếng ve kêu
và tiếng chim tu hú gọi từ đồng xa.

Nếu có một dịp đi và đếm lại cỏ hoa đồng nội, thật
khó thể đi trong một ngày, một tuần hay một tháng,
một năm. Đó phải là chuyến đi của một đời người, và
dưới chân bao giờ cũng vương đầy hoa cỏ may, cái sự
vương vịu như giăng mắc những hoài niệm mà nếu
như quên nó đi, ta đã tự đánh mất mình trong cuộc
đời mọi thứ thuộc về ta đều hữu hạn... ■





Văng cảnh Linh Phong tự

Bài và ảnh: NGUYỄN THỊ QUYÊN

Chùa Linh Phong, tục gọi là chùa Ông Núi, nằm ở lưng chừng đỉnh chóp Vung, đỉnh cao nhất của dãy núi Bà; một vùng núi non ven biển thuộc thôn Phương Phi, phía Đông nam xã Cát Tiến, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định, cách thành Đồ Bàn xưa khoảng bốn chục cây số về phía Đông bắc. Ngọn lửa chiến tranh đã thiêu hủy ngôi chùa này vào năm 1965. Gần đây, Linh Phong tự được công nhận là di tích lịch sử - văn hóa; và theo nguyện vọng của nhân dân, chùa được trùng tu trong dự án xây dựng quần thể du lịch tâm linh chùa Linh Phong, đã khởi công hồi tháng 8-2009.

Tìm hiểu về chùa Linh Phong, tư liệu có giá trị nhất hiện nay có lẽ là bài *Linh Phong tự ký* của Hiệp biện Đại học sĩ kiêm lãnh Thượng thư Bộ Công Đào Tấn viết vào năm 1897 sau khi công cuộc trùng tu chùa Linh Phong do cụ chủ trương thực hiện đã hoàn tất. Bài ký này cho biết tiền thân của chùa Linh Phong vốn là am Dũng Tuyền, một am thất nhỏ, dựng nên bởi một vị sư là Mộc Y sơn ông từ kinh đô Trung Hoa sang Việt Nam vào năm Nhâm Ngọ (1702) thuộc niên hiệu Chánh Hòa thứ 23 đời Lê Hy Tông thời nhà Lê trung hưng; lúc ấy, tỉnh Bình Định thuộc sự quản hạt của các chúa Nguyễn, dưới đời Minh vương Nguyễn Phúc Chu. Vị sư này được



người quanh vùng đương thời gọi là ông Núi, vì thấy ông thường xuyên ở trên núi.

Theo lời kể lại của các vị bồ lão ở làng chài Cách Thử dưới chân dãy núi Bà, ban ngày ông Núi đồn củi, mang xuống chân núi, để ở ngã ba rồi trở lên. Nơi ấy người ta gọi là Hòn Đá Quán. Người dân quanh vùng ban đầu thấy lạ, về sau tự động đem gạo, muối đến đổi lấy củi mang về dùng; hôm sau ông Núi hoặc đồng tử xuống núi thu gạo muối. Chuyện kể rằng một ngày kia, nhân dân trong làng bỗng thấy có nhiều bó củi xếp ngay ngắn ở một bãi đất trống ven làng. Trai tráng trong làng ngấm ngấm theo dõi và cuối cùng đã phát hiện để theo chân một người mặc áo vỏ cây vượt mấy dặm đường núi gập ghềnh mới

đến được nơi cư trú của người ấy và biết đó là một nhà sư. Họ rất ngạc nhiên khi thấy ngài sống trong một hoàn cảnh vô cùng khắc nghiệt, chỉ ăn củ rong, uống nước suối, mặc áo vỏ cây... nhưng trên khuôn mặt ngài luôn toát lên một vẻ an lạc. Chuyện lạ đồn nhanh, nhân dân trong vùng mang gạo muối đến cúng dường nhưng ngài không nhận. Mỗi khi trong vùng có dịch bệnh thì tự nhiên nhà sư đem thuốc xuống cứu chữa cho dân; chữa xong rồi đi ngay. Có năm, làng chài Cách Thử bị nạn ôn dịch hoành hành, một căn bệnh kỳ lạ mà các đại phu không thể chữa được. Vậy là trên những gánh củi khô của nhà khổ hạnh, lại thấy xuất hiện những nắm lá khô được gói cẩn thận. Không hiểu gì nhưng một vài người có người nhà bị bệnh đang vô phương cứu chữa liền lấy vài gói lá khô ấy mang về nấu nước cho uống. Chỉ trong một thời gian ngắn những người bệnh đã khỏe mạnh hoàn toàn. Cảm tạ ân đức, nhiều vị cao niên lên núi rước nhà ẩn sĩ về làng phụng dưỡng nhưng không được. Vì thế, nhân dân lập một thảo am gần làng hơn một chút, mời ngài đến đó chữa bệnh cứu giúp mọi người. Không thể khước từ nguyện vọng của nhân dân, vị ẩn sĩ mỗi tháng dăm lần về thảo am giúp đời.

Lại theo *Linh Phong tự ký*, vào năm thứ 8 đời Ninh vương Nguyễn Phúc Chú (năm Quý Sửu 1733, Long Đức nguyên niên, đời Lê Thuần Tông, thời nhà Lê trung hưng), chúa Ninh biết tiếng Mộc Ý sơn ông, khen ngài là bậc chân tu, sai trùng tu chùa khiến am tranh biến thành chùa ngôi, lại ban tên chùa là Linh Phong tự, đích thân viết liền cho khắc trên những tấm biển treo hai bên tả hữu ngôi chánh điện, và tặng Sơn ông danh hiệu là Tịnh Giác Thiện Trì Đại lão Thiển sư. Đến năm thứ ba đời Võ

vương Nguyễn Phúc Khoát (Tân Dậu 1741, Cảnh Hưng năm thứ hai đời Lê Hiển Tông, thời nhà Lê trung hưng) chúa Nguyễn vời Sơn ông về Phú Xuân để tham vấn giáo lý nhà Phật. Lần ấy, Sơn ông vào kinh một tháng; khi từ tạ, được chúa Nguyễn ban áo cà sa có vòng ngọc móc vàng làm pháp phục. Trong thời Tây Sơn, do loạn lạc, chùa bị đổ nát. Căn cứ vào các câu liên hai bên tháp mộ xây bên phải chùa thì Sơn ông viên tịch vào năm thứ tám niên hiệu Thái Đức thời nhà Tây Sơn (năm Ất Tỵ - 1785). Tuy nhiên, tính từ năm 1702 Sơn ông đã tu tại núi Bà đến năm 1785 Sơn ông viên tịch là có tới 83 năm, vậy Sơn ông phải thọ cả trăm tuổi!

Linh Phong tự ký ghi tiếp rằng sau khi lên ngôi, vua Gia Long có hoi thăm đến chùa Linh Phong; và vào năm Gia Long thứ 7 (Mậu Thìn 1808), Hưng tổ Hiếu Khang hoàng hậu là thân mẫu của vua Gia Long có ban ý chỉ nghiêm cấm lấy càn vật thường trụ của chùa Linh Phong với mục đích đời trùng tu. Tuy nhiên, phải đợi đến năm Minh Mạng thứ 7 (Bính Tuất 1826), công cuộc trùng tu chùa Linh Phong mới được tiến hành. Nhà vua lại còn sai người nghiên cứu bộ pháp phục mà Võ vương Nguyễn Phúc Khoát đã ban cho Sơn ông để chế một bộ cà sa mới ban cho chùa làm vật thờ Sơn ông. Trong bài ký của mình, cụ Đào Tấn cũng kể lại truyền thuyết về việc vua Minh Mạng khó ở, nằm mộng thấy Sơn ông về đứng bên giường ngọc quạt cho ngài mà ngài cảm thấy khỏe khoắn, nhân đó nhớ đến chùa Linh Phong và truyền lệnh trùng tu chùa.

Khi cụ Đào Tấn tạm lánh việc quan ra ở chùa Linh Phong vào khoảng năm 1884 hay 1885 thì cụ đã thấy ngôi chùa này không được chăm sóc chu đáo. Lời bài ký viết: *"Ở núi rồi việc, bèn sưu cầu di tích của Sơn ông, chẳng có văn bia làm chứng, chỉ tìm được giấy rách sách nát có đề năm ghi tháng... được hơn 200 tấm ván khắc trọn một bộ 'Pháp Hoa kinh giải' cùng con dấu... có đôi ba tờ giấy cổ dấu chữ Sơn ông để vịnh nhưng tự tăng chẳng biết đã lấy bởi bức mà vẽ tượng..."*.

Năm Ất Mùi 1895 (niên hiệu Thành Thái thứ 7) cụ Đào Tấn bấy giờ là Thượng thư Bộ Công đã đem chuyện chùa Linh Phong tâu với thân mẫu của vua Thành Thái là bà Từ Minh thái hậu và được thái hậu đồng ý cho trùng tu ngôi chùa lần thứ hai. Đích thân cụ Đào Tấn đã đốc thúc việc trùng tu, lại truyền các tỉnh thành quyên góp thêm, do đó, công cuộc trùng tu chỉ sau hai năm thì hoàn tất, tổ chức lạc thành vào năm Đinh Dậu 1897 (niên hiệu Thành Thái thứ 9). Theo tác giả Lộc Xuyên Đặng Quý Dịch thì, *"Lần trùng tu này có quy mô lớn hơn các lần trước, đẹp đẽ và vững chãi hơn các lần trước, nếu không bị ngọn lửa chiến tranh thiêu hủy vào năm 1965 thì chắc chắn ngôi chùa Linh Phong vẫn còn đứng vững tới hôm nay. Có thể nói mà không sợ lầm rằng nếu không có sự vận động của cụ Đào Tấn thì vị tất đã có lần trùng tu Linh Phong tự nói trên"*.

Trước khi bị thiêu hủy vào năm 1965, chùa Linh Phong từng nổi tiếng là một thắng cảnh của Bình Định,

đã được nhà thơ Quách Tấn tả lại trong *Nước non Bình Định*, *"Phong cảnh quanh chùa thật kỳ mỹ. Chùa nằm trong rừng cây cổ thụ, tích tịch, thâm u, nhiều cây sống lâu đời, hình thù cổ quái. Nhiều cây cao vút bóng mây, lại nhiều cây nằm ngửa nghiêng trong sắc cỏ. Quanh chùa đá mọc ngổn ngang, hoặc đứng sừng sững giữa trời hoặc chen chúc cùng cây cối. Nơi chổng chát thành những hòn giả sơn, nơi lại dựng đứng như vách, nơi lại nằm rải rác như một bầy voi nằm giấu vùi... Nhìn về phía Đông thì biển xanh lênh láng. Phía Đông nam thì đầm Thị Nại long lanh và rừng dương liễu chạy từ Cách Thử đến Gò Bồi quang đầy quang thưa, chập chờn trên bãi cát nửa vàng nửa trắng. Xa xa, thành phố Quy Nhơn thấp thoáng trong sương sóng..."*.

Bãi biển Trung Lương (Kẻ Thử) nằm dưới chân núi cách Linh Phong tự khoảng 1.200 mét. Bãi biển vòng cánh cung với vô vàn đá đủ các hình hài hòa cùng cát vàng trải dài đến tận Eo Gió. Nước trong xanh nhìn thấy đáy cát. Từ đường nhựa du khách sẽ gặp hàng cột được trang trí công phu mở lối bước lên những bậc đá dẫn đến chùa. Lối đi được tạo bởi hàng ngàn bậc đá này có từ hơn ba thế kỷ trước. Nhiều thập kỷ nơi đây hoang phế, chỉ còn lại cổng tam quan ở mặt Đông và một ngôi bửu tháp. Ngôi chùa mới được dựng lại trên vị trí của chùa Linh Phong ngày xưa. Điều lý thú là vẫn còn một dòng suối từ núi cao đổ xuống, chảy vào khuôn viên chùa tạo một cảnh quan gần gũi với thiên nhiên hoang dã. Đường lên chùa vẫn còn nguyên vẻ tự nhiên. Chùa nằm trên một khoảnh đất rộng, tương đối bằng phẳng, mà *Đại Nam nhất thống chí* tả *"lưng dựa vào núi cao, mặt trông ra đầm Thị Nại, xung quanh có nước suối lượn quanh, phong cảnh rất đẹp"*. Gió biển làm nhẹ lòng du khách sau một lộ trình khá dài. Đứng từ cổng chùa, nhìn ra xa thấy đầm Thị Nại trong xanh điểm những con sóng bạc. Dòng sông Chùa uốn lượn lung linh trong nắng, sóng biển tung bọt trắng xóa. Bước chân ra khỏi chùa, du khách sẽ thấy lòng thanh thản.

Một ngày không xa, trên đỉnh núi xanh kia sẽ có một tượng Phật cao nhất Việt Nam (69m) và hệ thống cáp treo để cho Phật tử đỡ vất vả khi hành hương. Đứng trên đỉnh núi cao, giữa mệnh mang đất trời, trong bầu không khí thanh khiết, du khách cảm thấy như mình đang nghe Phật thuyết pháp với giọng nói trầm hùng của tiếng rống sư tử cùng với miên man tiếng sóng biển vỗ bờ Cách Thử dưới kia.

Ghi chú:

1. *Linh Phong tự ký*, Đào Tấn, bản dịch tiếng Việt của Lộc Xuyên Đặng Quý Dịch, trích trong *Mai viên cổ sự*, Văn Lang xuất bản, 1994.

2. *Mai Tằng Đào Tấn và Linh Phong tự*, Lộc Xuyên Đặng Quý Dịch, trích trong *Đặc san Liên trường Trung học Quy Nhơn Xuân Canh Thìn 2000*.

3. *Nước non Bình Định*, Quách Tấn, NXB Thanh Niên, 1999. ■

Thông điệp từ chim bồ câu

CAO HUY HÓA

Ngày nay, đô thị hóa nông thôn là một thực tế ở nhiều nước đang phát triển và là kết quả của tiến trình công nghiệp hóa. Con người được hưởng văn minh đô thị nhiều hơn, nhưng ngược lại, cảnh yên ả nông thôn đã bị mất đi, trong đó con người thành phố dần xa lạ với chim, ngay cả những con chim vốn quá thông thường trong đời sống như én, chào mào, se sẻ. Đến nỗi, các bậc cha mẹ ở nơi đô thị chật chội người đông, muốn cho con cái biết về thế giới chim, chỉ biết đưa các con đến xem những con chim nuôi trong lồng của những nhà chơi chim hoặc buôn bán chim. Nhưng có một loài chim vẫn gắn gũi với cuộc sống đô thị, một loài chim vừa được nuôi, vừa được thả: đó là bồ câu.

Bồ câu có dáng tròn trịa, nặng nề, chậm chạp, chỉ tượng trưng cho sự hiền lành, thật thà; không dọc ngang đất trời như hải âu, chim én; không sánh với vẻ đẹp của sếu, cò, vạc...; còn tiếng kêu của nó thì không thể coi là hót được, tiếng gù của bồ câu chẳng những thua xa họa mi, sơn ca, chào mào, mà cũng không sao sánh được với tiếng cu gáy thanh bình vào trưa hè, dấu hình dáng hai loài cũng có phần giống giống. Thế nhưng, cái chất phác, thật thà, tròn trịa có cái giá đặc biệt của nó, một cái giá càng ngày càng quý hiếm trong thời đại ngày nay.

"Tóc ngắn, mắt bồ câu rất hiền..." Một cô ca sĩ tài danh đã từng hát như thế, câu hát như nói về mình, mắt to tròn, trong sáng như mắt bồ câu. Nhưng mắt bồ câu là chuyện nhỏ, chuyện lớn về bồ câu là chuyện... hòa bình thế giới: chim bồ câu được dùng làm hình tượng cho hòa bình. Vì sao? Không lẽ chỉ vì nó hiền lành, như biết bao nhiêu người hiền lành trên khắp thế gian, không hề muốn chiến tranh? Tôi đi tìm tư liệu cho sự ra đời của hình tượng hòa bình này, bằng công cụ Google:

Năm 1940, phát xít Đức chiếm đóng thủ đô Paris của nước Pháp, bọn chúng đến đâu là hàng loạt dân lương thiện ở đó bị giết hại. Một hôm nhà danh họa Pablo Picasso đang ngồi trầm tư trong phòng tranh. Bỗng cánh cửa bật mở, một ông già hàng xóm đem đến xác con chim bồ câu, vừa bước vào phòng vừa khóc vừa nói: *"Đứa cháu tôi đang chơi với con chim câu, liền bị bọn phát xít bắn chết, cả con chim câu cũng bị chết theo. Ngài Picasso, tôi van ngài hãy vẽ cho tôi con chim câu, để kỷ niệm ngày đứa cháu tôi bị lũ phát xít giết hại"*. Picasso vừa an ủi ông già đáng thương, vừa mang bút vẽ ngay con chim bồ câu. Năm 1949, Picasso đã tặng bức tranh "chim câu" này cho Đại hội Hòa bình thế giới ở Paris. Từ đó chim bồ câu trở thành biểu tượng cho hòa bình. Câu chuyện có vẻ thiếu tính chính xác, tuy



nhiên chuyện nhà danh họa vẽ tranh chim bồ câu như là biểu tượng hòa bình thì đúng như vậy, trên thế giới đã lưu lại nhiều tranh chim bồ câu của Picasso.

Quốc xã Đức, phát-xít Ý, và quân phiệt Nhật bị tiêu vong, Chiến tranh Thế giới thứ hai kết thúc, nhưng hòa bình trên thế giới vẫn luôn luôn bị đe dọa, chiến tranh cục bộ vẫn xảy ra nơi này nơi khác, xung khắc vẫn nóng bỏng giữa các quốc gia, giữa các sắc tộc, tôn giáo, ý thức hệ; như vậy phải chăng *thông điệp hòa bình* qua hình tượng chim bồ câu cần phải được tuyên dương rộng khắp?

Riêng thế giới bồ câu thì được hòa bình yên ổn ít nhất là tại các nước phát triển. Các công viên ở Pháp có vô số bồ câu, nhất là ở khu công viên nhà thờ Notre Dame de Paris; chúng bay trên đầu và làm vướng chân du khách. Mỗi khi có người cho miếng bánh, chúng sà tới bu đầy. Nhiều nơi người ta đã chán ngán bồ câu và nghe đâu chính quyền sở tại lưu ý du khách không nên cho bồ câu ăn, vì sợ làm ô uế môi trường. Mặc dù vậy, rõ ràng loài bồ câu có được sự thanh bình trên đất Pháp.

Không chỉ chim bồ câu, mà mọi chim chóc đều được hưởng cảnh thanh bình trên những đất nước phát triển. Ở đó, người ta không nhẫn tâm bắn giết chim, không ăn thịt chim, lại còn đối xử thân ái với chim, rải thức ăn cho chim, rồi còn gây dựng cả môi trường đầy

cây xanh cho chim tụ hội,... Những ngày sống tại một khu phố nhỏ thuộc ngoại ô Paris, theo cứ khoảng 4 giờ sáng đã tỉnh giấc theo thói quen ở quê nhà, vừa thức dậy tôi đã ngỡ ngàng thích thú vì tiếng chim: ban đầu còn nhỏ, sau rõ dần, chim đua nhau hót, *reo vang reo ca vang ca*, lẫn trong đó, văng vẳng có tiếng gù gù, chắc là tiếng gù của những bà con với anh chị cu gáy bên nhà; đến sáng, chim tụ hội trong những tàng cây, nháy nhót trong vườn, và tôi nhận ra những loài không xa lạ, trong đó dễ nhận ra chào mào, se sẻ.

Thôn quê xưa nay là đất lành, bây giờ thành phố cũng là đất lành cho chim với tàng cây, hương hoa, côn trùng, thức ăn của người..., và đặc biệt nhất, công viên trong thành phố là không gian quá lý tưởng, cho nên một số loại chim càng ngày càng tiến về thành phố, cùng sinh hoạt hữu nghị với bồ câu, đều dạn dĩ với con người, cùng tranh nhau mẩu bánh từ bàn tay con người (mà bồ câu chậm chạp thường là kẻ thua).

Khi con người đã biến đổi hình thái tổ chức xã hội và thay đổi thiên nhiên thì chim chóc, ong bướm cũng phải tìm đường sống thích nghi, và may sao, ngày nay con người đã cảnh tỉnh để bắt đầu nhận thức rằng phải biết sống chan hòa với thiên nhiên, trồng thêm cây xanh, và thân thiện với muôn loài. Con người thân thiện không



chỉ vì thương sinh vật mà cũng vì lợi ích của chính mình, vì có thể thì thế giới của mình mới được phong phú và ý nghĩa hơn. Và sinh vật đã đáp lễ, *ăn khế trả vàng*, vàng là tiếng chim hót reo vang bình minh, nhí nhảnh đùa vui trong vườn đem lại niềm lạc quan và tươi trẻ; vàng là cuộc sống kỳ diệu qua nét đẹp muôn màu muôn vẻ của chim, với tiếng hót say mê lòng người; vàng là tinh túy mật ngọt mà đàn ong dâng cho người,...

Bồ câu cũng đã đáp lễ con người từ xa xưa. Xin gạt qua một bên chuyện bồ câu hăm thuốc bắc, bồ câu quay,... để nói một sự kỳ diệu của tạo hóa: *bồ câu đưa thư*. Trước đây, tôi chỉ đọc trên báo chuyện bồ câu vượt ngàn dặm để đưa thư bên trời Tây, chứ không thấy thực tế gần gũi tại Việt Nam, đâu là trên báo. Lâu ngày, chuyện bồ câu đưa thư trở thành như là huyền thoại của tình yêu hé nụ. Bồ câu làm trung gian nối kết nửa này với

nửa kia, mà bồ câu cũng có thể là vẫn vợ "mây ngàn ơi cho ta nhắn...". Nhưng mới đây, đọc tin trên báo *Tuổi Trẻ*, thật bất ngờ và thích thú khi được biết có một cuộc đua 410km của bồ câu từ Bình Định về TP.HCM: "... *Ga Sài Gòn chiều 17/12/2010, 42 chú chim bồ câu được nhốt cẩn thận vào lồng, khóa lồng cũng được niêm phong, và theo chuyến tàu S6 chạy suốt đêm để đến ga Diêu Trì khi trời vừa sáng. Tại nhà ga của thị trấn trung tâm huyện Tuy Phước (Bình Định), những chú bồ câu sẽ bắt đầu hành trình vượt qua vùng phía Nam miền Trung và Đông Nam Bộ để tìm về đích là những ngôi nhà của gia chủ tại TP.HCM. (...) Đúng 15 giờ 20 chiều 18/12, "tay đua xám trắng" (...) đã về nhất sau 8 giờ 55 phút chinh phục đường bay 410km. (...) Ngay trong chiều 18/12, có thêm 2 bồ câu về tổ. Các chú bồ câu còn lại do trời tối đã nghỉ đêm đầu đó dọc đường và trong buổi sáng hôm sau đều đồng loạt bay về tổ ấm an toàn*".

Để thực hiện cuộc đua này, chủ nhân của bồ câu đã cho bồ câu thử thách những chuyến đi xa và luyện khả năng nhớ đường về. Để bồ câu có thể đưa thư, người ta buộc thư vào chân nó tại điểm xuất phát, chở nó đến nơi nhận thư. Hành động đó lặp lại nhiều lần, bồ câu sẽ nhớ lộ trình. Do đâu mà bồ câu có khả năng kỳ diệu đó? Người ta đã giải thích về khả năng của bồ câu "đưa thư", đại để là nhờ khứu giác bắt mùi, nhờ có hạt từ tính nơi mỏ nên nó có "la bàn" định vị,... Nói chung, giải thích thiếu rỏ ràng, và có lẽ ta chỉ bằng lòng với đáp án là ở năng lực kỳ diệu nơi chim bồ câu.

Không chỉ chim bồ câu, biết bao điều kỳ diệu nơi những sinh vật, cây cỏ, như ong cho mật, như hoa tỏa hương, chẳng khác gì con người có trí tuệ. Và chắc chắn còn biết bao nhiêu điều kỳ diệu mà ta chưa biết từ vũ trụ bao la cũng như từ mỗi chúng sinh nhỏ bé. Hạnh phúc thay con người biết cảm nhận những kỳ diệu đó, và ước mong sao con người dành cho sinh vật, cây cỏ được cộng sinh với mình trong môi trường trong lành.

Thông điệp của hình tượng chim bồ câu không chỉ là hòa bình giữa con người với con người, mà là con người tôn trọng thiên nhiên, tôn trọng cuộc sống của chúng sinh, yêu cây cỏ, chim chóc, sinh vật. Yêu chim chóc, say mê tiếng hót, không phải là bắt chim về làm của riêng để làm đẹp cho nhà mình, để hót cho mình nghe trong cảnh giam cầm, mà yêu chim tung cánh, yêu tiếng hót thênh thang, là tôn trọng tự do, là thích trời cao biển rộng. Yêu hòa bình, yêu tự do, và hòa bình đi đôi với tự do.

Loài chim bồ câu đã trải qua một quá trình tiến hóa lâu dài, từ lâu bỏ quên hồ hải phong trần để ngày nay chịu kiếp ăn nhờ ở đậu nơi con người, làm trang trí cho cảnh quan khu vườn, thỉnh thoảng phải hóa kiếp làm thức ăn khoái khẩu trên bàn tiệc. Những người chơi chim bồ câu theo kiểu bồ câu đưa thư đã làm việc rất có ý nghĩa là trả chim về trời cao, đất rộng, tha hồ sải cánh - đâu không phải thường xuyên - như được trở về từ thuở hồng hoang. Một trò chơi thú vị, với tình thương của người dành cho một loài chim hiền lành. ■



Thằng Nhi làng Xuân Hòa

HOÀNG QUY

Ai cũng gọi nó là thằng Nhi. Thực ra, Nhi đã năm mươi tuổi, không gia đình, không nghề nghiệp, chẳng có một đồng xu dính túi. Tôi gặp Nhi ở quán cà phê Tám Gấu. Buổi sáng tháng Ba, vùng núi sương mù bao phủ cả cánh đồng lúa chín vàng. Ngã ba Xích Hậu rộn rã hơn mọi ngày. Đám tang người phụ nữ chết vì ung thư, vừa đi qua hồi năm giờ sáng, buồn tẻ, âm trầm như cuộc đời của chị. Chị ấy để lại một người chồng ngu ngơ và một đứa con trai thất học. Những người đi đưa đám đã quay về nhà với những công việc đồng áng, chợ búa.

Trời đã cuối xuân. Quán cà phê Tám Gấu lèo tèo năm bảy người khách. Không như những ngày trăm hương cây cảnh hút hàng, năm sáu quán cà phê trong làng, quán nào cũng đông khách. Đám thanh niên làng nghề thường trầm mình ở những tụ điểm cà phê bàn tán về công việc, giá hàng lên xuống thất thường ở những thị trường được coi sáng giá như Sài Gòn, Trung Quốc, Đài Loan... Chuyện trăm hương cây cảnh cũng chỉ xuất hiện không quá vài chục năm nay ở cái xứ mà trước đây đám thanh niên trong làng kéo nhau vác rựa lên rừng đi tìm trầm. Có những chuyến đi hằng tháng, và có những người không quay về, mới



hay chuyện “ngâm ngải tìm trầm” khó khăn dường nào. Trầm hương cây kiểng rộ lên sau những năm công nghiệp trồng cây dó thành công ở khắp các tỉnh miền Trung. Và từ đó hàng cây kiểng trầm hương giả, thật cũng tràn ngập thị trường. Có những người bỗng chốc giàu lên, trở thành tỷ phú. Cũng không ít người tán gia bại sản vì cái nghề trầm hương cây cảnh như có ma dẫn lối quỷ đưa đường mà thằng Nhi hay nói. Hình như chuyện chỉ trong làng xã, ở cái thung lũng này Nhi khùng cũng biết mới lạ chớ. Từ cây cầu Nông Sơn, cây cầu của 18 em học sinh xấu số đã bỏ mình trên dòng nước đục ngầu đầu nguồn sông Thu năm ấy, đi về phía ngược dòng chừng hai cây số. Ngày nay làng Xuân Hòa đã có con đường nhựa chạy ngang qua làng; trong ánh đèn điện, đêm đêm vẫn nghe tiếng đàn, tiếng hát vang vọng từ những quán cà phê của nhóm chơi nhạc tài tử Sáu Chi. Họ hát với nhau sau một ngày làm lụng vất vả ngoài đồng ruộng, trên

rừng trở về nhà. Họ chơi nhạc tiền chiến, nhạc Trịnh Công Sơn với những cây guitar thùng như chuyên nghiệp. Không ai tin là cái làng Xuân Hòa nép mình dưới bóng Trường Sơn này với đời sống vật chất của người nông dân lúc nào cũng khó khăn, phải thường trực đương đầu với những trận bão lụt hằng năm, lại có một cuộc sống tinh thần xuân hòa đến thế. Trong một đêm ca hát cộng đồng hồi Tết năm rồi, có một chuyện xảy ra thật cảm động. Mới 9 giờ đêm, một cô gái trong đám ca tài tử năn nỉ với cha: “Cha cho con hát thêm một bài nữa, để con về cho thằng cu nó bú”. Người cha bảo đứa con gái “Ừ, con hát đi, chú Chi đệm đàn cho con. Nhưng con hát bài chi?” – “Con hát Bến Xuân”. Trong đêm xuân huyền ảo ấy, tiếng hát của út Thẩm tha thướt bay trong mưa phùn như lượn trên non cao xanh thẳm của đại ngàn phía đầu nguồn thương nhớ... Những đêm xuân nồng ấm như thế, thằng Nhi chỉ ngồi nghe ở một góc sân có tàn cây

hoa bằng lăng nở sớm. Con người ở xứ này họ sống hỗn nhiên, nhân hậu như bước chân đi trên mặt đất của hàng nghìn năm trôi qua, như giọt sữa của Thăm mớm cho con sau buổi hát cho người, cho ta như thế. Đêm qua, Nhi ngủ ở đâu? Không ai biết...

Nhưng sáng nay, sau khi đưa đám tang người phụ nữ trở về, Chín Viên gọi: "Nhi ơi, ngồi đây uống cà phê với anh". Nhi bảo "Thưa anh, em không dám". "Cái gì mà không dám, có anh Hoàng ở xa mới về, ngồi qua đây nói chuyện chơi...". Nhi quay nhìn chào tôi rồi bảo: "Em không thể ngồi ngang hàng với các sư phụ, em ngồi đây với mấy em thanh niên, em có thể nói cho anh em nhỏ tuổi hơn em nghe những gì em biết, bởi vì em là người học đạo". Tôi bắt đầu nhìn Nhi với cặp mắt khác, nghĩ khác người ta nghĩ về Nhi. Chín Viên vặn lại: "Tui có dạy chú chữ nào đâu mà chú gọi tui bằng sư phụ?". "Thì anh không dạy em, nhưng anh là những người đọc nhiều, biết nhiều và đã ra đời trước em trên hai mươi năm, thì anh là sư phụ của em chớ gì". Nhi nói rứa rồi cười để lộ hai hàm răng hơi vầu, da mặt sạm nắng, chỉ có đôi mắt Nhi sáng, mỗi lần Nhi nói đôi mắt như xuất thần. Tôi nói: "Bất tặc thiên-bất tặc di vi học". Chín Viên sợ tôi làm Nhi ngỡ ngàng, Chín Viên nói luôn: "Không hiệp được với trời, thì chẳng coi là có học". Nhi chen vào: "Muốn hiệp được với trời, cái tâm phải rộng rang, tâm không chớ anh". Ba chúng tôi cùng cười như đã tâm đầu ý hiệp, tương thông tương giao hồi nào rồi...

Thấy cư sĩ Đồng Thắng bước vào quán, Nhi đứng lên chào, rồi xin phép đi làm việc tiếp. Câu chuyện giữa ba chúng tôi không còn tiếp tục. Nhưng tôi lại được nghe những người anh em trong làng kể về Nhi như một huyền thoại... Tại sao ở vùng này ai cũng gọi Nhi là thằng khùng? Có lẽ người ta nói không ngoa, khi nhìn bề ngoài của Nhi lúc nào cũng chỉ có một bộ áo quần cũ đã rách; một đôi dép nhựa không biết ai sắm cho Nhi đã mòn thủng cả hai gót. Hành trang của Nhi chỉ chừng ấy thứ và hai bàn tay không. Có lẽ nó khùng khùng rùng rùng đó, cho nên Nhi ăn nói chơn chất, hỗn nhiên không giống như ngoài đời. Đã nhiều năm rồi, Nhi lang thang hết làng này qua xóm nọ. Không phải nó đi ăn xin, cũng chưa bao giờ quấy phá ai cả. Đến đâu Nhi cũng nói chuyện học đạo, chuyện nhà Phật, chuyện Tứ diệu đế, chuyện Bát chánh đạo... cả những chuyện nhân nghĩa lễ trí tín, nói chuyện làm người cho đám thanh niên choai choai trong làng trong xóm. Đôi khi, Nhi nói như tiên tri, ông này sắp xuống, ông kia lên, nhưng mấy ai để ý làm chi chuyện ấy. Người ta nói thằng Nhi học ở cha nó, ông Tư Ninh cư sĩ đại diện chùa Viên Quang. Năm ấy, ở cái thời khó khăn, ông Tư Ninh đi buôn gỗ lậu, ông ta tính liếu một phen, "thả một bè lau" gỗ xuôi dòng Thu Bồn. Thằng Nhi biết được, nó cự nự cha nó: "Ông làm việc Phật kiểu chi rứa?". Ông Tư Ninh tưởng con mình trách cứ

vu vơ... Đêm ấy, sông Thu mờ mịt sương mù, bè gỗ lậu của Tư Ninh âm thầm thả trôi xuôi dòng như một thầy ma. Trên bè, Tư Ninh và hai người đồng hành lặng lẽ ôm lấy bóng núi phủ xuống dòng sông như đồng lõa. Bè gỗ vừa trôi đến gành Trung Phước, một loạt đạn AK bắn chỉ thiên nghe chát chúa cả xóm làng. Tiếp theo là tiếng hò lớn "Đưa bè vào bờ, ông Tư Ninh đó phải không?". Tư Ninh thót ruột lên cổ. Bể rồi! Ông ta nghĩ thầm, tụi thằng Lượm, thằng Ngưu thù vật đi báo trạm kiểm lâm... Bè gỗ được kéo vào bờ. Tư Ninh sững sốt khi nhìn thấy thằng con chết tiệt của ông ôm cây súng đứng đó. Ông cúi mặt xuống, giận cầm người. Bến nước ngập nhòa trong ánh đèn pin của nhân viên trạm kiểm lâm Trung Phước quét qua quét lại trên bè gỗ...

Sau vụ bè gỗ, Tư Ninh bị bắt. Thằng Nhi nổi tiếng khùng. Người đời thì bảo thằng Nhi hại cha nó. Người biết chuyện nói thằng Nhi dạy cho cha nó bài học phải sống trong chánh niệm. Dù suy nghĩ theo cách nào Nhi vẫn là Nhi với cái tâm trống không... suy nghĩ đúng đắn (chánh tư duy) rồi hành động chơn chánh, đúng với lẽ phải (chánh nghiệp hay chánh hành), ghi nhớ những điều chánh đáng, điều hay, có lợi cho người, cho mình (chánh niệm). Có lẽ vì thế mà Nhi quyết làm cho cha nó thức tỉnh, học Phật phải làm theo lời Phật dạy. Kể từ hôm ấy, Tư Ninh nhìn con mình như xa lạ, không phải ông ghét Nhi về vụ bè gỗ mà ông cảm thấy như nó lớn khôn từ bao giờ. Ông nhớ lại những ngày Nhi bỏ nhà đi lang thang, Nhi làm điều chi ông cũng không biết nữa. Ông cứ ngỡ, Nhi là đứa con vô tích sự, một đứa con hoang tàng mà trong làng ai cũng bảo "thằng Nhi khùng, con Tư Ninh". Chưa bao giờ Nhi làm mất lòng một ai trong cái làng Xuân Hòa này. Thậm chí, nó từ chối mọi bữa cỗ kỵ dù bất cứ ở đâu với một câu nói như thường lệ "Cảm ơn, con mắc đi học đạo". Không ai biết Nhi học đạo ở đâu, học những gì, mà lúc nào Nhi cũng nói đến. Người ta chỉ thấy Nhi luôn xuất hiện trong những đám tang dù ở đâu, xa xôi đến mấy chục cây số nó cũng cuốc bộ đến giúp tang quyến mọi việc, kể cả việc đào huyệt, đánh trống, gánh nước... Nhi không ngần ngại bất cứ điều chi. Có lần, một đám tang người Phật tử ở tận Tam Kỳ cách xa làng Xuân Hòa hàng sáu chục cây số, khi cư sĩ Đồng Thắng đi xe máy vào đến nơi đã thấy Nhi có mặt ở đó rồi. Ông ta hỏi Nhi: "Mi vô hỏi mô? Sao mi biết...?". Vừa ngạc nhiên, vừa thấy như có điều chi không bình thường ở thằng Nhi. Nhưng Nhi chỉ trả lời một cách nhẹ nhàng: "Con đi học đạo, sư phụ ơi". Từ đó, người chủ chùa làng tôi, cư sĩ Đồng Thắng không còn gọi Nhi là thằng Nhi nữa. Ông ta nói nhỏ với tôi: "Cái hạnh của Nhi giống như hạnh một vị Bồ-tát". Tôi không nghĩ như cư sĩ Đồng Thắng, nhưng tôi tin rằng thằng Nhi làng Xuân Hòa có cái tâm rộng rang, hiếm thấy trong cuộc đời này. ■

Sen

T.N. THU THÚY

1.

Có một vòng đời vừa mở
Trong bước đi nhẹ như không
Đã xa lắm nghìn tù đọng
Nhón chân, hoa thở muôn trùng.

2.

Đóa hoa trắng hơn lòng giấy
Nâng mặt hồ thành trời mây
Hòa lẫn vào chiều vừa đến
Tâm hoa dâng hương nơi này.

Bữa đó trăng về

LÊ LAM HỒNG

Bữa đó trăng về, gió biển khơi
Đồng quê rộn rã tiếng reo cười,
Lúa xanh, nghiêng cả trời thu lại
Phù sa tắm mát những mùa vui...

Bữa đó trăng về, nơi dòng sông
Gió se se lạnh, má em hồng
Chày đôi thậm thịch thom mùa cốm
Cánh cò trắng lóa buổi hừng đông...

Bữa đó trăng về, ngọt tiếng ca
Phum, sóc thức dậy đón mùa hoa
Ngày mai lễ nước về sông Mẹ
Nghe chèo khua “dô ta, dô ta...”.

Bữa đó trăng về, mây dừng che
Dập diu đôi lúa dọc bờ đê
Thương lắm con nước ròng, nước lớn
Vun bồi thêm đẹp nét hồn quê...

Bữa đó trăng về, đẹp biết bao
Mùa trăng ơi, mùa cốm ngọt ngào
Chón quê tình nghĩa mình không thiếu
Bạn đi qua, xin nhớ ghé vào...



Ngát trên lưng đôi

ĐÀM NHƯ

Giữa trưa, đường vắng, không nhà
Một non một nước một ta xa mù
Mấy mùa rụng lá sang thu
Mình riêng một nỗi buồn từ cổ xưa
Khi không, rượu nhạt, hương thừa
Lên, lên dốc mới, đàn tơ phím chùng
Gió nghiêng bờm ngựa rung rung
Sắc không, chữ đã mấy trùng mơ phai
Khi về, rũ tóc ngang vai
Trong mê còn tưởng hoa lài đậm hương
Khi về, dặm cỏ trên nương
Bồng đầu trông xuống chiều phương Tây hồng
Khi về, đời nghi thông dong
Dưới hoa nằm mộng giải lòng từ bi.

Giữa đường thơm

Người từ quây lúa lên nương
Hai vai gánh nặng nhành hương nhân từ
Ta về đọc lại thiên thư
Ngắm bông sim nở rừng thu phong đầy
Cảm ơn bờ bụi quanh đây
Tháng Giêng hoa cải vàng rây trước thềm
Ba nghìn thế giới tây riêng
Tịnh không một cội kê bên thôn đào
Cảm ơn ngày tháng xuân xao
Đôi con chim mộng ra vào vườn mai
Cảm ơn giờ khắc khoan thai
Trăm năm bến đợi dặm dài tuyết băng
Cảm ơn bầu bạn dương gian
Áo gai, hải cò, một gian liễu bờ
Sớm chiều vài hạt lương khô
Tiếng chim ghềnh đá, giọng hò bãi sông.

Khúc hạ vàng

NGÀN THƯƠNG

Tiếng chuông rung khúc hạ vàng
Vân du đỉnh ngự mệnh mang gió chiều
Ngõ chừng thanh khí bay theo
Trần gian huyền nhiệm, dập diu lời kinh...

Vẫn nở anh đào

Những địa chấn vẫn chưa ngừng nghỉ
Xứ Phù Tang vẫn nở anh đào
Niềm thán phục: trên hoang tàn đổ nát
Vẫn bình tâm cấy lại thủa thương đau...

Hạ thương

PHAN THÀNH MINH

Khoác lên mùa hạ chút buồn
Tiếng ve khản giọng yêu thương gọi bầy
Cổng trường khép lại sáng nay
Chùm hoa phượng đỏ trên tay nghẹn ngào

Đầy trời mưa bụi xuân xao
Sầu lên mắt nhớ rót vào hạ cay
Lem xanh trang chữ vui đầy
Giọt lưu bút mặn môi gầy hạ thương

Khoác lên màu nắng sa trường
Ba lô ấm áp mùi hương học trò
Mười hai năm gói tròn vo
Một trang ký ức một tờ lưu ban

Rung rung sắc phượng huy hoàng
Đỏ lên từ ngọn từ nguồn nắng mưa
Nợ sân trường thủa đón đưa
Nợ môi một nụ hôn chưa viên thành.

Người đứng sau

NGUYỄN TRỌNG HOAT

Cô Ba tôi có chồng sớm; đó là hậu quả của điều mà ngày nay người ta hay nói là thiếu hiểu biết để phòng vệ trong quan hệ lứa đôi. Đang cùng học cấp ba trường huyện, anh chị yêu nhau rồi tẩy mấy thế nào mà chị mang bầu. Khi tà áo nữ sinh không còn che được cái bụng lùm lùm thì chuyện mới vỡ lở. Đôi trẻ nước mắt ngấn nước mắt dài cúi đầu xin tứ thân phụ mẫu đại xá, cho được thành thân. Ngày cưới, chị không vào



Luysen

nhà chồng bằng cửa chính mà phải theo lối cửa hậu, với bờ mi dẫm lẹ.

Mười tám tuổi vội ôm con đại cùng đường học dang dở đã níu chị tôi ở lại đồng ruộng. Anh học tiếp lên rồi trở thành công chức. Cơ quan cách nhà gần ba mươi cây số, chiều thứ Bảy anh mới đạp xe về; sáng thứ Hai lại lật đật đi sớm; việc nhà dồn hết cho chị. Việc đồng áng rồi chăm con, lo cho cha mẹ chồng ốm đau dặt dẹo khiến chị lúc nào cũng tất bật, đi cứ như chạy. Nhà mẹ đẻ chỉ cách hai cánh đồng nhưng chị cũng ít về. Anh sớm quen với bàn giấy, dần dà đâm ngại việc chân tay. Về nhà, anh thường giao du, lai rai với bạn bè. Ngay giữa mùa gặt bận rộn, anh cũng chỉ loanh quanh lo cơm nước bởi chị sợ anh không chịu được nắng gặt trên đồng. Cứ thấy anh rứt cổ nhai mặt mỗi khi đặt đòn gánh đòn xóc lên vai là chị chạy lại đỡ gánh liền. Bạn bè nhìn anh chép miệng, ganh tị: “Không biết nhà hần phát mà nào mà sướng dữ!”. Cả bà mẹ chồng, lúc đầu hay hứ háy chị vì tội “ăn cơm trước kẻng”, giờ quay ra bênh con dâu chăm chăm; ngồi đầu cũng vác “con Ba nhà tôi” ra biểu dương.

Trong khi anh rể ngày càng ra dáng đường bệ của một công chức thì chị tôi ngày càng héo mòn sau hai lần sinh nở cùng bao lo toan thường nhật. Người lạ gặp cứ tròn mắt trước dung nhan khấp khiếm của hai người. Hẳn vì lẽ đó mà anh không muốn sánh đôi cùng vợ. Nhiều tiệc vui, chủ nhân “mời anh chị” nhưng anh vẫn độc hành; để khỏi trợ, sau này anh thường dắt con theo. Khi nhà có khách, chị lảng xãng từ đầu tới cuối, chẳng bao giờ cùng ngồi mâm. Khách mời gọi thì chị từ chối; anh coi đó như đương nhiên. Lúc trà dư tửu hậu, các ông thường đem vợ ra khoe, anh thì chẳng bao giờ góp chuyện. Chưa bao giờ thấy anh đưa vợ đi thăm chơi đây đó, cả cơ quan chồng hình như chị cũng chưa biết... Chẳng để tâm điều đó, chị lặng lẽ lo cho anh. Những chiều thứ Bảy anh về trễ, chị ra tận đường đất đỏ dẫn vào làng, ngóng; gặp người quen từ thị xã về, lại hỏi thăm chồng. Sáng thứ Hai, anh trở lại cơ quan, trong túi xách luôn có bánh khô, thức ăn nguội chị gửi theo để anh ăn thêm. Chỉ cần anh nhức đầu sổ mũi hay người nóng hơn bình thường một chút là chị te tái đi tìm lá xông rồi cạo gió, sắc thuốc. Chị lo thái quá, lắm lúc còn bị anh cáu gắt.

Hai con trai chị có nhiều nét giống mẹ, ai cũng bảo thế. Nhưng chị ra về không ưng: “Mũi cao, lông mi dài y chang ba nó; giống gì mẹ!”. Quả là trẻ con có mười hai khuôn mặt, càng lớn hai đứa càng giống ba. Bây giờ, ai bảo thế cũng đồng nghĩa lời khen khiến chị vui ra mặt rồi hào hứng chỉ thêm những điểm con giống ba mà người khác không thấy. Chị còn bảo, khi mang bầu, anh ở xa, chị hay nghĩ về anh nên các con giống ba là phải. Ngặt nỗi, hai đứa học không giỏi như kỳ vọng của ba mẹ. Kết quả học của các cháu chỉ bình bình ở nhóm giữa của lớp. Lúc này, nghe ai hỏi việc

học của con, chị vội nhận phần thay: “Tội nghiệp, chắc đầu óc các cháu giống mẹ; chứ ba chúng đâu tệ thế”. Chị hay than, do lỗi lầm của mẹ mà con khổ lây; nếu không, chắc đời các cháu đã sướng hơn.

Chị vẫn lặng thinh cả khi phong thanh nghe anh lén phéng lập “phòng nhì” trên phố. Nghe em rí tai với vẻ nghiêm trọng, chị đáp gọn lỏn: “Chị biết rồi”. Hỏi sao biết, chị rằng, có những điều chỉ người vợ mới cảm nhận được. Giờ tính sao? Chị im. Mấy bà ưa hóng hớt trong xóm xen vào: “Về nhà thấy vợ đen như cột nhà cháy; đi ra, toàn các em mơn mớn sà vào, hèn chi không tít mắt lại. Lành làm gạo vỡ làm muối, quậy tung bùng cho kinh!”. Chị gạt ngang: “Tắm bảy, xấu chàng hổ ai!”. Biết chuyện, cha chồng đứng về phía con dâu, chỉ mặt con trai: “Mày đổi lòng với vợ, tao chặt giò; khỏi bước vào nhà này!”. Chị chỉ khóc. Sau đó, hình như chuyện tiếp diễn theo chiều hướng có hậu.

Khi anh mua được đất rồi làm nhà trên phố, ai cũng khuyên nên quy về một mối. Có người dọa: “Bà cứ ru rú ở nhà, coi chừng có ngày mất chồng!”. Chị lững khờng bởi ông bà nội sắp nhỏ vẫn kiên trì ở quê. Nhà có mấy anh em nhưng chị bảo anh là con trai cả, ông bà đã quen sống với anh chị. Lý do nữa là chị lo, rời đồng ruộng thì biết làm việc gì, không khéo thành gánh nặng cho anh. Hạ hồi là cuộc phân ly tạm thời, hai con lên phố với ba để tiện đi học, chị ở quê với ông bà. Đến đầu tuần nào chị cũng lóc cóc đạp xe lên thị xã tiếp tế cho chồng con nào gạo, rau, mắm muối. Chị thường nán lại vài ngày quét dọn nhà cửa, mua thức ăn dự trữ cho ba cha con nhét đầy tủ lạnh rồi lật đật về quê. Chị buồn rầu bảo, anh quen việc bàn giấy nhưng vụng nấu nướng, hai con thì lớ ngớ khi vào bếp thành ra cha con cứ lấy mì gói qua bữa. “Ăn thế thì còn sức đâu làm việc, học hành!” - Giọng chị rưng rưng, sắp khóc.

Mới ngấp nghé tuổi năm mươi nhưng chị đau ốm luôn. Bệnh nặng hay nhẹ chị đều bảo dừng cho ba cha con biết, chị không muốn chồng con bận tâm vì mình. Tôi nói, nên gọi anh về đưa đi khám; chị lưỡng lự: “Lúc nào anh cũng kêu bận công việc, không tiện đâu”. Cần lắm chị mới nhờ các em dùng xe máy đưa lên đường cái để đón xe đi bệnh viện; thường thì chị đạp xe lên gửi nhà người quen rồi sang xe đò tìm đến bác sĩ. Chứng thoái hóa cột sống khiến chị đi lại lật bật, xiêu vẹo trông thật khổ nhưng việc nhà cứ giăng ra đây, chị không thể ngồi yên. Anh về, hỏi thăm rồi động viên “bệnh thì cố gắng chữa”; thế thôi, chứ chẳng giúp vợ được gì. Tính chị ít kể lể nên chắc anh chẳng tưởng sức khỏe của vợ. Nơi buồng riêng, giường ngủ thì không biết nhưng thường ngày anh chị ít trò chuyện cùng nhau. Việc tũn mủn trong nhà ngoài đồng của chị, chắc anh chẳng muốn nghe. Chuyện trong nước, thế giới với những thành tựu kinh tế xã hội, những cuộc xung đột, những phát minh mới

của nhân loại mà anh thường hào hứng san sẻ cùng bạn bè bàn nhậu mỗi khi về, chị không thể góp lời. Đã thế, vào những dịp đó, chị thường ngồi chờ rồi gào gặt nơi xó bếp, đợi anh xong bữa rượu mới thu dọn, đi ngủ. Lắm bữa anh quá chén, chị lại cuống cuống đi pha nước chanh, lấy vôi quẹt vào bàn chân cho anh đỡ ngứa.

Dù đau nhưng với chiếc xe đạp cà tàng, chị vẫn đều đều lên thị xã thăm chồng con mỗi tuần. Tai nạn bất ngờ trên đường đã cướp mất chị trước sự ngỡ ngàng, bàng hoàng của người thân. Chẳng ai tin cái chết đến với chị đơn giản thế. Ai cũng bảo đời chị khổ. Mẹ mất sớm, chị bắt đầu đi thành "mẹ" của ba chị em tôi; rồi cây bút quyen vở đã lo việc nhà chồng cho tới lúc đột ngột ra đi.



Vợ mất, anh rể tôi càng hay về quê thăm cha mẹ, viếng mộ vợ. Nhiều bữa anh ngồi bên mộ chị nơi trảng cát sau làng, với điều thuốc lập lờ trên môi cho đến khi sương giăng mờ trên những răng phi lao. Lâu, thật lâu sau ngày chị mất, anh vẫn chưa lấy lại được thăng bằng; người xơ xác như thân cây vừa qua cơn bão lớn. Tóc anh bạc nhanh ngó thấy, đôi mắt trũng sâu lại ngân ngấn nước mỗi khi nhắc tới vợ.

Tôi ghé thăm anh và các cháu, thấy thật thảm cảnh. Từ phòng ăn tới phòng ngủ, buồng tắm bữa bộn chằng khác căn lán tạm của công nhân xây dựng là mấy. Anh ngăn lại khi tôi định ngồi xuống ghế rồi vội lấy khăn lau mặt ghế đầy bụi. Chẳng có ly sạch nên hai anh em cầm lon nước ngọt bật nắp, đưa luôn lên miệng. Tiếp em vợ dưới quê lên, anh tức tốc chạy ra chợ mua thức ăn; khi nấu mới thấy thiếu thứ nọ thứ kia, lại phóng xe đi tiếp. Anh phải đi lại ba lần như thế mới đủ thực phẩm, gia vị cho bữa cơm với món mặn nhạt, món nhạt hoét cứ như chúng đã kích nhau. Anh bảo, buồn mỗi khi về nhà, các con đi học đi làm, nhà vắng ngắt, bếp lạnh tanh; nhiều lúc chẳng biết nói chuyện với ai. Anh thở dài: "Lắm bữa đi nhậu về khuya, thêm bát canh rau lang kinh khủng nhưng chẳng biết làm sao!". Anh ngược nhìn bàn thờ vợ, mắt ánh lên đau thương, tiếc nuối.

Sau ngày mất tang chị, tôi lựa lời nói với anh: "Các cháu đã lớn, rồi có phần của chúng. Anh chưa tới năm mươi, cũng nên có người bầu bạn lúc tuổi già...". Anh nhả mặt, xua tay không cho tôi nói tiếp. Anh thử người, mắt buồn nhìn xa xăm, giọng đau xót như nói với chính mình: "Người ta bảo, đằng sau sự thành đạt của người đàn ông có một người phụ nữ; đã nhiều lần nghe thế nhưng tôi chẳng soi vào mình; giờ thấm thía thì muộn mất rồi. Có lẽ tôi chẳng tìm được người phụ nữ thứ hai như cô ấy đâu. Buồn lắm, cậu à!". Anh khóc, lệ nhòe trên khuôn mặt dóm dỏ. Giọng đầm nước, anh kể về những ngày anh chị cùng ở trọ, học cấp ba trường huyện. Anh bảo, nhớ mãi những sáng mùa đông, chị chờ bó củi che lấp cả người xuống chợ bán rồi mới vội vàng đến lớp. Lắm hôm chị đến trễ, cổng trường đóng, phải co ro đứng ngoài. Anh ngồi trong lớp nhấp nhẩm lo nhưng chẳng biết làm sao; may mà thầy giám thị thương tình, hé cổng cho chị vào. Rồi có mùa lụt, nước trắng băng các ngã đường, hết gạo nhưng anh không thể về nhà, đói hoa mắt. Chị san sẻ cho mấy củ khoai lang luộc, anh ăn ngấu nghiến, mắc nghẹn đến há mồm trợn mắt khiến chị hốt hoảng... Những chuyện còn con như thế, tưởng đã quên, nay trời dậy khiến anh từng đêm mất ngủ.

Giờ đây, anh đã giao nhà trên thị xã cho con, về ở quê. Chiều chiều, dù nắng hay mưa, anh lại lần bước trên con đường đông nhầy nhựa bùn để qua trảng cát sau làng, thắp hương cho vợ. ■

Hãy một lần vào viếng lăng Ông

Bài và ảnh: PHỎ DAO

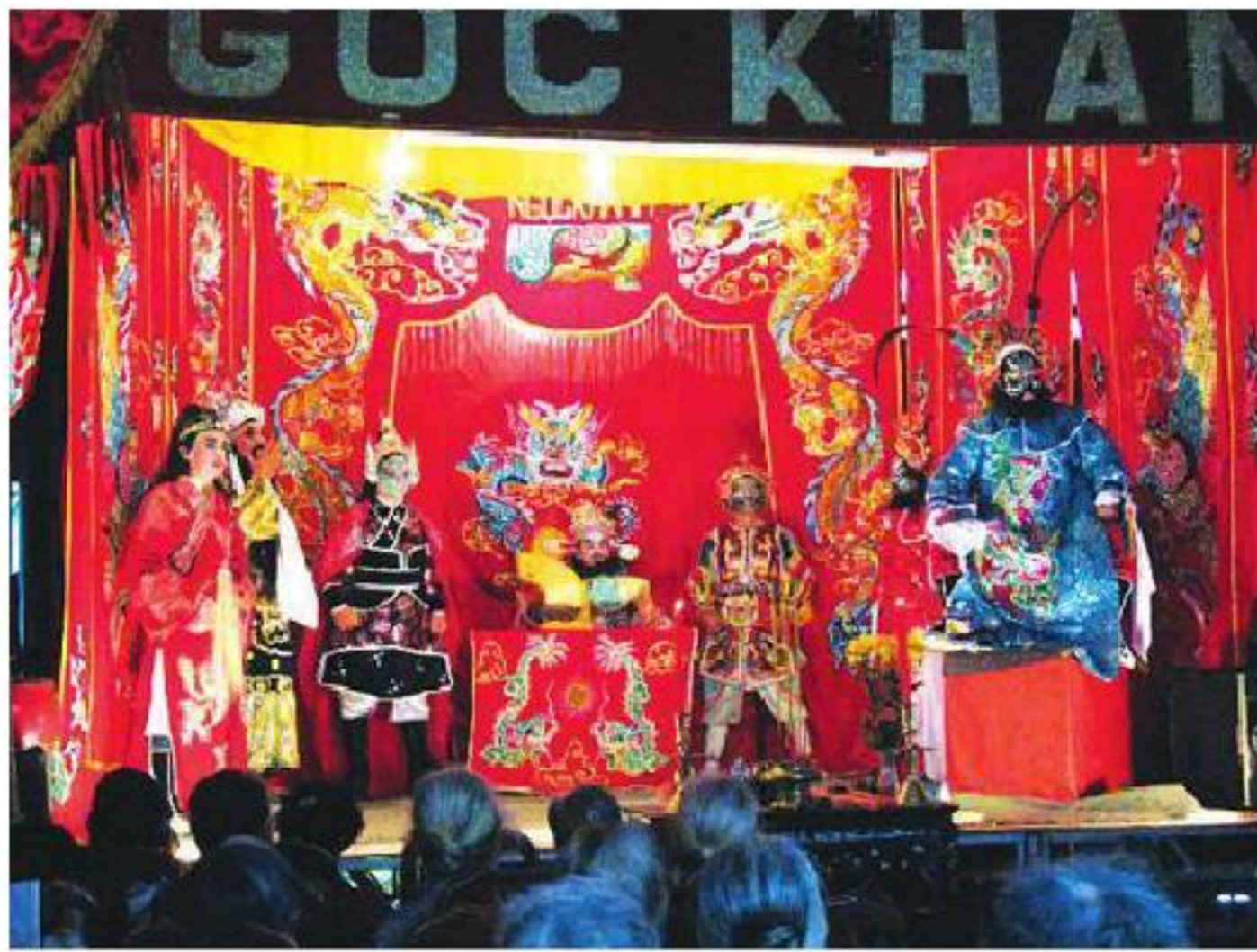
Lăng Tả quân¹ Lê Văn Duyệt (1764-1832), thường gọi lăng Ông hoặc vì nằm ngay cạnh chợ Bà Chiểu nên còn được gọi là lăng Ông Bà Chiểu cho tiện chứ Ngài không liên quan gì đến Bà Chiểu - tên vị nữ thần theo tín ngưỡng dân gian mà người xưa đặt cho vùng đất này. Nhà văn Sơn Nam lúc sinh thời đã cho biết, địa danh Bà Chiểu chỉ mới xuất hiện vào thời vua Tự Đức (1829-1883) và “chiểu” có nghĩa là đĩa nước. Bà Chiểu là nữ thần được thờ bên hồ nước thiên nhiên để phù hộ cho dân cư trong vùng.

Lăng Ông nằm trên một khu đất vuông vức cao ráo rộng gần hai héc ta (trước kia khi chưa có các con đường xung quanh, lăng có diện tích rộng gấp đôi bây giờ) cổng chính là cổng Nam có địa chỉ ở số 1 đường Vũ Tùng, phường 1, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh; ba mặt còn lại gồm cổng Tây tiếp giáp với đường Đinh Tiên Hoàng; cổng Bắc trên đường Phan Đăng Lưu rất đông xe cộ và cổng Đông trên đường Trịnh Hoài Đức là khu buôn bán sầm uất gắn liền với chợ Bà Chiểu. Mảnh đất này, được chọn làm nơi an nghỉ của Lê Văn Duyệt khi Ngài quy tiên ngày 30 tháng Bảy năm Nhâm Thìn 1832, thuộc địa phận làng Bình Hòa, tổng Bình Trị, huyện Bình Dương, phủ Tân

Bình, tỉnh Gia Định xưa. Năm 1988, lăng Ông được Nhà nước xếp hạng di tích lịch sử-văn hóa quốc gia.

Cổng chính vào lăng chính là một tam quan thật duyên dáng được xây dựng năm 1949 theo thiết kế của kiến trúc sư Nguyễn Văn Tấn với hai tầng mái lợp ngói đỏ âm dương, phía trên có đắp nổi ba chữ Nho “Thượng công miếu”. Quanh tam quan có vài cây thốt nốt cổ thụ vươn tán tròn lên trời, chỉ dấu của đất Phú Nam, Chân Lạp xưa, gợi nét vu vơ buồn cho những kẻ tha hương theo chân chúa Nguyễn mỗi khi đến đây. Tam quan cũng là hình ảnh tiêu biểu của lăng Ông được in trên rất nhiều ấn phẩm như sách báo, bìa lịch, bưu thiếp, tem thư; kể cả trên tờ bạc 100 đồng phát hành năm 1966 của Việt Nam Cộng hòa (mặt còn lại in hình Đức Tả quân). Chẳng vậy mà trước 1975, tam quan của lăng Ông đã từng được chọn làm biểu tượng của Sài Gòn - Gia Định.

Qua tam quan, khách hành hương đã bước vào một khuôn viên rộng thoáng có hòn non bộ, có các lối đi dạo lát đá xanh rộng rãi chạy ngang chạy dọc qua những bồn cỏ dưới bóng cổ thụ râm mát. Phía bên trái khuôn viên nhìn từ ngoài vào là khu vực nhà bia, mộ, và miếu thờ Lê Văn Duyệt.



Bên trong, bức tường gạch chần song gồm hình con triện tráng men lục bảo bao quanh khu vực nhà bia và hai ngôi mộ như hai nửa quả trứng ngỗng cắt dọc kích cỡ bằng nhau của Đức Tả quân và chính thất Tả quân Phu nhân Đỗ Thị Phận song táng theo lối "càn khôn hiệp đức". Hàng ngày, người dân tứ xứ vẫn đến thắp nhang khấn trước mộ để cầu an, cầu tài, cầu lộc. Qua cổng nhỏ màu đỏ trước khi vào mộ có một nhà bia lợp ngói âm dương, mái có tượng rồng gốm, điểm soi sứ men lục bảo, bên trong đặt tấm bia bằng đá đen khắc bài văn ca ngợi công nghiệp của Lê Văn Duyệt do Thái Xuyên Hoàng Cao Khải chấp bút.

Quanh mộ là bức tường thành cao 0,8m; kích thước 14,5 x 12m được xây bằng đá ong tô vữa ô dước². Vòng ngoài bức tường thành lại có một bức tường gạch tô xi măng theo kiểu Tây (làm sau), chần song hình con triện gốm men lục bảo trông vừa chắc chắn vừa nhã nhặn. Trên đầu của mỗi trụ lại được trang trí một tượng con nghê bằng gốm men lam rất vui mắt, giảm bớt sự thô chặc của bức tường.

Một khoảng sân rộng đặt những lò hóa vàng và hai lư hương cấn mảnh sứ men lam cổ ngăn cách khu mộ và nhà bia với mặt trước của ngôi miếu thờ được xây dựng năm 1937, gồm ba khối nhà: tiền điện, trung điện và hai chính điện (cũ và mới). Mỗi khối lại được gián cách bởi một giếng trời (thiên tình) vừa thoáng, vừa sáng sủa, bớt cảm giác âm u thường có trong các đền miếu truyền thống. Nhìn từ ngoài, khoảng cách giữa hai lớp mái lớn bên dưới có gắn một bức hoành phi đề dòng chữ nho lớn "Thượng công linh miếu" thể hiện đúng tên chữ của lăng Ông.

Bên trong các khối nhà là không gian đặt án thờ linh vị, chân dung, và tượng Lê Văn Duyệt được trang hoàng nhiều hoành phi, câu đối sơn son thếp vàng trích từ các điển cổ Tam giáo cùng nhiều đồ nội thất cổ gồm tủ thờ, sập gụ, võng, lư đồng, bát bửu³, lỗ bộ⁴ và nhiều cổ vật vô giá, được nhiều thế hệ nghệ nhân chế tác rất công phu, tinh xảo.

Tiền điện thường gọi là "nhà hương" có mặt bằng sàn hình vuông mỗi chiều 12m, có kết cấu khung sườn theo kiểu nhà rường Huế truyền thống gồm bốn cột cái bằng gỗ lim lên nước đen bóng và mười hai cột biên đỡ hai mái lầu rất chắc chắn, thoáng mát. Tất cả được thiết kế theo kiểu nhà kép, gọi là "trùng thiềm điệp ốc" (mái chồng mái, nhà nối nhà) theo khuôn mẫu các cung điện, lăng tẩm ở đất Thần kinh. Mặt trước của nhà hương được lắp dàn cửa gỗ mười bốn cánh kiểu "thượng song hạ bản" cũng có tác dụng thông gió rất tốt dù cửa đã đóng. Các phần bên của giàn cửa được trang trí bằng phù điêu gỗ hình tượng "ngũ phúc" (năm con dơi) màu vàng nổi bật trên nền sơn đỏ. Chính giữa là án thờ sơn son thếp vàng để đặt linh vị, đỉnh đồng lớn và nhiều đồ cổ khác. Dưới thấp hơn là hương án cũng đặt bộ đỉnh đồng nhỏ hơn, gắn bằng kim loại ghi dòng chữ Quốc ngữ "Đức Thượng công Tả quân Lê Văn Duyệt 1764-1832 - Tổng trấn Gia Định thành".

Trung điện là tòa nhà thứ hai của miếu thờ cũng được đỡ giàn khung, mái bằng bốn cột gỗ lim đen lớn, bài trí nhiều hoành phi câu đối, võng, long thêu kim tuyến rất lộng lẫy. Án thờ bằng gỗ lim lớn đặt linh vị được trang trí chạm khắc họa tiết rất cầu kỳ hình tứ linh, cỏ cây, hoa lá và hai cặp ngựa voi cổ rất lớn. Hai bên tả hữu còn có tượng ngựa, hổ, các đàn bát bửu, lỗ bộ, nhiều đồ thờ tự cổ rất quý giá.

Qua khoảng giếng trời là chính điện cũ có đặt hình chân dung Lê Văn Duyệt trên án thờ lớn ở giữa. Bên trái đặt bàn thờ Kinh lược sứ Nam Kỳ Phan Thanh Giản (1796-1867). Đối xứng là bàn thờ Lê Chất (1769-1826), Tổng trấn Bắc thành (cai quản tất cả các tỉnh Bắc Kỳ từ Ninh Bình trở ra. Chính điện cũ (1937) cũng theo kết cấu giàn khung như tiền điện và trung điện nhưng bốn cây long trụ bằng gỗ lim lớn đều chạm nổi hình rồng suốt từ chân đến đầu cột rất mềm mại tinh xảo. Chân của các long trụ đều được chạm khắc hoa lá sơn son thếp vàng, gói lên bệ đá đỡ cột hình chậu hoa chắc nịch nhưng thanh tú. Có rất nhiều đồ

thờ cúng, các đàn bát bảo, lỗ bộ thật sắc sảo cầu kỳ làm gia tăng cảm giác quyền uy của nhân vật được thờ tự.

Từ chính điện cũ lại có một khoảng sân thiên tỉnh nối với chính điện mới được xây dựng năm 1973 theo đề án thiết kế của kiến trúc sư Mohamed Hamin, người Ấn Độ, và hai cố vấn kỹ thuật người Việt là kỹ sư Ngô Mẫn và giáo sư Nguyễn Văn Long. Tuy có mái cao hơn, kết cấu hiện đại đồ sộ nhưng hình thể của nó rất hài hòa với các khối nhà cũ. Bốn long trụ bê tông cốt thép chạm nổi hình rồng, sơn son thếp vàng rất bề thế, rực rỡ đỡ các tầng mái không khác gì các khối nhà cũ.

Trong chính điện mới có án thờ rất đường bệ đặt linh vị của Đức Tả quân. Đặc biệt có tượng đồng của Ngài cao 2,65m, nặng 3 tấn do nhà điêu khắc Phạm Văn Hạng sáng tác phỏng theo hình Ngài in trên tờ bạc 100 đồng đã nêu ở trên. Trong sân thiên tỉnh có gắn bia ghi công Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, đặc biệt là gia đình ông Bạch Quang Huệ - người đã phụng hiến bức tượng, được đặt chính thức ngày 28 tháng Chạp, Đinh Hợi (2008).

Cũng như chính điện cũ, chính điện mới, ngoài tượng đồng Lê Văn Duyệt, còn có đặt cả án thờ Kinh lược sứ Phan Thanh Giản và thiếu phó⁶ - Tổng trấn Bắc thành Lê Chất ở hai bên tả hữu. Sinh thời, Lê Văn Duyệt và Lê Chất là quan đồng triều và là bạn thân đã từng sát cánh bên nhau đánh đông dẹp bắc, quên mình phò chúa (Nguyễn Ánh) nhưng cả hai đều bị vua Minh Mạng truy tội mưu phản, đến thời Tự Đức mới được phục chức, truy phong. Còn Phan Thanh Giản sinh sau đẻ muộn hơn hai nhân vật trên cũng đã bị Tự Đức quy tội để mất Vinh Long, An Giang, Hà Tiên năm 1867. Phan còn bị dân tình oán trách "Phan, Lâm mãi quốc...". Nhưng xét tương quan giữa quân của triều đình thời Tự Đức lạc hậu, cổ hủ, bảo thủ - so với một đội quân được trang bị vũ khí tối tân hiện đại của nước Pháp công nghiệp hóa - khác gì "trứng chọi đá", có đến mười Phan cũng không thay đổi được thế cờ. Cuối cùng, người dân ở Nam Kỳ dần dần cũng hiểu được tấm gương trung liệt của Phan Thanh Giản nên Ban Thượng Công quý tế (thành lập năm 1914) đã lập án thờ Phan ở đây để các ngài được bên nhau mãi mãi.

Mặc dù mới xây năm 1973 nhưng nội thất của chính điện mới cũng có giàn cửa mười sáu cánh bằng gỗ quý được chạm hình tứ linh (long, lân, quy, phượng) sơn son thếp vàng rực rỡ. Hai bên tả hữu và mặt trước án thờ đều có đặt các đàn bát bửu, lỗ bộ uy nghi.

Nằm song song và chỉ cách một hành lang trong của khối nhà chính là dãy Đông lang mé chợ Bà Chiểu và Tây lang mé đường Đinh Tiên Hoàng. Đông lang và Tây lang là nơi thờ các anh hùng tử sĩ vì quốc vong thân, tiên hiền, hậu hiền, tiên vãng, hậu vãng và một tiểu hý trường nơi diễn các vở tuồng nhân dịp lễ giỗ của Đức Tả quân vào ngày 30 tháng Bảy⁷ âm lịch hàng năm như *Phụng Nghi Đình*, *Phàn Lê Huệ phá Hống thủy trận*, *San Hậu* mà sinh thời, Lê Văn Duyệt hằng yêu thích. Tương truyền, vở *San Hậu* do chính Lê Văn Khôi là con nuôi của ngài nhuận sắc.

Nếu trong nội thất của linh miếu có rất nhiều cổ vật, đồ thờ tự vô giá được giữ gìn gần như nguyên vẹn, lại luôn được bổ sung suốt quá trình hàng trăm năm, gây sự ngạc nhiên thích thú cho du khách và người hành hương bao nhiêu thì vẻ đẹp độc đáo của nghệ thuật kiến trúc và trang trí Huế ở ngoại thất hấp dẫn bấy nhiêu. Mái nhà được lợp bằng ngói âm dương màu đỏ và có chỗ bằng ngói trắng men lam và điểm soi hiên mái bằng gốm men lục bảo. Trên nóc mái của tất cả các khối nhà đều được trang trí bằng các tiểu tượng lưỡng long tranh châu, hổ lô, chim công, dơi, hoa, lá, cá chép hóa rồng bằng gốm men màu trên nền mây, nước cảnh sành sứ. Trên hai mũi đao tiền điện gần tượng hai con rồng đối xứng nhau là hai tiểu tượng ông Nhật tay cầm mặt trời, bà Nguyệt tay cầm mặt trăng bằng gốm men màu có nét mặt, ánh mắt giao cảm với người nhìn, trong tư thế sinh động như múa, khác hẳn mô típ cùng loại ở nhiều đền miếu khác như "Miếu Thiên Hậu"⁸ hoặc Tuệ Thành hội quán⁹ v.v. Tất cả đều là sản phẩm của các lò gốm Sài Gòn xưa.

Hai bên tường đầu hồi của tiền điện, Đông và Tây lang được trang trí các hình gấu ó, bắt tiên, phúc lộc thọ, hoa lá, "long mã phụ Hà đồ"¹⁰ thật ấn tượng. Từ tiền điện đi ra phía sau, trên các bức tường cũng đều có những phù điêu cần sứ nhưng là những bình, ấm tích, đĩa cổ đập vỡ thành hai, ba mảnh lớn được cắm vào vữa thành những hình tượng hoàn hảo kích thích sức tưởng tượng của người xem. Lần nào đến đây, Phó tôi cũng phải đứng ngắm rất lâu, thẩm cảm phục tài năng của các nghệ nhân đất Thần kinh xưa.

Một câu hỏi đặt ra, những mảnh sứ này ở đâu để đủ cần thành nhiều bức họa như vậy? Có phải người ta đi thu gom mảnh sứ vỡ ở khắp nơi như mua ve chai về để cần? Ông Trần Văn Sung, hiện là Trưởng ban quý tế lăng Ông, lắc đầu nhìn Phó tôi cười: "Không! Người ta phải mua các chén, đĩa, bình sứ còn nguyên vẹn rồi đập vỡ ra để làm vật liệu cần. Các đồ sứ này bây giờ không có để mua và rất đắt tiền". Sau khi ông nói, Phó tôi liền dán mắt vào một vài mảnh sứ viền trên cửa Đông lang và thốt lên: "Giang Tây!". Ông Sung cười, gật đầu. Đến lúc này thì Phó tôi không thể không liên tưởng những đồ sứ men lam trưng bày ở Bạch Dinh, Vũng Tàu được vớt lên từ một thương thuyền cổ bị đắm ở Hòn Cau hồi năm 1990, 1991 mà mỗi thứ có giá hàng ngàn đô la Mỹ. Nhìn lên phía trên tường đầu hồi còn ghi năm xây dựng 1937 thì tôi hiểu hồi đó mới có những đồ sứ này, bây giờ chắc là bó tay! Phó tôi lại liên tưởng nghề cần sứ ở Huế ngày xưa còn lại trên các lăng, miếu, bình phong, cung điện. Thật khó có thể quên những hình trang trí bằng nghệ thuật cần sành sứ công phu trên cổng cung An Định; bình phong của các phủ, đệ; các chùa, lăng tẩm của các vị hoàng đế ở Huế khi người ta được ngắm nhìn. Nghề cần sành sứ cách đây chỉ vài chục năm tưởng chừng bị mai một thất truyền thì nay lại hồi sinh. Có phú quý mới có lễ nghĩa. Những ngôi mộ tiền tỷ của người dân Huế ngày nay, chùa Linh Phước

Đà Lạt và nhiều công trình kiến trúc truyền thống khác ở khắp nơi được trang hoàng bằng nghệ thuật độc đáo này. Tuy nhiên, chính điện mới, 1973, tuy có đồ sộ hài hòa với khối cũ, 1937, nhưng nhìn kỹ mới thấy những mảnh sứ cấn trên nóc mái, các mũi đao ở đây trông thô hơn nhiều. Bởi, chúng chỉ là những mảnh gốm bình thường sản xuất tại các lò Biên Hòa, Bình Dương chứ không được đập ra từ những đồ sứ Giang Tây hoặc kém lắm thì cũng là Bát Tràng, Chu Đậu ngày xưa...

Kể từ đầu thế kỷ 20 đến nay, làng Ông đã qua 9 lần trùng tu. Đó là các năm 1925 mở rộng chính điện; 1937 xây tiền điện, Đông và Tây lang; 1948 xây tường thành quanh miếu; 1949 xây tam quan, phòng khách; 1954 xây đình Hòa Bình; 1964 xây nhà kho (hý viện bây giờ), mái che đình Hòa Bình; 1973 xây chính điện mới; 1994 sửa chữa một số chi tiết hư hỏng; 2009 sửa miếu thờ, khuôn viên, lát đá lối đi, trám uynh thành, xây hệ thống thoát nước. Nhưng chỉ có lần trùng tu mở rộng năm 1937 dưới sự cho phép của Thống đốc Nam Kỳ Pierre André Pagès và sự đề xuất của Tỉnh trưởng Gia Định Louis Berland lúc bấy giờ, với một danh sách hàng trăm người Việt, Hoa, Pháp cúng tiến là có quy mô hoàn chỉnh nhất mà ta thấy ngày nay.

Thật ra, mỗi lần vào làng Ông, ta cũng chỉ như kẻ "cưỡi ngựa xem hoa". Càng tìm hiểu ta càng thán phục những gì nhiều thế hệ tổ tiên đã làm còn lưu giữ đến bây giờ. Nhưng chính tài năng và cốt cách của người được thờ phụng từ 1832 đến nay mới là điều khiến ta suy nghiệm về phẩm chất của người lãnh đạo. Với vai trò đứng đầu Gia Định trấn, Lê Văn Duyệt đã biến câu châm ngôn "dân vi quý" đăi bôi của Nho giáo - như "dân làm chủ" bây giờ - thành hiện thực bằng cách khoan sức dân (kể cả ngoại kiều), khuyến khích họ làm ăn buôn bán; tự do tín ngưỡng, nghiêm trị quan lại những nhiều, hối lộ v.v. Vì thế, Gia Định trấn dưới quyền Ngài là vùng đất yên bình, thịnh vượng, phát triển nhất so với cả nước.

Và giống như Bao Công, cũng chính Đức Tả quân là

người đã biến một câu châm ngôn không tưởng "luật pháp bất vi thân" (mà thời nào người ta cũng hô hào có cho có) trở nên hiện thực bằng hành động xử trảm Huỳnh Công Lý (?-1821) - Phó Tổng trấn Gia Định, là một trong 64 ông bố vợ của vua Minh Mạng, về tội tham ô ba vạn quan khi chỉ huy hai dự án đào kênh ở Định Tường cùng lợi dụng sức lính xây dựng tư dinh và ba lò gạch ở Huế để tư túi.

Phẩm chất của một vị quan đầu tỉnh như Đức Tả quân Tổng trấn Gia Định Lê Văn Duyệt là niềm mơ ước của nhân dân từ xưa cho đến tận bây giờ.



Chú thích:

1. Tả quân. Một trong năm đạo quân (ngũ quân) triều Nguyễn gồm 2 vệ: tả bảo nhất, tả bảo nhị, cả 2 vệ có 10 cơ (mỗi cơ có quân số từ 200 đến 400 người).

2. Ô dước. Một thứ vữa (hồ) xây dựng độc đáo của người xưa được sử dụng để xây lăng mộ ở các tỉnh từ Thừa Thiên Huế trở vào đến Nam Bộ. Hợp chất ô dước gồm: 1. vôi (vôi sống, vôi tôi), vỏ nghêu, sò, san hô giã vụn; 2. nhựa vỏ cây ô dước (bời lời), nhựa dây tơ hồng; 3. cát, sạn (ở

khe suối); 4. bông gòn, giấy dó hoặc xơ tre, nứa tán vụn; 5. than hoạt tính...

3. Bát bửu. Tám món quý báu của Bát Tiên cầm trên giá gồm: 1. hồ lô và gậy; 2. cây lọng; 3. quạt và phát chùy; 4. gương và phát chùy; 5. giỏ hoa lam; 6. hoa sen; 7. ống sáo; 8. cặp ngọc bân.

4. Lỗ bộ: đồ binh khí cổ cầm trên giá để trấn nơi cửa quan, hay ở các đền miếu, chùa đình làm tăng vẻ uy nghiêm, long trọng, gồm: 2 thanh mác trường, 2 ngọn cờ tiết mao, 2 dùi đồng, 1 xà mâu, 2 long đao, 2 trường kiếm, 1 tứ nhĩ và 1 đỉnh ba, v.v.

5. Kinh lược (đại) sứ. Chức tước cho các quan đại thần thay mặt nhà vua đi giải quyết công việc quan trọng hoặc khẩn cấp ở nơi khác bên ngoài kinh đô.

6. Thiếu phó. Tước vị thứ hai trong tam cô; hàm nhất phẩm văn giai, phong cho người có võ công với triều đại. Trường hợp Lê Chất được truy phong sau khi sửa án oan.

7. Lê Văn Duyệt mất ngày 30 tháng 7 Nhâm Thìn (28 tháng 8 năm 1832).

8. Quận 1, TP.HCM.

9. Quận 5, TP.HCM.

10. Long mã phụ Hà đồ. Tích vua Phục Hy (2852-2737 trước CN) Trung Quốc, gặp con long mã (nửa rồng nửa ngựa) trên sông Hoàng Hà mang trên lưng một bức vẽ (đồ) biểu tượng cho nguồn gốc càn khôn vũ trụ. Long mã phụ Hà đồ được sử dụng làm hình trang trí phổ biến trong kiến trúc tôn giáo Á Đông và Việt Nam. ■



Lời cảm ơn cuộc sống

Được tin con trai bị tai nạn lao động phải vào bệnh viện băng bó nhưng đã được cho về nằm tĩnh dưỡng ở nhà trọ, tôi vội vàng từ Trà Vinh lên Sài Gòn thăm con. Đến Bến xe miền Tây, tôi cầm tờ giấy ghi địa chỉ của cháu ở quận Tân Phú đi hỏi thăm cách nào theo xe buýt đến chỗ cháu ở thì mọi người đều khuyên nên gọi xe ôm đi cho tiện. Tiền xe ôm hơn một trăm ngàn đồng! Đến trước một quầy bán trà đá, tôi hỏi chị bán nước một lần nữa xem chị ấy có thể biết cách chọn xe buýt hay không. Trong lúc đang tiếp tôi thì có một người chở hàng đến cho chị. Ông này nghe nói tôi muốn về Tân Phú bằng xe buýt, và biết tôi đi thăm con bị tai nạn lao động, liền bảo, “Xong việc tôi cũng về Tân Phú; tôi có thể cho ông quá giang và sẽ lấy của ông mười ngàn đồng; còn đi xe buýt thì chưa quen như ông có thể bị lạc, lại mất công hơn”. Mừng quá, tôi vội vàng đưa tờ giấy ghi địa chỉ cho người ấy. Ông ta chỉ xem qua rồi dặn tôi chờ khoảng nửa tiếng. Thế mà chưa tới mười lăm phút sau, ông ấy đã quay lại bảo tôi lên xe, lúc này đã không còn hàng hóa. Cho xe chạy một quãng, ông ấy nói, “Quận Tân Phú rộng lắm, chỗ con của ông ở trọ giáp huyện Hóc Môn mà tôi ở giáp quận Mười một, cách nhau cả chục cây số chứ không ít. Nhưng không sao, tôi giúp ông”. Sau gần nửa tiếng, ông ấy chở tôi đến đúng con đường theo địa chỉ, lại hỏi thăm người dân tại chỗ để đến được đúng căn nhà trọ của con tôi nằm trong một cái hẻm nhỏ gần nơi đất trống cuối con đường. Khi tôi lấy ra tờ hai chục ngàn để trả tiền xe thì ông ấy cười cười bảo, “Nói thế thôi, lấy tiền của ông làm chi. Coi như tôi tặng con trai của ông vài trái cam uống nước cho khỏe”. Dứt lời, ông ấy rờ ga chạy thẳng. Tôi ngẩn ngơ nhìn theo dáng khắc khổ ngồi xiêu vẹo trên chiếc xe cũ kỹ của ông ấy mà lòng rưng rưng. Xin cảm ơn đời vẫn luôn có những con người sẵn lòng Bò-tát.

Thạch Văn Kiến, thị trấn Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

Tôi vào thăm đứa cháu chưa được một tuổi bị bệnh bẩm sinh đang điều trị trong Bệnh viện Nhi Đồng. Ở giường bệnh bên cạnh, tôi thấy có một cháu bé cũng chỉ mới vài tháng tuổi nằm bất động trên một cái nôi, từ chi bị buộc căng ra để giữ cho cháu không quơ quào giãy giụa, trên người đầy những dây nhợ truyền dịch. Lát sau, có một người phụ nữ khoảng ngoài năm mươi tới tháo dây cột tay chân cháu bé rồi bồng cháu bé lên thay quần áo cho cháu, cử chỉ và thái độ rất âu yếm. Tôi hỏi, “Di là bà nội hay bà ngoại?”. Người đó trả lời không phải và cho biết đứa trẻ này có bệnh bẩm sinh bị cha mẹ bỏ rơi, được bệnh viện và một cơ quan từ thiện cùng nuôi dưỡng; bà là nhân viên xã hội đã về hưu, tình nguyện đến giúp việc cho cơ sở từ thiện đó, được phân công nuôi giúp đứa trẻ. Trò chuyện với bà, tôi được biết có không ít trẻ sơ sinh bị cha mẹ bỏ rơi vì nhiều lý do; hầu hết các cháu đều được các bệnh viện cùng với một số cơ sở từ thiện nuôi dưỡng. Ngoài những nhân viên làm việc có hưởng lương, số người làm việc tình nguyện như bà cũng không ít. Bà có cho tôi một vài địa chỉ, hầu hết đều do các ni cô hoặc các soeur nữ tu phụ trách. Thù ra trong xã hội có quá nhiều tấm lòng và cũng không hiếm người hằng tâm, sẵn sàng góp phần xoa dịu những nỗi đau của con người. Tôi cảm ơn cái duyên đã cho tôi có được buổi trò chuyện hôm ấy, giúp tôi nhìn xã hội bằng cái nhìn thực tiễn hơn, bớt hằn học vì hoàn cảnh riêng mình, mà bắt đầu biết mở rộng lòng ra nghĩ đến người khác. Tôi xin chia sẻ tâm sự này với các độc giả của báo Văn Hóa Phật Giáo.

Nguyễn Thị Thu, giáo viên mầm non,
Q.12, TP. HCM.



Canh hoa thiên lý nấu măng vôi

HOÀNG ANH - PHÚ XUÂN

Canh hoa thiên lý là món canh thơm mát, thanh tao rất hợp vào mùa hè. Canh không sử dụng nhiều gia vị, mà chỉ nấu với nước dùng hầm từ củi bắp và rau củ, kết hợp một ít măng vôi là những nhánh măng non đâm ra từ những mắt tre và chỉ nêm một chút muối rang là loại muối sống nguyên chất đem rang lên cho thành bột mịn...

Nguyên liệu:

- Củi bắp non: vài cái
- Củ cải, cà rốt, su hào, su su...: mỗi thứ một ít
- Hoa thiên lý: 100gr
- Măng vôi: vài nhánh
- Muối rang: ¼ muỗng cà phê

Cách làm:

- Củi bắp non: hầm chung với các loại rau củ để lấy

nước dùng

- Hoa thiên lý: nhặt, rửa sạch

- Măng vôi: lấy phần non, chẻ dọc. Luộc xả nhiều lần. Bắc nồi lên bếp, đổ nước dùng hầm từ rau củ vào nấu sôi. Thả măng, hoa thiên lý vào nêm muối rang vừa ăn. Canh sôi lại nhắc xuống liền để hoa thiên lý được giòn và còn giữ màu xanh.



Ảnh: Võ Lộc



CƠM GẠO LỨT - BROWN RICE
CHÂN NGUYÊN®

Natural Food - Natural Life

Phục vụ các món ăn được chế biến hoàn toàn từ gạo lứt, mè, rau đậu hạt thiên nhiên theo phương pháp 0768A70A.

96H Võ Thị Sáu - P. Tân Định - Q.1 - TP.HCM ĐT: (08) 38251659

82 Nguyễn Du - Q.1 ĐT: (08) 22422372

237 Trường Chinh, P. 12, Q. Tân Bình

C1 Đường số 4 Khu Dân cư Tân Trường, Đường Gò Ô Mây, P. Phú Thuận, Q. 7





Hồ thiêng trong khuôn viên nhà hàng Mandala

NHÀ HÀNG CHAY MANDALA VỚI PHONG CÁCH TÂY TẠNG HUYỀN BÍ ĐỘC ĐÁO - HƯƠNG VỊ VIỆT

Bài, ảnh PHÁP TUỆ

Nhận được tin báo, chúng tôi tranh thủ có mặt tại địa chỉ 110 Sương Nguyệt Ánh, Quận 1 để ghi nhận những hình ảnh đẹp sắp diễn ra của lễ khai trương nhà hàng. Những tưởng mình là người đến sớm, không ngờ đã có nhiều chư vị Tôn Đức Tăng Ni và quý vị quan khách đến tặng hoa, quả, chúc mừng nhà hàng.

Đúng 8 giờ, lễ khai trương chính thức được tổ chức theo pháp lễ của Mật giáo Tây Tạng. Khai lễ là hai vị Lạt ma, cùng với sự tham dự của chư Tôn Đức và Phật tử gần xa. Trong không khí trang nghiêm, lan tỏa mùi hương hoa cúng dường của xứ Tạng như hòa quyện theo tiếng tụng kinh cầu an (bằng tiếng Tạng) của mọi người; kế tiếp là các nghi lễ: dâng hoa lên Phật và các tranh tượng của ngài Guru Rinpoche (Liên Hoa Sinh), Bồ tát Quan Âm tứ thủ và dâng khăn Kata lên kim tượng Thần Tài... Buổi lễ kết thúc trong niềm hoan hỷ của Phật tử cùng các vị khách quý tham dự.

Nhà hàng chay Mandala tọa lạc ở trung tâm Sài Gòn, khoảng giữa con đường Sương Nguyệt Ánh, tự thân nhà hàng như nổi bật và tỏa sáng với thương hiệu Mandala so với những nhà hàng, cửa hàng và công ty của con đường này. Trong không gian yên tĩnh, nội thất thanh lịch, trang trí hài hòa với những bức thư pháp và các bức tranh Thangka của Mật giáo Tây Tạng, dòng nhạc Mật giáo trầm bổng tạo cho mọi người cùng chung cảm nhận sự bình an và tĩnh lặng thân tâm. Nơi đây đã trở thành điểm hẹn lý tưởng và thư giãn cho quý Sư, quý Phật tử gần xa dùng bữa, trao đổi công việc, tổ chức tiệc và khách thích ăn chay theo phong cách Tây Tạng huyền bí độc đáo, hương vị Việt được chế biến từ rau củ quả thiên nhiên.



mandala
VEGETARIAN RESTAURANT
NHÀ HÀNG CHAY



Đáng nét văn hóa Mật giáo Tây Tạng được thể hiện qua trang phục, cách giao tiếp và cung cách phục vụ của đội ngũ tiếp viên nhà hàng tạo nên sự hào cảm cho thực khách. Và ở trên lầu 2 cạnh tường còn có hai cặp chuông Mani luân, quý vị có thể vừa đọc câu thần chú lục tự đại bi chơn ngôn của Đức Quan Thế Âm Bồ Tát: "Om Mani Padme Hum" vừa quay Mani Luân giống như khi chúng ta đến các chùa Tây Tạng, để cầu mong sự bình an, phúc lạc. Và khi quý vị ra về, nhà hàng tùy duyên tặng quà lưu niệm, có thể là CD kinh Mật giáo, phim Tây Tạng hoặc thẻ VIP...

Với mong muốn phục vụ chư Tăng Ni, quý Phật tử gần xa và khách hàng vừa thích ăn chay vừa yêu thích Mật giáo Tây Tạng, xin hãy đến với nhà hàng chay Mandala để thưởng thức và cảm nhận.



Giờ mở cửa: từ 7h00 đến 22h00 - Có phục vụ điểm tâm sáng, cơm trưa văn phòng, tiệc outside...
110 Sương Nguyệt Ánh, Quận 1, TPHCM - ĐT: (08) 3926 0638 - Email: veg.mandala@yahoo.com

Cuộc sống đích thực

VNPT



www.hue.vnn.vn

Tập Đoàn Bưu Chính Viễn Thông VIỆT NAM

VNPT Thừa Thiên Huế

ĐC: 8 Hoàng Hoa Thám, Thành phố Huế
Tel: 054.3824008 / 3834499 * Fax: 054.3823474



DIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH



INTERNET ADSL



DIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH KHÔNG DÂY



DIỆN THOẠI DI ĐỘNG VINAPHONE



INTERNET CÁP QUANG



TRUYỀN HÌNH INTERNET ĐỘ NÉT CAO

- Độ nét cao Full HD
- Kho phim truyện, ca nhạc khổng lồ
- Xem lại các chương trình truyền hình
- Nhiều tiện ích khác

DIỆN THOẠI HỖ TRỢ KHÁCH HÀNG (MIỄN PHÍ)

- Báo hỏng dịch vụ viễn thông VNPT (ĐT cố định, Gphone, ADSL, FTTH, HueTV, MyTV...) : **119** (gọi từ ĐT cố định)
: **054119** (gọi từ di động)
- Đăng ký hòa mạng, hỗ trợ khách hàng : **3999999 / 3555555**
- Giải đáp, hỗ trợ dịch vụ Vinaphone : **18001091 / 9191**
- Giải đáp, hỗ trợ dịch vụ internet : **18001260 / 61 / 62**



VNPT Thừa Thiên Huế "Năng lực vượt trội, chất lượng bền vững"

Đón đọc

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

Số 130

Phát hành ngày 1 - 6 - 2011

CÁC ĐỊA ĐIỂM PHÁT HÀNH:

HÀ NỘI

Cửa hàng sách **Hồng Vân**
74 Quán Sứ, Hà Nội
ĐT: 0913 017 920

Cửa hàng **Chân Tịnh 1**
Chuyên viên Phòng Tổng hợp
Trường Đại học Kiến trúc
Km 10, đường Nguyễn Trãi,
Quận Thanh Xuân, Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0904 990 666

Cửa hàng **Chân Tịnh 2**
A38 TT8 khu đô thị Văn Quán,
Hà Đông - Hà Nội
Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Xuân
ĐT: 0938 071 188

THỪA THIÊN-HUẾ

Anh **Trần Văn Tý**
Tuệ Tĩnh đường Hải Đức
182 Phan Bội Châu, TP. Huế
ĐT: 0905 168 411

ĐÀ NẴNG

Chị **Thủy**, 200 Tô Hiến Thành,
Q. Sơn Trà - TP. Đà Nẵng
ĐT: 0905 278 527

Thượng tọa **Thích Từ Nghiêm**,
chùa Phổ Đà
340 Phan Chu Trinh, TP. Đà Nẵng
ĐT: 0914 018 093

Phòng Kinh sách chùa **Pháp Lâm**
(Thành hội Phật giáo Đà Nẵng)
500 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng
ĐT: 05113873128

QUẢNG NGÃI

Phòng phát hành
Văn hóa phẩm Phật giáo
334 Trần Hưng Đạo, TP. Quảng Ngãi
ĐT: 055 2221 819 - 0905 427 211
(chị **Linh**)

BÌNH ĐỊNH

Chùa **Long Khánh**
Tỉnh Hội Phật giáo Bình Định, TP. Quy Nhơn
- Bình Định
LH: Anh **Trần Ngọc Đạt**
ĐT: 0979 478 869

KHÁNH HÒA

Chị **Hương**,
Thư quán Hy Mã Lạp Sơn, chùa Long Sơn
số 20 đường 23 tháng 10,
TP. Nha Trang
ĐT: 058 2241 868 - 0168 2552 374

NINH THUẬN

Sư cô **Mỹ Đức**, Ban Văn hóa Ninh Thuận,
chùa Diệu Nghiêm, số 54 đường 21 tháng 8,
Phan Rang, Ninh Thuận. ĐT: 068 3820 806

ĐAKLAK

Thầy **Thích Nguyên Huân**,
chùa Sắc tứ Khải Đoan, 117 Phan Bội Châu,
TP. Buôn Ma Thuột
ĐT: 0500 3853837 - 0913 434 138

LÂM ĐỒNG

Thầy **Thích Minh Tuệ**
90B/32 Vạn Hạnh P.8, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3552 922

Nhà sách **Duy Tân**
31 đường 3 tháng 2, TP. Đà Lạt
ĐT: 063 3821 188

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Cô **Vân**, chùa Từ Quang
102 Hạ Long, P.1, TP. Vũng Tàu
Bà Rịa-Vũng Tàu
ĐT: 064 3856 415

Tịnh Thất **Long Thiên**
Núi Dinh, xã Hội Bài, huyện Tân Thành,
Bà Rịa-Vũng Tàu
LH: Sư cô **Liên Đức**. ĐT: 0643 941 099

SÓC TRĂNG

Đại đức **Thích Trung Hữu**
22 Ngõ Gia Tự, Sóc Trăng
ĐT: 0907 465 073

CÁN THƠ

Chị **Tâm**, Phòng phát hành
128 Nguyễn An Ninh, Q. Ninh Kiều,
ĐT: 0939282636

Thầy **Thích Minh Thông**,
chùa Phật Học, 11 Đại lộ Hòa Bình,
TP. Cần Thơ
ĐT: 0918800707 - 07103827685

TIỀN GIANG

Ni sư **Tịnh Nghiêm**, chùa Tịnh Nghiêm
145 ấp Mỹ An, xã Mỹ Song,
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.874.469 - 0913.601.656

Đại lý **Mây Hồng**, 57 Lý Thường Kiệt
TP. Mỹ Tho
ĐT: 0733.877.054

VĨNH LONG

Nhà sách **Khánh Tường**
135B đường 2 tháng 9, P.1
thị xã Vĩnh Long
ĐT: 070. 834 653 - 070. 834 654
(Chú **Tư Nở**)

TP. HỒ CHÍ MINH

Tại tòa soạn
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. 8, Q. 3

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách
và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 14.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG